

BÁCH KHOA

SỐ 53 — NGÀY 15-3-1959

Trong số này :

- BÍCH-QUANG Thuyết « Tính thiện » và « Tính ác » với việc giáo dục.
- PHẠM-NGỌC-THẢO Một ý kiến về Cách lãnh đạo chiến tranh.
- PHẠM-HOÀNG Khôn ngoan ? Hèn nhát ?
- NGUYỄN Thù nhà hay nợ nước ?
- HUY-TRÂM Hát-giang (thơ).
- NGUYỄN-TRIỆU Tài liệu về câu đối, văn bia và Miếu thờ Hai Bà.
- ĐOÀN-THÊM Chung quanh vấn đề chọn nghề.
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU Tìm hiểu lai bộ thượng-thư Ngô-Thời-Nhậm.
- SONG-AN CƯ-SĨ Tito, cộng sản quốc tế hay quốc gia ?
- PHAN - KHOANG và } Hồn Trung-hoa
- HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) } và Ki-Tô giáo.
- TIÊU-DÂN Không gian liên hành-tinh thuộc về ai ?
- Dương - Tuyên dã - phu } Phùng-Khắc-Khoan
- PHAN-VỌNG-HỨC } tức Trạng Bùng.
- NGUYỄN-VĂN-XUÂN Phê bình « Biều nhất lãm văn học cận đại ».
- BÙI-GIÁNG Dâng (thơ).
- NGUYỄN (dịch) Nước suối Trường xuân.
- HUY-LỰC Đường tình (thơ).
- THỦY-THỦ Giác mơ.
- HOÀNG-KHANH Mùa xuân của cuộc đời (thơ).
- PHẠM-LÊ-PHAN Những trang nhật ký
- VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) Knót lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cu*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lao-Manh-Tu*"
— Rượu Tàu "*Tch-Tho-Tu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

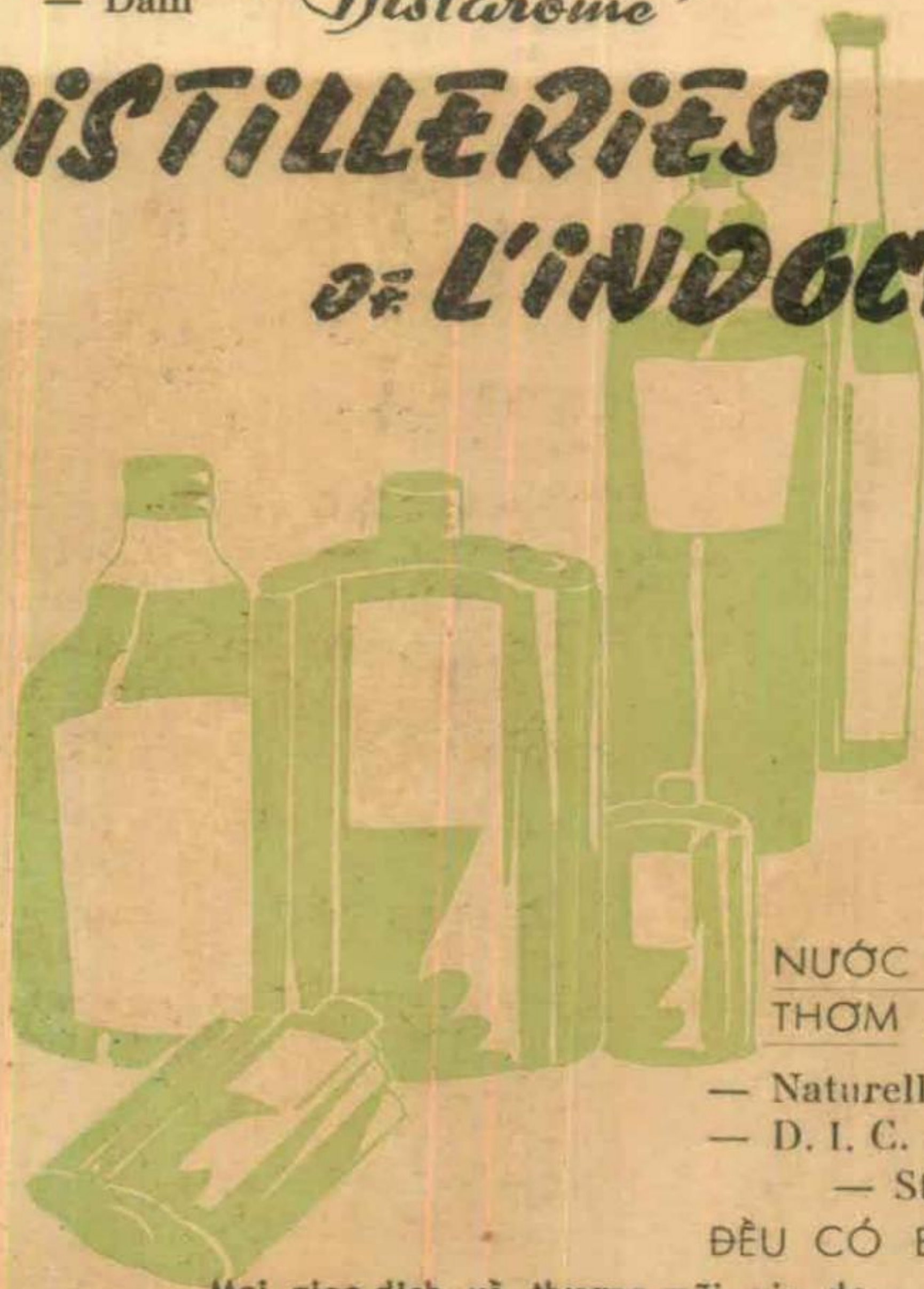
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Eến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẰNG
HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

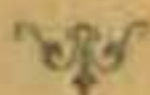
Xin hiển Quý khách
Giá du - ngoạn đặc - biệt
(có giá - trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG (*khứ hồi*) :

\$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT (*khứ hồi*) :

\$ 570 — mỗi người



XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



BÁCH - KHOA

Số 53 — Ngày 15-3-1959

BÍCH-QUANG

PHẠM-NGỌC-THẢO

PHẠM-HOÀNG

NGUYỄN

HUY-TRÂM

NGUYỄN-TRIỆU

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

SONG-AN CƯ-SĨ

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)

TIÊU-DẪN

Dương-Tuyền dã-phu

PHAN-VỌNG-HÚC

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

BÙI-GIÁNG

NGUYỄN (dịch)

HUY-LỤC

THỦY-THỦ

HOÀNG-KHANH

PHẠM-LÊ-PHAN

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)

Trang

*Thuyết « Tinh thiện » và « Tinh ác »
với việc giáo dục* 3

*Một ý kiến về Cách lãnh đạo chiến
tranh* 7

Khôn ngoan ? Hèn nhát ? 13

Thù nhà hay nợ nước ? 14

Hát-giang (thơ) 18

*Tài liệu về câu đối, văn bia và
Miếu thờ Hai Bà cùng lời phê bình
của một số sử gia* 19

Chung quanh vấn đề chọn nghề. . 25

*Tìm hiểu Lại bộ thượng thư Ngô-
Thời-Nhậm* 31

Tito, cộng sản quốc tế hay quốc gia ? 34

Hồn Trung-hoa và Ki-Tô giáo. . . 39

*Không gian liên hành-tinh thuộc
về ai ?* 48

*Tài liệu văn học Phùng-Khắc-Khoan
tức Trạng Bùng (thế kỷ thứ XVI). .* 53

*Phê bình « Biểu nhất lãm văn học
cận đại » của Thanh-Lãng* 60

Dâng (thơ) 67

Nước suối trường xuân 69

Đường tình (thơ) 78

Giấc mơ 79

Mùa xuân của cuộc đời (thơ). . . 83

Những trang nhật ký 84

Khói lửa kinh thành 92

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-THỰC-TRINH : *Vấn đề phát triển nông nghiệp tại Việt-Nam.*
- NGUYỄN-HIỂN-LÊ : *Cái chết của Socrate.*
- NGUYỄN-QUANG-NHÀ : *Cảm hứng về thú chơi hoa ngày Xuân.*
- LÊ-LINH : *Vấn đề nghiện rượu tại Việt-Nam.*
- PHAN-VĂN-THIỆT : *Án tử hình.*
- ĐOÀN-THÊM : *Đọc tạp chí ngoại quốc.*
- SONG-AN CƯ-SĨ : *Vấn đề Căm-bốt.*
- R. BOSC (TIÊU-DÂN dịch) : *Quyền dân tộc tự quyết.*
- NGUYỄN-TỬ-QUANG : *Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ.*
- NGUYỄN-NGỌC-QUANG : *Thơ Ma.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ?*
- PHẠM-HOÀN-MĨ : *Lạc-vương hay Hùng-vương ?*
- NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN : *Đặc tính của tiểu thuyết.*
- LÊ-THANH-THÁI : *Chiếc đồng hồ con ngựa (truyện ngắn).*
- VŨ-HẠNH : *Chiều cuối năm (truyện ngắn).*
- LAN-ĐÌNH : *Người khóc thầm ban đêm (truyện ngắn).*
- KIỀU-YIÊU (dịch) : *Hai anh em họ Trương.*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn **BÁCH-KHOA**
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Thuyết « Tính thiện » và « Tính ác » với việc giáo dục

• BÍCH-QUANG

« **N**HÂN chi sơ, tính bản thiện ; tính tương cận, tập tương viễn » : đó là mấy câu mở đầu sách « Tam tự kinh », cuốn sách vỡ lòng của những người bắt đầu học chữ Hán. Tuy dùng sách vỡ lòng, nhưng mấy câu kia đã tóm lược cả cái học thuyết « Tính thiện » của Mạnh-Tử, một nhà hiền triết sâu sắc vào bậc nhất trong nền tư tưởng của Trung-Quốc.

Theo Mạnh-Tử thì bản tính con người ta vốn là thiện, cũng như nước vốn chảy xuống chỗ thấp : không người nào là tính chẳng thiện, cũng như nước nào là chẳng chảy xuống chỗ thấp.

Để chứng minh cho cái thuyết « Tính thiện » đó, Mạnh-Tử đã đưa ra những điều nhận xét như sau : « Người ta ai cũng có lòng bất nhẫn nhưng khi trong thấy đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng phải động lòng thương

xót đứa trẻ, không phải muốn làm thân với cha mẹ nó mà thương, không phải muốn cầu tiếng khen với làng xóm mà thương, cũng không phải là vì ghét cái tiếng bất nhân mà phải giả cách thương đâu, nguyên trong tâm người ta ai cũng có sẵn cái lòng tự nhiên thương người, cái lòng thương đó tức là cội đầu mỗi điều nhân. Suy ra mà xét thì ai cũng sẵn có lòng hồ thẹn điều xằng, tức là đầu mỗi điều nghĩa ; cái lòng nhún nhường lễ phép, tức là đầu mỗi điều lễ ; ai cũng sẵn có cái lòng phân biệt điều phải điều trái, tức là đầu mỗi trí khôn ; xem thế thì trong tâm người ta ai cũng sẵn có bốn cái đức tính : nhân, nghĩa, lễ, trí, ấy là tứ đoan, thì biết tính người ta ai cũng bản thiện ». (1)

(1) Theo bản dịch của Nguyễn-hữu-Tiến trong Nam-Phong số 183, tháng 4 năm 1933.

Nhưng nếu tính người ta ai cũng vốn thiện, tại sao trong xã hội thực tế, ta lại gặp thấy bao nhiêu là những người gian ác ? Mạnh - Tử giải thích rằng : «Người ta mà sinh ra ác là tại bị vật dục nó làm hôn mê mất tính thiện đi, cũng ví như búa rìu làm trụi mất mầm cây trên núi đi vậy. Đây là những lời của Mạnh-Tử : «Cây ở trái núi Ngưu - Sơn kia, nó vốn xanh tốt ; vì nó gần nơi thành thị, nên bị nhiều người đem búa rìu ra chặt đốn luôn, thì cây mọc tốt sao được. Song còn cội rễ nó mọc lên, ngày đêm sinh trưởng mưa móc tưới nhuần, nó cũng vẫn còn chồi nhánh đâm ra. Nhưng lại bị trâu dê đến phá, nên cây núi mới trụi sạch như thế kia. Người ta thấy trái núi trụi sạch như vậy, cho rằng trái núi kia vốn không có cây gỗ nào, có phải là cái bản tính của núi ấy như thế đâu ? Cũng ví như người ta lúc mới sinh ra vốn có cái lương tâm nhân nghĩa, chỉ vì vật dục làm phóng mất cái lương tâm đi, cũng như búa rìu làm trụi mất cây đi, ngày nào cũng đốn phá đi mãi, thì thế nào cho mọc lên được. Nhưng còn chút mầm thiện tâm chưa mất hẳn, cũng ví như cái cây vẫn còn mầm, lúc tỉnh mạch nó lại hồi tâm tươi tỉnh lên, như những lúc bình minh buổi

sớm, khí còn tỉnh, tâm còn thanh, cái mầm nhân nghĩa lương tâm cũng hồi tỉnh được đôi chút, nhưng đến ban ngày lại bị biết bao nhiêu là vật dục cùn trối cái lương tâm ấy đem đi mãi, đem dắt đi mãi thì cái thần khí trong sạch lúc ban đêm lại mờ tối đi, cái tâm lại sinh xằng, không khác gì loài cầm thú. Người ta thấy con người kia nhân diện mà thú tâm, mới nghĩ rằng con người kia chưa từng có lương tâm bản thiện bao giờ, nào có phải cái bản tính người ấy nó vẫn như thế đâu ». (2)

Theo thuyết « Tính thiện » của Mạnh-Tử thì con người bản tính vốn tự nhiên là tốt, chỉ vì bị vật dục làm mờ mất bản tính thiện đó đi nên mới trở thành ác. Nên việc giáo dục cốt chỉ lo « dưỡng tính » để nuôi lấy cái tính vốn thiện, và « tồn tâm » để giữ vững lấy cái lòng thành là đủ. Giáo dục sẽ không có mục đích làm cho tính con người trở nên thiện, vì nó vốn đã là thiện rồi ; giáo dục chỉ còn tính cách tiêu cực là tránh không để cho vật dục làm mờ mất cái lương tri lương năng của con người. Vì thế trong việc giáo dục không cần đến kỷ luật bó buộc hay hình phạt sửa dạy,

(2) Theo bản dịch của Nguyễn-hữu-Tiến trong Nam-Phong số 183, tháng tư năm 1933.

Danh ngôn, danh lý

BÌNH TÍNH VÀ TỰ CHỦ

★ Việc tất đến thế, lý tất phải thế, chỉ duy người trầm tĩnh mới trông thấy trước và biết rõ ràng. (Tô-Tuân)

cứ để cho cá tính con người được hoàn toàn tự do phát triển, tất nhiên sẽ theo thiện tính và luôn sẽ là thiện.

Thuyết « tính thiện » của Mạnh-Tử trên đây có nhiều điểm giống với lý thuyết của Jean-Jacques Rousseau, một văn sĩ triết gia Pháp về thế kỷ XVIII. Trong cuốn « Emile » Rousseau cũng chủ trương rằng : con người ta bản tính tự nhiên vốn tốt lành, nhưng bị những văn minh của xã hội làm cho hóa ra hư hỏng đồi bại. Để cải thiện con người, ông đề xướng ra một phương pháp giáo dục mới nên đưa đứa trẻ đi xa những nơi đô thị để đứa trẻ được tiếp xúc với Thiên - Nhiên. Trong việc giáo dục đó, vị giáo sư chỉ có nhiệm vụ tiêu cực là ngăn cản những ảnh hưởng xấu của xã hội văn minh không để cho nó làm hư hỏng bản tính tự nhiên vốn tốt lành của đứa trẻ : cứ để mặc đứa trẻ tự do theo khuynh hướng tự nhiên, tất nhiên nó sẽ giữ được bản tính vốn tốt lành của nó.

Trái với thuyết « tính thiện » của Mạnh-Tử, Tuân-Tử chủ trương thuyết « tính ác » cho rằng con người ta vốn là ác ; nên nếu cứ để tự nhiên thì người ta sẽ làm điều ác, vì làm điều ác thì dễ như xuống dốc và thích hợp với bản tính con người ; còn như muốn làm điều thiện thì phải cố gắng lắm mới được, vì nó khó khăn như trèo lên núi cao.

Vì bản tính người ta vốn là ác, nên muốn giáo hóa cho con người biết làm điều thiện, không thể để cho người ta được tự do theo sở thích tự nhiên, nó sẽ đưa người ta đến điều ác ; nhưng phải dùng lệ luật để cưỡng bách

người ta làm điều thiện, và nếu vi phạm sẽ phải dùng đến hình pháp để sửa trị.

Với thuyết « tính ác » thì công việc giáo dục không phải để cải hóa làm cho con người trở nên thiện, vì bản tính vốn ác không thể biến đổi đi được ; nhưng giáo dục chỉ là ngăn cấm người ta không cho làm những điều ác, và muốn ngăn cấm thì phải dùng đến hình pháp. Trong một nền giáo dục xây dựng trên học thuyết « tính ác » không còn chỗ cho tự do con người, chỉ nguyên là kỷ luật cưỡng bách.

Trên đây là hai học thuyết đối lập về bản tính con người : Mạnh-Tử chủ trương « tính thiện », Tuân-Tử lại theo thuyết « tính ác ». Như ta đã thấy, những học thuyết đó có ảnh hưởng rất lớn đối với đường lối và phương pháp giáo dục. Nếu bản tính người ta vốn thiện, thì không cần phải tập luyện cho nó trở nên tốt, chỉ cần ngăn cản những gì làm cho bản tính đó hư hỏng đi. Còn như nếu bản tính người ta vốn đã là ác thì không thể nào cải hóa nó cho thành thiện được, nên chỉ có cách dùng luật pháp để buộc người ta làm điều thiện và tránh làm điều ác.

Nhưng cả hai học thuyết đều thiên lệch và quá đáng : bản tính người ta không chỉ nguyên là thiện, cũng không phải chỉ nguyên là ác ; nhưng nơi người ta vừa có những mầm mống những khuynh hướng tốt, lại vừa có những gốc rễ của tính xấu tật hư. Không ai là người tự bản tính đã hoàn toàn tốt, cũng không ai là hoàn toàn xấu ; nhưng ai cũng có cả đức tốt lẫn tính xấu, có khác chăng là người này có nhiều đức tốt hơn tính xấu, còn người kia lại nhiều tính xấu hơn đức tốt.

Vì bản tính người ta vừa thiện lại vừa ác, nên giáo dục là cốt làm nảy nở thêm cái phần tính thiện và cải hóa ngăn ngừa cái phần tính ác không cho nó phát triển thêm lên. Một nền giáo dục chân chính phải theo đuổi cả hai mục đích ấy : nếu chỉ chú trọng đến phần tính thiện mà lãng quên việc sửa trị cái phần tính ác, thì cái tính ác sẽ phát triển mạnh và có khi sẽ bóp nghẹt cả những mầm mống những khuynh hướng tốt nơi con người ; trái lại nếu chỉ nguyên lo việc cải hóa ngăn ngừa cái phần tính ác mà không chuyên chú đủ đến việc làm nảy nở cái phần tính thiện, thì những khuynh hướng tốt kia không có cơ phát triển.

Cái khó trong việc giáo dục chính là làm thế nào điều hòa được cả hai phương diện : muốn cho cái phần tính thiện nảy nở, phải tôn trọng tự do của con người để con người có thể phát huy cá tính của mình ; nhưng cũng cần phải

có kỷ luật và hình pháp để cải hóa cái phần tính ác và ngăn ngừa những điều xấu. Không có kỷ luật con người sẽ dễ theo cái đà xuống dốc, nhưng không có tự do thì cá tính con người không có đủ không khí để phát triển.

Một nền giáo dục muốn có hiệu quả phải có đủ hai yếu tố cần thiết đó : tự do và kỷ luật. Tự do vừa đủ để những đức tốt nơi con người có thể nảy nở, kỷ luật vừa chừng để cải hóa và sửa trị không cho những tính xấu phát triển. Vì bản tính người ta không vốn là thiện, nên giáo dục là để làm cho người ta trở nên toàn thiện ; vì bản tính người ta không vốn là ác, nên giáo dục là để cải hóa người ta biết tránh điều ác. Bớt được cái phần tính ác, tăng thêm cái phần tính thiện : đó là mục đích của tất cả công việc giáo dục con người.

BÍCH - QUANG

« Đơn kỵ bình man »

Nước ta, đời Trần có giặc man ở Đà-giang, do Trịnh-giác-Mật cầm đầu. Vua Trần sai Trần-nhật-Duật đi đánh. Duật đem quân đến sông Đà, gặp sứ của Mật tới dinh nói : « Nếu tướng quân một mình qua nói chuyện thì Mật hàng ngay ». Duật nghe, sửa soạn ra đi. Bộ hạ cản lại, Duật nói : « Không lo, nếu Mật hại ta, triều đình còn nhiều tướng khác ». Khi tới trại Mật, quân Mật vây tròn mấy vòng, giáo mác chĩa cả vào trong. Duật tiến thẳng tới nơi. Nguyên Duật vốn thạo tiếng man, lại quen tục man, người man thấy thế vừa kinh vừa mừng, trong một ngày đó, Mật đem cả gia thuộc đầu hàng và theo Duật về kinh. Do đấy có câu : « Đơn kỵ bình man », chỉ một mình một ngựa mà bình được giặc man.

MỘT Ý KIẾN VỀ

Cách lãnh đạo chiến tranh

Phạm-ngọc-Chảo

NHỮNG danh tướng như Delattre de Tassigni, Salan của Pháp-Quốc, Montgomery của Anh Quốc chẳng hạn, đâu phải là người kém tài năng. Đọc lại tiểu sử họ, ai cũng phải kính phục trước những thành tích quân sự lớn lao. Nhưng tại sao Delattre và Salan, trên thuộc địa cũ của Pháp, và Montgomery trên thuộc địa cũ của Anh, sau những trận chiến thắng vẻ vang ở giai đoạn đầu, đã phải chịu thua lần thua hồi trước một kẻ địch có thể nói hết sức ấu trĩ về phương diện kỹ thuật quân sự?

Tại sao? Có lẽ không ai dám nói rằng vì họ là tướng dỏ, bởi thật sự họ là bậc thầy trong hàng ngũ quân nhân thế giới. Vậy vượt qua vấn đề cá nhân, và chánh trị, nếu ta bình tĩnh mà xét vài đặc tính của hai tư tưởng quân sự hiện nay đối lập nhau, thiết tưởng cũng có thể giúp ta hiểu phần nào lý do thất bại của những danh tướng kia.



Vấn đề tánh chất chiến tranh

Lịch sử quân sự thế giới theo quan điểm cổ điển thường làm cho ta quan niệm một cuộc chiến tranh như là một cuộc giao phong giữa hai quân đội đại diện cho hai phe tuyên chiến. Nó là một sự kiện bất thường và bất đắc dĩ. Nói đến chiến tranh là nói đến một môn dành riêng cho giới võ tướng và quân nhân, các quan văn không thể có ý kiến gì đáng kể, bởi họ không phải là nhà « chuyên môn ». Tuy ngày nay phái quân sự cổ điển có thay đổi phần nào lập trường xưa bằng cách họ chủ trương lúc chiến tranh, hay lúc tình hình gay go, họ cần nắm luôn cả quân sự lẫn chánh trị và hành chánh, song trên căn bản họ vẫn nghĩ vấn đề giải quyết một cuộc chiến tranh là một vấn đề quân sự và quân đội phải là yếu tố chánh. Còn hoạt động của tổ chức xã hội, chánh trị, hành chánh, chỉ là phụ thuộc. Họ có một câu đề tả lập trường đó « Khi đại bác và thần công đã nổ, phải dẹp chánh trị qua một bên ».

Trái ngược lại, một phái quân sự khác mà ta có thể gọi tạm là phái quân sự cách mạng, có một quan niệm khác hẳn về chiến tranh. (Đây tôi dùng tiếng cách mạng với ý nghĩa là : Mới mẻ, đảo lộn quan niệm cũ, nhưng tôi không đứng trên lập trường chánh trị để xét cách mạng tốt hay xấu). Một nhà nghiên cứu quân sự tiền bối của phái này có thể là Carl von Clausewitz có tỏ ý kiến như sau : « Chiến tranh cũng thuộc phạm vi của sinh hoạt xã hội... nó không phải gì hơn là sự nối tiếp hoạt động chánh trị với những phương tiện khác được tăng cường thêm... Hoạt động chánh trị và hoạt động quân sự luân phiên nhau ra trước màn của sân khấu, nhưng đó vẫn là một tuồng. Tuồng thành công hay không tùy người chủ tuồng biết sắp đặt các màn cho hợp thời : lúc nào quân sự, lúc nào chánh trị cho đúng thời cơ... Chánh trị có vĩ đại và cao siêu thì quân sự mới có thể vĩ đại và mãnh liệt... Chiến tranh là một hành động cường bạo và không có gì giới hạn tánh chất cường bạo của nó... » Như vậy theo phe này chiến tranh là tình trạng thường xuyên xảy ra và nó là một sự tiếp tục tất yếu của giai đoạn hoạt động chánh trị.

Vấn đề lực lượng chiến tranh và ranh giới giữa hòa bình và chiến tranh

Dựa trên hai quan niệm căn bản khác hẳn nhau về tánh chất chiến tranh nên hai phái quân sự cổ điển và cách mạng nhận định lực lượng chiến tranh cũng khác nhau.

Đối với phái quân sự cổ điển, lực lượng quyết định để giải quyết chiến tranh

là quân đội. Tư tưởng này xưa kia rất rõ rệt nên mới có thể xảy ra những cuộc chiến tranh dài 100 năm giữa hai quân đội Anh và Pháp trong khi nhân dân của hai xứ vẫn lo làm ăn như thường và chỉ phải đóng thuế nặng hơn thời bình mà thôi. Ngày nay tư tưởng đó có biến chuyển phần nào. Họ có quan tâm đến lực lượng nhân dân nhưng chỉ trên phương diện tiếp tế vật chất và phần nào tiếp viện tinh thần cho quân đội mà thôi. Trên bước tiến của lịch sử họ lần lần nhận sự quan trọng của vấn đề vận động nhân dân của nước họ và cả của nước địch, nên một ngành mới mẻ được tổ chức rất rườm rà và tốn kém gọi là « Chiến tranh tâm lý ». Tuy vậy trên căn bản họ phân định một ranh giới trong việc xử dụng nhân dân tham gia chiến tranh. Chẳng hạn đưa một số thường dân không am hiểu quân sự đi ra chống lại một đơn vị quân đội chuyên nghiệp của địch là một ý nghĩ họ không thể chấp thuận được. Họ có đặt ranh giới cho mỗi môn : quân sự, chánh trị, kinh tế, văn hóa ; ranh giới cho các hành động trong thời bình, thời báo động, thời chiến. Những ranh giới trên cũng rõ ràng gần như lần ranh giới hoạt động của Tỉnh này và Tỉnh nọ. Đối với họ điểm chánh của giai đoạn chuẩn bị chiến tranh là tăng cường số lượng quân đội, nâng cao mức sản xuất vũ khí ráo riết, luyện tập quân đội. Họ xác nhận giai đoạn chiến tranh chỉ bắt đầu khi nào hai bên hay ít nhứt một bên đã tuyên chiến, chấm dứt bang giao và xử dụng đến quân đội. Trước thời phút tuyên chiến là thuộc phạm vi của giai đoạn hòa bình.

Nhìn qua phía quân sự cách mạng, quan niệm lực lượng chiến tranh lại khác biệt rõ rệt. Đối với phái này lực lượng chiến

tranh là toàn dân. Quân đội chỉ là một bộ phận của lực lượng chiến tranh. Tuy theo giai đoạn chiến tranh, quân đội có khi là bộ phận chánh, có khi là bộ phận phụ của lực lượng chiến tranh. Chính vì họ quan niệm nhân dân trong toàn khối mới là lực lượng chiến tranh nên họ có nêu ra một ý niệm rất đáng chú ý: *Vấn đề thực lực chiến tranh*. Thực lực tức là lực lượng có thể sử dụng thực sự. Nhân số của một dân tộc không phải là thực lực chiến tranh, quân số của cả quân đội cũng không phải là thực lực quân sự; nó chỉ là những con số của lực lượng, nhưng không phải có thể sử dụng thực sự hoàn toàn con số đó. Chẳng hạn một dân tộc có 40.000.000 người, có thể gồm ít thực lực chiến tranh hơn một dân tộc có 20.000.000 người nếu khả năng hoạt động của 2 dân tộc đó chênh lệch nhau nhiều và thuận về dân tộc thiểu số.

Theo họ, muốn biến lực lượng chiến tranh của toàn dân thành thực lực chiến tranh cần phải thực hiện 3 điều kiện: *Tổ chức, sinh hoạt tư tưởng, hoạt động*. Ba điều kiện đều cần yếu và không thể thiếu điều nào cả. Ta có thể giải thích ý trên bằng một phương trình toán học:

$$\text{Thực lực} = \text{Tổ chức} \times \text{Sinh hoạt} \times \text{Tư tưởng} \times \text{Hoạt động}$$

Nếu bên vế phải của phương trình có một thừa số bằng số không thì tích số cũng bằng số không. Nói một cách khác, nếu một lực lượng có tổ chức, có sinh hoạt tư tưởng mà không hoạt động thì lực lượng đó cũng thiếu bảo đảm về năng lực thực tế, vì họ như là trường hợp của một học sinh giỏi lý thuyết mới ra trường và không kinh nghiệm. Mặt khác, nếu một lực lượng

có sinh hoạt tư tưởng, có hoạt động mà thiếu tổ chức thì cũng không phải là một lực lượng mạnh vì sinh lực có thể bị sử dụng bừa bãi, phân tán nhiều hướng vô ích và vô lý, thiếu một kỷ luật đề đốc nắm các phần tử của lực lượng thành một khối đồng nhất. Đồng thời họ cho rằng một lực lượng có tổ chức, có hoạt động mà không có sinh hoạt tư tưởng tức là không có một lý tưởng được trau dồi thường xuyên và sâu sắc thì lực lượng đó cũng không vững. Nó là một lực lượng có xác mạnh khỏe nhưng không có hồn, không có động cơ tinh thần đề động viên cao độ khả năng vật chất. Do đó, nó có thể bị đối phương phản tuyên truyền và làm lung đoạn tinh thần.

Vì họ quan niệm chiến tranh là tình trạng thường xuyên xảy ra sau một thời hòa bình, nên muốn chiến thắng họ cố biến toàn dân thành thực lực chiến tranh sẵn sàng ngay trong thời bình.

1) *Tổ chức*:

Họ chủ trương tổ chức nhân dân thật chặt chẽ trong nhiều hệ thống kiểm soát ngang và dọc. Hệ thống dọc căn cứ vào từng giới, hoặc nghề nghiệp, hoặc tôn giáo, do đó có xuất hiện những tổ chức như: Thiếu-nhi, Thanh-niên, Phụ-nữ, Nghiệp-đoàn, Nông-hội, những hội tôn-giáo v.v... Đề bổ trợ hệ thống dọc một hệ thống ngang căn cứ vào địa dư, dựa vào phạm vi xã, quận, tỉnh, khu... được thiết lập song song. Hai loại hệ thống đó như một cái lưới búa trên đám nhân dân để khép họ vào một tổ chức hướng dẫn họ sinh hoạt tư tưởng, thúc đẩy và kiểm soát họ hoạt động. Để hoàn thành và thống nhất chỉ huy, có một hệ

thống thứ ba gọi là hệ thống chánh trị tức là tổ chức đảng, kiểm soát và chỉ phối hai hệ thống kia của dân chúng và chánh quyền. Họ muốn cho người dân không thể làm gì, nói gì, tưởng gì mà có thể lọt ngoài vòng kiểm soát cả. Được như vậy họ gọi là « nắm được dân ».

2) *Sinh hoạt tư tưởng.*

Đã có tổ chức dân, họ cho dân sinh hoạt tư tưởng tức là học tập điều gì hợp với đường lối của họ và được gọi là chánh nghĩa. Họ rửa sạch những tư tưởng địch đã lọt vào óc dân mà họ gọi là tư tưởng phi nghĩa. Phương pháp tuyên truyền rất khéo léo, chẳng những người dân phải sinh hoạt theo hệ thống địa dư, tức là trong từng xóm, từng ấp, từng xã mà lại còn sinh hoạt thêm theo hệ thống dọc tức là theo bạn đồng nghiệp, đồng tôn giáo, đồng tuổi, đồng cảnh xã hội. Nhờ cách sinh hoạt chặt chẽ, một lý tưởng sẽ thấm vào đầu óc của mỗi người, dù muốn dù không. Vấn đề lý tưởng được chú trọng hết sức đặc biệt và gương của những chiến sĩ hy sinh vì lý tưởng được đề cao tột bậc.

3) *Hoạt động.*

Song song với hai điều kiện trên, họ thúc đẩy hoạt động, tấn công địch từ trong nội bộ, đồng thời với sự tấn công địch ngay trên đất của địch. Dù công tác hoạt động lớn hay nhỏ, ai cũng phải hoạt động. Công tác tiếp tế, công tác tuyên truyền, công tác phá hoại, công tác tình báo, công tác kinh tế, văn hóa v.v... không ai được miễn cả và không ai được kêu ca phản đối.

Nói đến thực lực thì phải nói đến hoạt động. Nhưng trái với quan niệm quân sự cổ điển, hoạt động chuẩn bị chiến tranh là một hoạt động thường xuyên, vì theo họ không có ranh giới rõ ràng giữa hòa bình và chiến tranh. Tuy trên giấy tờ chưa có tuyên chiến nhưng thực sự là họ đã tuyên chiến thường trực. Trong khi bên phái quân sự cổ điển đặt nhiều ranh giới giữa thời này và thời kia, môn này và môn kia, tỉnh này và tỉnh kia, thì phái quân sự cách mạng lợi dụng sơ hở của ranh giới, dựa phạm vi đất đai, hay quyền hạn, hay luật pháp, hay luân lý để hoạt động tấn công thường xuyên. Trong thời bình chẳng hạn, họ chủ trương bắt đầu khủng bố tinh thần, nhưng rất khéo léo không để bằng chứng nào cụ thể và rõ rệt chứng minh thái độ khiêu chiến. Họ cho nổ súng nhưng đến mức nào chưa có thể gọi là một trận tác chiến chánh quy hay có tổ chức. Họ cho quân đội hoạt động nhưng dưới hình thức phân tán và đội lốt đám cướp hay một tổ chức đối lập của nội bộ địch. Họ cố gắng hoạt động tại ranh giới của hai địa phận để tránh lực lượng của cả hai địa phận. Chính nhờ hoạt động chiến tranh trong giai đoạn hòa bình mà thực sự họ đã khởi chiến rồi. Đến khi chiến tranh chánh thức được tuyên bố, thì một bên mới khởi chiến còn một bên đã qua đến giai đoạn thứ nhì của chiến tranh cách mạng rồi.

Vấn đề chiến thuật, chiến lược :

Phái quân sự cổ điển khi bàn đến chiến lược và chiến thuật cần phải có trước mắt một địa đồ vật lý. Họ hết sức chú trọng đến vấn đề nắm vững địa thế : Chiếm các trục giao thông

chiến lược và kiểm soát các trục giao thông chiến thuật, cố gắng làm chủ những vùng phì nhiêu, những kho dự trữ nguyên liệu chiến lược, bao vây các yếu khu có địa thế tốt. Trên một bản đồ quân sự, họ có thể bàn vấn đề chiến lược chiến thuật một cách rất đầy đủ và thỏa mãn, vì theo họ việc đó như là một bài toán hình học vậy. Họ nghĩ rằng nếu chiếm được *thật mau* các trục giao thông chiến lược, kiểm soát được *thật mau* các yếu khu chiến lược và nắm giữ *thật mau* quyền sử dụng nguyên liệu chiến lược thì kẻ như chiến tranh đã giải quyết xong trên căn bản. Qua giai đoạn chiến thắng nói trên, họ thường cho chiến tranh đã vào giai đoạn bình định. Bấy giờ họ chia lãnh thổ thành từng khu vực và giao quyền *an ninh lãnh thổ* cho từng đơn vị một. Cần chú ý danh từ *an ninh lãnh thổ* có thể không bao gồm *an ninh nhân dân*. Để bảo đảm thắng lợi, họ tập trung khả năng vật chất và nhân lực vào quân đội một cách tuyệt đối để quân đội có thể *giải quyết thật mạnh* và *thật mau* cuộc chiến tranh.

Vì quan niệm chiến thuật chiến lược như một bài toán hình học và số học nên các trường quân sự đòi hỏi điều kiện phải giỏi toán học mới có thể vào được, còn vấn đề tâm lý học hay vấn đề lý tưởng không được kể đến.

Phái quân sự cách mạng trái lại chủ trương đánh *lâu dài* trong chiến lược và chỉ đánh *thật mau* trong chiến đấu. Nói một cách khác, tuy họ cố gắng tập trung lực lượng với một ưu thế tuyệt đối trong từng trận chiến đấu, song họ không cần đến một lực lượng

đông đảo để bắt đầu một cuộc chiến tranh vì họ chủ trương có thể *kéo dài* cuộc chiến tranh để lần hồi xây dựng lực lượng họ và tiêu hao lực lượng địch. Họ chia chiến tranh thành nhiều giai đoạn. Lúc họ yếu, họ rút lui: tránh đụng trận lớn, phân tán quân ẩn núp trong rừng dân hơn là trong địa thế tốt, xếp vũ khí bằng sắt và lấy miệng làm vũ khí tuyên truyền thay thế. Lúc họ mạnh hơn thì họ cầm cự với địch: Gặp địch hai họ một thì họ tránh, họ mười địch một, họ đánh. Chỉ đến lúc tương quan lực lượng giữa họ và địch thiên hẳn về phe họ thì mới bước sang giai đoạn tấn công. Đến giai đoạn này, quân đội đã trưởng thành mới là bộ phận chánh của lực lượng chiến tranh. Nhưng theo họ, nó cũng không thể tách rời khỏi nhân dân... Trong giai đoạn họ yếu, họ tổ chức một cuộc *chiến tranh không có mặt trận*, không dựa vào giao thông chiến lược, không dựa vào địa thế mà dựa vào dân.

Căn bản của vấn đề chiến thuật, chiến lược đối với họ là vấn đề tổ chức nhân dân, vận động nhân dân tham gia chiến tranh và phụ thuộc vào đường lối chánh trị chung. Họ không thể bàn vấn đề chiến thuật, chiến lược trên một bản đồ quân sự thuần túy mà cần thêm và cần nhứt là bản đồ dân tâm.

Nguyên lý quân sự của phái cách mạng và phái cổ điển khác nhau như mặt trời và mặt trăng vậy. Sự khác biệt không phải chỉ trên phương diện kỹ thuật, chiến thuật hay chiến lược thôi đâu mà chính cần thấy rõ sự khác biệt

MỘT Ý KIẾN VỀ CÁCH LÃNH ĐẠO CHIẾN TRANH

đó sâu sắc hơn và ở ngay trên quan niệm chiến tranh và lãnh đạo chiến tranh.



Chỉ huy đánh giặc mà chỉ lo tập luyện đơn vị mình cho hoàn hảo theo ý muốn chủ quan của mình không đủ. Mình tổ chức quân đội không phải để đánh một quân đội khác y như quân đội của mình, nhưng để đánh một quân đội hay một số người địch tổ chức theo quan niệm của họ. Có những quân đội hết sức giỏi do tướng chỉ huy cũng hết sức tài mà đánh không thắng được giặc. Phải chăng lý do là vì: « họ biết họ nhưng họ không biết địch » ?

Đây không phải là chủ trương thấy một vài thành công của một phe nào trong chiến tranh rồi cố tổ chức y theo phe đó. Đây chỉ muốn nói không nên chỉ huy chiến tranh theo ý định chủ quan của mình mà cần rõ đường lối, tư tưởng quân sự của địch để đối phó chủ động dành phần thắng lợi về mình.

Cần biết địch để chọn cách đối phó thích ứng, nhưng biết địch là cần biết cho đúng và cận kề. *Hết sức nguy hại là chỉ nhìn về phương diện kỹ thuật và không đi sâu vào đường lối và tư tưởng của địch.* Có những tổ chức và kỹ thuật thích hợp với một lý tưởng, đường lối nào đó nhưng rất tai hại nếu áp dụng cho một lý tưởng và đường lối khác. Một quân đội đi xâm lược chẳng hạn thường áp dụng đường lối « an ninh lãnh thổ » tức là dựa vào địa thế mà bố trí và tổ chức quân lực. Đối lập với

họ có khi họ gặp một quân đội bất chấp nguyên tắc địa thế và chỉ dựa vào dân để tổ chức chiến tranh. Do đó bao nhiêu kế hoạch rất hoàn bị của Bộ chỉ huy quân đội xâm lăng đều không hiệu quả. Họ chặn ngã tư đường thì bên kia đi đường mòn khác. Họ giữ các vàm sông rạch thì bên kia dùng sức người gánh đồ tiếp tế băng qua đồng. Thế mà nếu dựa vào dân để tổ chức an ninh thì thất bại càng mau vì đây không phải là vấn đề kỹ thuật mà là vấn đề đường lối, chủ trương chung.

Nếu dày công mài một thanh gươm thép tốt cũng có thể chặt đứt được các vật cứng như sắt. Nhưng nếu lấy gươm đó đem chém mặt nước thì dù có chém thật mạnh và thật mau cũng không hiệu quả gì. Khôn ngoan là biết làm sao biến khối nước đó thành nước đá, thì dù gươm lụt cũng có thể chém đứt được. Bằng không, dù có đổi cách chém, chém xuôi, chém ngược cũng vô ích như bao tướng tài lính giỏi phải chạy dài trước một đám lính chặn trâu.

Trong vấn đề lãnh đạo chiến tranh điều cần nhất là phải bình tĩnh và khách quan nhận xét đường lối và khả năng của địch rồi chủ động và căn cứ trên khả năng của mình đặt đường lối và kỹ thuật thích hợp để chiến thắng. Phải dám hy sinh những thắng lợi chiến thuật tức là những thắng lợi giai đoạn để bảo đảm thắng lợi chiến lược tức là thắng lợi của toàn bộ chiến tranh.

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÁCH KHOA LII

thác mắc

Khôn ngoan ? Hèn nhát ?

Một việc bất công xảy đến cho tôi, cho gia đình tôi. Tôi nhận và chịu, vì e phản ứng của tôi có thể gây nguy hại cho bản thân, cho gia đình : kẻ gây sự bất công có thể lực lớn lao quá, tránh voi chẳng xấu mặt nào !

Như vậy là tôi khôn ngoan hay tôi hèn nhát ?

Một việc bất công xảy đến cho kẻ khác. Tôi nhắm mắt, làm lơ, vì e can thiệp có thể làm tôi mất thì giờ và gây phiền nhiễu cho tôi. Kẻ gây sự bất công có uy quyền đáng sợ quá : cháy nhà hàng xóm, tôi cứ bình chân như vại !

Như vậy là tôi hèn nhát hay tôi khôn ngoan ?

Tôi không biết nữa.

Song, có người bạn bảo tôi :

— Một sự bất công nếu không bị chặn đứng thì tất sẽ được khuyến khích và tràn lan mãi ra. Nó sẽ trở thành con voi xông lên giầy xéo anh, anh có muốn tránh cũng khó lòng tránh được ; nó cũng có thể trở thành đám cháy đốt cháy cả nhà hàng xóm lẫn nhà anh, nghĩa là nhà của tất cả mọi người... Thái độ của anh gọi là hèn nhát thì chưa chắc đã đúng, nhưng gọi là khôn ngoan thì chắc hẳn là sai rồi.

TÌM HIỂU NGUYÊN ĐỘNG-LỰC

CUỘC KHỞI-NGHĨA CANH-TÝ (40).

THÙ NHÀ hay NỢ NƯỚC

NGUYỄN

MƯỜI bốn thế kỷ trước khi nàng thôn nữ Jeanne d'Arc (1) nước Pháp nghe tiếng thiên thần kêu gọi cứu quê hương, thì tại đất Mê-linh hai người gái Việt đã đứng lên « phất cờ nương tử » đập đổ 65 thành, dựng nền tự chủ cho Giao-chi bộ. Cuộc chiến thắng oanh liệt của hai người gái Việt làm chấn động cả Bắc-Phương. Hán-Quang-Vũ phải lật đặt phái viên Thượng tướng Phục-Ba thống lĩnh 20.000 tinh binh, 2.000 lâu thuyền sang rửa hận. (2) Trải qua bao phen gian khổ — đã có lúc phải tính chuyện xin viện binh, đã có phen phải thối chí ngã lòng (3) — vị danh tướng kia mới làm tròn nhiệm vụ quân vương giao phó. Dòng Hát giang chôn sâu niềm quốc hận để thương để nhớ đời đời.

* Trước thiên anh hùng ca bi tráng ấy mà lòng người sau những bụi ngùi cảm khái. Những muốn ôn trang sử cũ tìm

về thuở oanh liệt xưa, xem đâu là nguyên nhân đã khiến cho hai bậc quân thoa phải vùng lên phất cờ khởi nghĩa, lôi cuốn cả dân tộc vào cuộc chiến đấu giành quyền tự chủ.

(1) Jeanne d'Arc là một nữ anh hùng của Pháp vào thế kỷ XV. Bà đã nghe thấy thánh Michel và nữ thánh Catherine kêu gọi cứu quê hương. Bà cầm quân chống lại quân Anh. Sau vài chiến thắng bà bị bắt và bị đốt sống ở công trường trước Chợ cũ (Vieux Marché) ở Rouen (1431).

(2) « Viện tướng lâu thuyền đại tiểu nhị thiên dư sư, chiến sĩ nhị vạn dư nhân, kích Cửu-Chân tộc Trưng-Trắc dư đảng Đồ-Dương đảng »

(Viện đem lâu thuyền (thuyền cao hai tầng) lớn nhỏ hơn 2.000 chiếc, chiến sĩ hơn hai vạn người đánh quân Cửu-Chân dư đảng của bà Trưng-Trắc là bọn Đồ-Dương) Hậu Hán Thư — Phạm-Việt.

(3) Theo thần tích sau khi bị đại bại trước Thánh Thiên công chúa (nữ tướng của Bà Trưng) quân Hán phải rút về Bắc Giang xin cứu viện (Việt Sử Tân Biên I Phạm-Văn-Sơn).

Trong thư của Mã Viện gửi về nhà, Viện có tỏ ý chán nản, nhớ tới lời của em là Sa-Du :

« Thà làm chức quan nhỏ (Trung Ấu) còn hơn giữ địa vị lớn để cực tâm thần (Phú quý trướng trung thị bạch đầu).

(V S T B I - P V S)

BÁCH KHOA LIII

Dở trang Quốc sử

Lòng kiêu hãnh vì hai vị anh thư quả có phần nào thương tổn khi chúng ta lần dở trang cổ sử.

Theo bộ Đại Việt Sử Ký — một trong những bộ Nam sử cổ nhất — thì nguyên nhân cuộc khởi nghĩa chỉ là một mối thù nhà :

« Trắc phu vi Định sờ sát, Trắc thù chi »

(Chồng bà Trưng - Trắc bị Tô-Định giết, bà sinh thù). (*)

Trong Đại Nam quốc sử diễn ca, nhà chép sử cũng thấy nguyên nhân khiến hai vị anh thư « phất cờ nương tử » không ngoài chí rửa hận gia đình.

*Bà Trưng quê ở Châu-phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên,*

*Chỉ vì « thù chồng chẳng quên » mà :
Chị em nặng một lời nguyên
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.*

Thế ra đây chỉ là một cuộc trả nợ máu hay sao ? Nếu như Thi-Sách không bị rơi đầu dưới lưỡi đao bạo ngược thì cuộc khởi nghĩa liệu có bùng lên ?

Hoang mang, thắc mắc kẻ hậu sinh đành...

Dở trang Bắc sử

... để tìm cho rõ đâu là động lực đã khiến « hạng quần thoa » « khởi lòng anh hùng làm việc nghĩa chấn động đến triều đình nhà Hán » (4) ?

Sử thần Phạm-Việt trong cuốn Hậu Hán thư (5) đã làm cho chúng ta dịu niềm thắc mắc :

« Trưng Trắc giả Mê-linh huyện, Lạc-tướng chi nữ, giả vi Chu Diên nhân, Thi-Sách thê, *thậm hùng dũng. Giao Chỉ thái thú Tô-Định tham bạo dĩ pháp thăng chi, Trắc oán nộ cố phản* ».

(Trưng-Trắc là con gái quan Lạc tướng huyện Mê-linh, giả làm vợ Thi-Sách người huyện Chu-Diên, bà là người rất hùng dũng. Thái thú Giao Chỉ là Tô-Định tham lam tàn bạo, lấy luật pháp bó buộc, bà Trưng-Trắc oán giận cho nên làm phản). (*)

Cái « oán nộ » ở đây chẳng còn là cái « oán nộ » nhỏ nhen của mối thù nhà, mà là niềm uất hận của một con dân trước sự tàn bạo của đám người đô hộ.

Đó là cái oán nộ của Thái-tử Đan đã làm đàn quạ đen phải bạc đầu. Chỉ có cái khí oán nộ xung thiên đó mới lôi cuốn được cả Giao-Chỉ bộ vào cuộc chiến đấu một mất một còn với Hán tộc. Phải là cái khí thể oán nộ xung thiên ấy mới dập dờn được một lúc 65 thành.

Việt-Kiều-Thư cũng chép tương tự như Hậu-Hán-Thư :

(4) Lời vua Tự-Đức khen hai Bà :

« Hai bà là hạng quần thoa mà khởi lòng anh hùng làm việc nghĩa chấn động đến triều đình nhà Hán. Tuy rằng yếu thế, không gặp thời, nhưng cũng đã hưng khởi lòng người dễ tiếng thơm trong sử sách.

(Thanh-Nghị 21-10-1942)

(5) Phạm-Việt người đời Tống, thời Nam Bắc Triều, nghĩa là vào khoảng thế kỷ thứ V.

* (Theo K.T. (Trung Bắc Chủ Nhật, số 234, ngày 31 Décembre 1944).

« Trung - Chắc con quan Lạc-tướng huyện Mê-Linh gả làm vợ Thi - Sách người huyện Châu-Diên. Trung-Chắc là người rất hùng dũng. Thái - thú Giao-chỉ là Tô - Định bắt buộc phép tắc, Trung-Chắc oán giận làm phản ».(6)

Phản thần Lê-Tắc trong cuốn « An-nam chí nguyên » mặc dầu coi rõ giang sơn tổ quốc, cũng phải hạ bút chép :

« Tô - Định là người tham bạo đến nỗi người con gái quận Giao - Chỉ là Trưng-Trắc cùng em là Trưng-Nhị làm phản ». (*)

Thuyết « thù chồng » nhỏ nhen không hề thấy đã động tới trong pho Bắc sử vừa kể, mà chỉ thấy « người con gái quận Giao-Chỉ » « làm phản » vì Tô-Định « tham lam » « tàn bạo », « lấy phép tắc bó buộc »...

Sách « Thái-Bình hoàn vũ ký » còn chép rõ rằng Bà Trưng rủ chồng mưu khởi nghĩa. (*)

Như vậy, cuộc khởi nghĩa đã được toan tính trước. Và khi Thi-Sách vì sa cơ mà phải sớm đến nợ nước, vị anh thủ đất Mê-Linh chỉ noi theo con đường đã vạch sẵn, mạnh dạn đương đầu với sóng gió, « thay quyền tướng quân » mà « phất cờ nương tử ».

Giả thuyết cho rằng động lực thúc đẩy cuộc khởi nghĩa là một mối thù nhà bị long lay. Và sau đây là một bằng chứng xác định sự sai lạc của luận cứ đó :

Lá thư cảnh cáo của Thi-Sách gửi Tô-Định.

Trên đây chúng ta đã dựa vào Bắc sử mà tìm nguyên do của cuộc khởi

nghĩa Canh Tý. Và chúng ta đã phần nào được thỏa mãn. Dẫu vậy với vài dòng sơ lược thiếu bằng chứng cụ thể chúng ta không biết bầu vút vào đâu để chứng minh rằng động lực thúc đẩy cuộc khởi nghĩa chắc chắn là « nợ nước » chứ chẳng phải « thù nhà ». Nhưng may mắn thay sử liệu sau đây đã giải được niềm thắc mắc đó :

Đây, lá thư đã đưa Thi - Sách tới pháp trường, khiến Trưng-Trắc phải « thay quyền tướng quân » mà điều động cuộc khởi nghĩa !

« Loát nhĩ nam phương, ưc vạn sinh linh diệc giai Triều đình xích tử. Thừa lưu tuyên hóa, tất dĩ ái dân vi tiên.

« Tử kim vi chính, trung ngôn gia mưu giả kiến tội, bốn tâu thừa thuận giả kiến thưởng, cơ thiếp đặc dĩ lộng chính, biến bề đặc dĩ thiện quyền ! Tuy ái dân chi thuyết vô thời vô chi, nhi tộn hại chi tâm đủ nhật đủ liệt ! Tuân dân cao dĩ phong kỳ tài, kiệt dân lực dĩ cung kỳ dục ! Tự thị phú cường lắm dĩ Thái-A chi thế, bất tri khuynh bại, thí như chiêu lộ chi nguy !

« Nhi bất tể chi dĩ khoan, tất nguy vong cập chí hĩ ! »

Dịch :

« Phương Nam tuy nhỏ mọn nhưng ưc vạn sinh linh cũng là con đỏ của triều đình. Kẻ đi tuyên dương đức — hóa cốt phải lấy việc yên dân trước hết.

« Người nay làm việc chính trị, bắt tội người nói thẳng, bầy mưu hay, thương kẻ luôn lọt bợ đỡ, cho hầu gái được nhúng vào chính sự, cho nịnh thần được chuyên quyền. Lúc nào cũng bô bô nói chuyện

(6) Theo Phạm-văn-Sơn — Việt sử Tân Biên I.

thương yêu dân, thế mà tấm lòng bóc lột kẻ dưới càng ngày càng dữ ! Rán mở dân để thỏa lòng dục ! Cây mình sức mạnh thế như gươm Thái-A sắc bén, nào biết cơ mình nguy ngập như giọt sương sớm dễ tàn !

« Nếu không sửa đổi chánh sách cho rộng rãi thì sẽ nguy đến nơi đấy ! » (7) (Tài liệu của cụ Hoàng - thúc - Hội, tức Cúc Hương tiên sinh.)

Đề phê bình ta có thể gán cho bức thư trên bốn chữ « nghĩa động càn khôn » (nghĩa khí động đến trời đất) mà Lê-Tung trong Việt - giám thông-khảo đã dùng để ngợi khen bức « Thất trăm số » của Chu-văn-An.

Ý tình thật thống thiết, lời lẽ như chém sắt chặt danh. Lúc tố cáo thì như chỉ tay vào mặt giặc mà mắng mỏ :

« ... Cho hầu gái được nhúng vào chính sự, cho nịnh thần được chuyên quyền. Lúc nào cũng bô bô nói chuyện thương yêu dân, thế mà tấm lòng bóc lột kẻ dưới càng ngày càng dữ ! Rán mở dân để thỏa lòng dục !... »

Lúc đe dọa thì như gươm thiêng đã kề cổ lũ bạo tàn !

« ... Nào biết cơ mình nguy ngập như giọt sương sớm dễ tàn !

« Nếu không sửa đổi chính sách cho rộng rãi, thì sẽ nguy đến nơi đấy ! »

Với lời lẽ quyết liệt như thế, Phạm-Văn-Sơn coi bức thư trên như là một bức « tối hậu thư » cũng chẳng phải là quá đáng !

Nếu như gươm thiêng chưa mài, binh mã chưa luyện, chí phục quốc chưa định, thì bức thư đàn hặc viên Thiên-triều Thái Thú, đe dọa cả chính quyền đô hộ kia chưa có thể tung ra. Bức « tối hậu thư » của vị quan huyện Châu-Diên

chứng tỏ một cách hùng hồn rằng cuộc khởi nghĩa đã được âm thầm chuẩn bị từ lâu.

Về cuộc chuẩn bị này chúng ta có thể kể vài chi tiết. Theo Phạm-Văn-Sơn chính bà Man-Thiện (8), cháu ngoại của Lạc-vương, — trong thời gian chuẩn bị — đã là linh hồn cuộc khởi nghĩa, bà đã « tự đứng ra làm đại biểu cho toàn thể bộ Giao Chỉ chống lại văn hóa Trung-quốc. Ban đầu hai Bà Trưng và ông Thi-Sách chỉ đóng vai trò phụ thuộc. » (9)

Theo Hoa-Bằng, Bà Man-Thiện nhường vai chủ động cho các con, khi ngọn cờ giải phóng của Giao - Chỉ tung bay trên khắp lãnh thổ.

Canh-Tý: Niên biểu tượng trưng tinh thần tự chủ của dân tộc.

Qua những trang Bắc Sử, qua bức thư cảnh cáo Tô-Định và những sử liệu liên quan tới cuộc chuẩn bị khởi nghĩa, mà Man-Thiện là linh hồn, câu trả lời đã rõ ràng. Những luận cứ sai lạc của Quốc sử đã được hiệu chính. Cuộc khởi nghĩa Canh-Tý đã tìm lại niềm vinh quang trọn vẹn.

Chúng tôi đồng ý với cụ Nguyễn-Văn-Tổ, đề nghị :

Ghi niên biểu 40-43 vào Quốc-sử như niên biểu chính đánh dấu sự phát hiện *Tinh-thần tự-chủ* của dân tộc.

Đề chứng tỏ rằng :

Tinh thần tự chủ của ta đã có từ đầu kỷ nguyên, chứ không phải đợi tới gần sáu thế kỷ sau với cuộc phục quốc của nhà Tiền-Lý, tinh thần ấy mới hình thành.

NGUYỄN

(7) Việt sử Tân biên I — Phạm văn Sơn.

(8) Bà Man-Thiện là thân mẫu của hai bà Trưng. Sau là Man-Hoàng Thái Hậu.

Hát Giang

Đề tưởng niệm Hai Bà.

Sông Hát mùa xuân sóng ngập bờ
Mây ngàn sau gọi nhớ ngàn xưa.
Bóng ai trầm xuống dòng xanh biếc
Cho khói hương còn mãi ngát đưa



Nhớ thừa hùng anh người má đỏ
Thuyền quyền thề rửa hận non sông
Phấn son tô thắm màu cây cỏ
Thù nước đền xong, đáp nghĩa chồng



Tổ-Định lùi binh về đất mẹ
Thương cho Tham chúa, then mây râu.
Chị, Em rửa trắng hồn nô-lệ
Ngạo ngễ trên voi, ngọn giáo đầu.



Thành quách thu xong về mở hội
Mê-Linh hai chúa một ngai vàng
Muôn dân ra thoát vòng tăm tối
Mừng nước non, về với Nữ-Vương



Họ Mã tuổi cao, thương quốc thê
Thân già vội vã vượt biên cương.
Cột đồng kia lấp theo dâu, bèo
Nên Hát giang ngời sáng bóng gương.



Ngày xuân lần dờ trang phương sử
Mơ thấy người xưa lúc liệt oanh
Má phấn, danh thơm lưu vạn thuở
Nghìn năm Sông Hát nước trong xanh.

HUY-TRÂM

Tài liệu về câu đối, văn bia và Miếu thờ Hai Bà cùng lời phê bình của một số sử gia.

SƯU TẦM của NGUYỄN-TRIỆU

Chúng tôi nhận được bài đăng dưới đây của ông Nguyễn-Triệu.

Ông Nguyễn-Triệu cách đây mười lăm, mười sáu năm đã cộng tác với cụ Nguyễn-Văn-Tổ trên tờ báo Tri-Tân.

Về Hai bà Trưng, các nhà sử học đã dày công khảo cứu và chắc sẽ còn phải khảo cứu nữa.

Chúng tôi, nhân ngày Quốc-ky Hai Bà, đăng bài của ông Nguyễn-Triệu.

Mong rằng sẽ có nhiều độc giả cho thêm tài liệu và ý kiến, gọi là một nén hương thắp trên bàn thờ Tổ-quốc.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

KHI còn ở cố đô, năm nào tới ngày Hội Đền Hai Bà, tôi cũng đi xem rước và chiêm bái đền ở Đồng-Nhân. Một đôi khi cũng lên Sơn-tây chiêm bái Miếu-Hát.

Đền Hai Bà và Miếu-Hát là hai nơi thờ nữ vương Trưng-Trắc và Trưng-Nhị.

Mỗi khi vào chiêm bái Đền Hai Bà ở làng Đồng-Nhân, gần phố Nhà Rượu (Ô Đống-Mác) Hà-nội là người ta phải nhớ ngay đến những trang lịch sử oanh liệt do hai vị nữ anh hùng họ Trưng.

Đền này được cất từ năm Đại-Định thứ 3 đời vua Lý-Anh-Tôn (nhâm tuất 1142 sau công nguyên), tính đến nay đã ngoài 800 năm.

Đi từ ngoài vào, ta thấy hai cây cột trụ cao ngất, tiêu biểu cho hai đảng anh thư, với một vế câu đối còn rõ chữ do các cụ từ xưa mĩa mai Mã-Viện (1):

«SƠN TIÊU ĐỒNG-TRỤ TƯƠNG AN TẠI»
nghĩa là «chỗ núi đã nêu cột đồng (của Mã-Viện kia) còn đâu nữa ?

Đi từ cổng trước vào, ta thấy một con rùa đá lớn, mỏ đã sứt, da đã mòn, trơ vơ bên vườn. Theo người ở đây nói, thì con rùa đá này, từ xưa đã có công đội một tấm bia lịch sử, nay tấm bia ấy đã được đưa vào trong đền.

Bài văn bia này, trên 300 chữ Nho, dưới đây là bản dịch âm và dịch nghĩa (2).

Dịch âm:

« Vũ trụ gian kỳ sự nghiệp đa xuất ư
« đại trượng phu, Dĩ nữ lưu nhi tổ đắc
« kỳ sự nghiệp giả, bất diệt nữ trượng
« phu hồ ?

« Thị ưu khả thư dã, cung duy :
« Trung-vương lương vị, Phong-châu
« nhân, Lạc-tướng kỳ phụ, Hùng-Vương
« kỳ Tồ, ngữ gia thế dĩ phi tầm thường.
« Thử huống phù dĩ bằng ngọc chí tư,
« phụ tang bồng chí chí, kỳ uần bảo hữu
« bất phạm kỷ. Đại đoạn thi thiết tương
« bất tại ư tư hồ ? Tổ tự Văn-Lang
« trung phần, cương vực dĩ qui ư Thực,
« Triệu cập lương Hán giả sở bách niên!
« Trùng dĩ Thái-thú Tô-Định ngược

(1) Tên thật là Mã-văn-Uyên, Mã-Viện là tên hiệu.

(2) Bài văn bia chữ Hán do cụ Dương-duy-Thanh đề. Cụ xuất thân cử nhân, quán làng Phú-Thị, phủ Khoái-châu (Hưng-yên).

Đương thời Cụ làm Đốc-học tỉnh Hà-nội.

Còn bài dịch là của bạn Hoa-Băng.

« diễm phần khung / Lương vương, nhất
« vị kỳ phu, nhất vị kỳ tử, hách nhiên
« chấn nộ, phần khởi nghĩa sư. Dĩ trâm
« nhĩ nhi cung nhung phục, dĩ trang liêm
« nhi sự can qua, bất sở nguyệt gian, lược
« định Lĩnh-biêu ngũ thập lục thành chi địa,
« kiến quốc, xưng vương, đô ư Mĩ-Linh.
« Thử phi kỳ sự nghiệp như hà ? Chí
« nhược thoát bảo ư Cầm-kê, tuần tiết
« ư Hát-giang :

« Thiên dã, khởi khả dĩ thành bại luận
« tại ? Nhiên quan kỳ khâm độ, kỳ
« mưu lược, kỳ tiết tháo, chân bất
« thiểm thần minh chí trụ dã. Một hậu,
« hữu hóa thạch chân thân lương tọa
« hiền linh ư Nhĩ hà giang phận.
« Lý anh tôn Đại định tam niên,
« mệnh ư Thanh trì huyện Đồng nhân
« châu xá, lập từ dĩ tự chi, năm trứ
« linh ứng. Lịch đại luy hữu phong
« tặng.

« Phụng Hoàng triều điển lễ cơ
« long, tích chi sắc mệnh. Thượng
« niên dĩ ư ư từ ngẫu nhân hà dĩ,
« khấu mông chí chuẩn dĩ kỳ từ ư
« Thọ xương huyện, Hương viên thôn,
« tử dân xã phụng tự, ức niên hương
« hỏa, tương dư Thiên Địa nhi vô
« cùng hĩ. Tự nhân trùng tu từ sở,
« kính thuật kỳ sự tích chi đại lược,
« lạc chi trình dân dĩ thọ kỳ truyền
« vân. »

Dịch nghĩa

« Trong vòng vũ trụ, sự nghiệp lạ
« phần nhiều ra từ những tay đại
« trượng phu. Kề phận gái mà làm
« nên sự nghiệp lạ chẳng cũng là bậc
« nữ trượng phu ư ? Thế lại càng
« đáng ghi chép lắm !

« Nhớ hai Bà Trưng : người Châu
 « Phong, cha làm Lạc - tướng, tồ là
 « Hùng-Vương. Kề dòng dõi đã không
 « phải là hạng tầm thường ví được.
 « Huống chi Hai Bà đem tấm thân
 « ngọc trắng giá trong, ôm cái chí
 « cung dẫu tên cỏ, thì hoai bão ầy
 « lại không phải vữa. Thủ đoạn làm
 « việc lớn lao chẳng ở đây thì ở đâu
 « nữa ?

« Kề từ khi nước Văn Lang nữa
 « vời sụp đổ, bờ cõi mất về Thục,
 « Triệu và Lương Hán (Tây Hán và
 « Đông Hán) đã đến vài trăm năm.
 « Thêm nổi ngọn lửa bạo ngược của
 « Tô-Định lại lưng trời ngàn ngút
 « bốc. . !

« Hai Bà, vợ vì chồng, em vì chị,
 « phùng phùng nổi giận, vùng dậy
 « nghĩa binh, ném trâm thoa mà mặc
 « hung phục, nhăng gương lược mà
 « cầm can qua, không đầy vài tháng
 « trời đã lược định được đất năm
 « mươi sáu thành ở ngoài Ngũ-lĩnh,
 « dựng nước, xưng vương, đóng đô ở
 « Mê-Linh : chẳng phải sự nghiệp lạ
 « là gì đấy ?

« Đến như Hai Bà phải lut giữ
 « ở Cấm - Khê, rồi tuần tiết ở Hát-
 « giang : cũng là bởi Trời chớ há
 « nên bình luận anh hùng thành hay
 « bại !

« Nhưng xét đến gan dạ kia, mưu
 « lược kia và tiết tháo kia thì Hai Bà
 « thật không thẹn là dòng dõi thần
 « minh vậy.

« Sau khi mất, chân thân Hai Bà
 « hóa thành hai pho tượng đá, hiện
 « linh ở phần sông Nhị.

« Năm Đại định thứ ba (1142).
 « Vua Lý-anh-Tông sai lập đền ở bãi
 « Đồng-nhân, huyện Thanh-trì để thờ
 « Hai Bà, rất linh ứng. Các Triều
 « đại đều có sắc phong.

« Hoàng triều ta rất long thịnh về
 « mặt điền lễ, đã phong sắc rồi.

« Năm trước, chỗ đền cũ hư hỏng
 « vì nổi sông lở, cát bay, đã được
 « chỉ dụ nhà Vua cho dời vào xóm
 « Hương-Viên, huyện Thọ-Xương để
 « dân xã thờ phụng.

« Nghìn thu hương lửa, dâng đặc
 « vớt Trời đất không cùng.

« Nay nhân sửa đền lại, tôi xin
 « kính thuật sơ qua sự tích Hai Bà
 « để khắc vào đá truyền lâu dài. »

Trong đền còn một bài thơ nôm ngũ
 ngôn nữa là bài thơ đã được giải thưởng
 thứ nhứt về kỳ thi văn thơ do một nhà báo
 Hà-nội tổ chức rồi khắc cúng tại đền Hai
 Bà mà tác giả là cụ Cúc Hương Hoàng
 thúc-Hội :

« Ngựa gióng đã lên không (3)

« Rừng Thanh voi chữa lồng (4)

« Này chồi hoa nọ Lạc (5)

« Mở mặt nước non Hồng (6)

(3) Ý nói về Thánh-Gióng (Phù-Đổng thiên
 vương) về đời vua Hùng-Vương thứ VII sau khi
 đánh tan giặc Ân ở quận Vũ-ninh (tức Bắc-ninh)
 lên núi Sóc-Sơn cởi bỏ áo giáp rồi cưỡi ngựa
 sắt bay lên Trời.

(4) Ý nói sau Hai bà Trưng mới đến bà
 Triệu-Âu nổi lên đánh quân Tàu.

(5) Hai chị em bà Trưng là con quan Lạc-
 tướng ;

(6) Nước non Hồng là giang sơn Hồng-Lạc
 (chỉ nước ta) ;

- « *Trăng tỏ gương hồ Bạc (7)*
- « *Mây tan dấu cột Đồng (8)*
- « *Nén hương lòng cố-quốc*
- « *Xin khẩn một lời chung.*

Trong đền lại còn có một cặp ngà voi thật do vua Lý cúng dâng vào một con voi giả mà thờ nhưng vì có một cái ngà voi bị đạo trích để lại vết cưa chưa dứt, không lấy đi được. Nơi cung chánh điện còn có hai bộ áo thờ trên ngai, đã phai màu, cũng là của Vua nhà Lý cúng tiến từ hồi đó.

Còn Miếu Hát cũng là nơi cổ tích thờ Hai Bà xưa hơn hết, xa cách Hà-nội gần 30 cây số về phía Tây-Bắc.

Miếu Hát ở làng Hát-môn, huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-tây đã được lập ngay từ hồi sau khi Mã-Viện rút quân về Tàu. Miếu lập trong đường đê, mặt tiền trông ra sông Hát-giang với cảnh trời riêng biệt bao la bát ngát làm nổi bật vẻ trang nghiêm của Hai Bà. Xa xa chân trời lơ mờ những đồi núi và cây cỏ thụ liên tiếp châu về.

Trước khi qua cửa tam quan đền vào Miếu, ta thấy hai cột trụ cao ngất, mặt

(7) Hồ Bạc là hồ Lãng-Bạc, ở gần Hà-nội bây giờ, hồi xưa gọi là Dâm Đàm hồ, đến đời nhà Lê gọi là Tây-hồ nơi hai bà Trưng giao chiến với quân Mã-Viện.

(8) Sử chép : sau khi đánh thắng Hai bà Trưng, Mã-Viện cho dựng một cây trụ đồng ở nơi biên giới, có khắc chữ : « Đồng-trụ chiết, Giao-chỉ diệt » nghĩa là nếu cột đồng này đổ thì hết giống Giao-chỉ. Đến nay không ai biết dấu tích trụ ấy bây giờ ở đâu... ! sử gia Launay thì cho là ở châu Hợp-phố tỉnh Quảng-dông, Theo một thuyết khác thì lại nói là ở địa phận Lương-quảng.

Chúng tôi sẽ nói về đồng trụ này trong một dịp khác !

trước còn đôi câu đối, về tỏ về mờ, nhìn kỹ lắm mới đọc được :

- « *Đồng trụ triết hoàn Giao-lĩnh trí,*
- « *Cầm-kê doanh bạc Hát-giang trường»*

Dịch nôm :

- « *Nước Cầm đầy vơi giòng Hát sạch,*
- « *Cột đồng lành gãy núi Nam cao »*

Vị trí đền và hai nhà tả hữu vũ, dựng theo kiểu chữ « Môn » bao bọc khu sân rộng ở giữa với nhiều cây cỏ thụ đứng xững, bát ngát, lòa xòa, như làm tượng trưng cho những linh hồn vĩ đại còn phảng phất khắp non sông. Vào đến chánh điện, nhìn lên trên thấy một bức hoành-phi lớn có bốn chữ :

« LẠC HÙNG CHÍNH THỐNG »

Khác hẳn với Đền ở Đồng-Nhân, Miếu Hát này thờ long-vị. Lễ húy nhật cử hành vào ngày Bốn tháng Chín, còn lễ « Mộc dục » làm vào ngày Chín tháng chạp sau khi rước long bài ra sông Hát-giang. Còn hai ngày mồng Năm và mồng Sáu là những ngày « Tiệc Thánh ».

Trích trong Đại-Nam quốc sử diễn ca của Lê-Ngô-Cát có câu :

- « *Cầm Khê đến lúc hiểm nghèo,*
- « *Chị em thất thế phải liều với Sông. »*

Tương truyền Hai Bà hóa thành tượng đá trôi vào địa phận xã Đồng-Nhân gần Hà-nội mà trong bài văn bia trên cũng đã nói.

Về cái chết của Hai Bà, sử gia Tàu và ta đã có nhiều thuyết khác nhau, rồi đến các sử gia ngoại bang như Ch. Patris, H. Maspéro, Launay, vân vân..., viết sử ta thì cũng lại dịch theo tài liệu của

Tàu và ta mà đưa thêm ra nhiều thuyết khác nữa.

Theo người Tàu, trong « *Mã - Viện truyện* » chép : « Mã-Viện đã đánh thắng quân Nam (Hai bà họ Trưng tử trận) bị chém lấy đầu đem về Lạc-dương... »

Trong « *An-Nam chí lược* » của ta, do Lê-Tắc viết thì cũng theo thuyết trên...

Nam-sử chép : « Hai Bà từ trăm xuống sông Hát-giang, thuộc huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây vào ngày mồng 8 tháng 3 năm 43 (sau công-nguyên) Bà Trưng-Trắc thọ chừng 29 tuổi. »

Theo thần tích của các làng thờ Hai-Bà thì nói chỉ có một mình bà Trưng-Nhị tử trận, còn bà Trưng-Trắc thì lên núi My-sơn rồi bay lên trời.

Theo thần tích xã Hạ-lôi cũng thờ Hai Bà thì lại nói : « Cả Hai Ngài thành linh biến hóa ».

Dù sao, sự nghiệp oanh liệt và khí tiết trung trinh của hai bà Trưng vẫn sâu trong trí óc của toàn dân Việt.

Ta đã thấy bức hoành phi ở Miếu-Hát, rõ ràng bốn chữ lớn : « Lạc Hồng chính thống » mà sao trong sử ta vẫn chưa kể đời nhà Trưng là chính thống !

Vì sử Tàu (Hậu Hán thư) đã chép rằng : « Hai Bà Trưng làm phản »...

Sử ta, sử thần Ngô-thời-Sĩ viết trong bộ « *Đại Việt Sử Ký tiền biên* » khoảng năm Ất-mùi (1775) cũng nói :

« Xét từ đời Hùng Lạc sẽ sau, quốc thống mất đã lâu đến đây (là năm 40) bà Trưng tự

lập sử cũ vội cho là chính thống, nhưng xét ra họ Trưng dựng nước, trước sau có 3 năm, vọt nổi lên rồi lại mất ngay, như thế chưa có thể gọi là nước được, bởi vậy, theo lối chép sử liệt quốc, chưa niên hiệu Bà vào bên phải, trên niên hiệu nhà Hán ».

Tuy nhiên, cũng còn có nhiều sử gia khác nhận xét một cách xác đáng hơn :

Cụ Lê-văn-Hưu trong đời nhà Trần (1225 - 1258) nói : « Bà Trắc và Bà « Nhị là đàn bà, hô lên một tiếng mà « quận Cửu-Chân, quận Nhật-Nam, quận « Hợp-Phổ và 56 thành ở Lĩnh-Nam đều « hưởng ứng hết dựng nước, xưng vương « dễ như trở bàn tay ; thế mới biết hình « thế nước Việt ta đủ làm nổi nghiệp bá « vương. Tiếc rằng sau khi họ Triệu mất « đến họ Ngô khởi nghĩa, hơn 1000 năm, « bọn con trai chỉ cúi đầu bó tay làm tôi « tớ người Tàu không biết xấu hổ với « hai Bà Trưng là người con gái ! « Ôi ! thế là mình tự khi lấy mình « vậy ! »

Cụ Nguyễn-Nghiễm, làm quốc sử tổng tài đời Lê-Hồng-Đức và cụ Lê-Vĩnh-Hựu bàn rằng :

« Xét từ khi Nghiệt-Cù (9) gây nạn, « Nguyên-Đĩnh (10) cùng binh, bảy quận « Biều-Nam bị người sai khiến. Các quan sô « mục, trừ hai ông Tích-Quang, Nhâm- « Diên ra ngoài, còn Thạch-Đài, Chu- « Chương không có chánh sách gì hay, lòng « lại tham, chính lại dữ, dân không chịu « nổi, như Tô-Đĩnh há lại để cho một ngày

(9) Vợ Triệu-Minh-Vương.

(10) Nguyên-Đĩnh là niên hiệu đời Vua Hán Vũ-đế.

ĐỀ KỶ NIỆM HAI BÀ TRƯNG

« mặc ý làm càn ư ! Trưng-vương là dòng
« dõi thần minh, nhân lòng dân ai oán,
« bà nổi cơn giận, khuyến khích đồng
« cừu : nghĩa binh tới đâu xa gần đều
« ứng ; đất Lĩnh ngoại 56 thành thu phục
« trong một lúc. Những dân bị rầy vò,
« khờ sở đã lâu, ví như ở dưới giếng
« sâu, nay được thấy mặt trời, anh hùng
« khí khái, hẳn có hơn người. Tuy là
« quân mới tập hợp, nên không thành công,
« song cũng có thể hạ được cái lòng của
« Trời, đất, thần, nhân hoặc có cảm chăng !
« Họ Triệu là cơ nghiệp phú cường,
« mất về một tay người đàn bà ở Hàm-
« Đan (11), Thần-châu bị lấn mất, khôi
« phục được lại là một bà nữ-chúa ở
« Mê-linh. Những người tu mi nam tử
« hồi bấy giờ cúi đầu, quắp đuôi, không
« dám làm gì, chẳng cũng đáng ngậm
« ngùi lắm thay ! »

(11) Tức là Cù-hậu.

Vua Tự-Đức (1848-1883) cũng lại
phê một câu tương tự như trên trong bộ
« Khâm-định Việt-sử tiền biên » Lời
ngự phê ấy được dịch ra như sau :

« Hai bà Trưng là bọn quần thoa,
« mà có lòng anh hùng, làm việc nghĩa
« khí chấn động đến Hán-dinh ; tuy thế
« cô, thời trái, nhưng cũng đủ hưng
« khởi lòng người để làm gương sáng
« trong sử sách. Kìa những người nam
« tử tu mi, khép áo làm tôi tớ người
« chẳng cũng mặt dày xấu hổ chết được
« ư ! ».

KẾT LUẬN

Vậy nước Việt-Nam ta đã biết
tự chủ ngay từ thời Bà Trưng
vào đầu thế kỷ thứ II chứ không
phải từ đầu nhà tiền Lý về thế kỷ
thứ VI và chúng ta nên ghi năm
40 - 43 (sau Kỷ-nguyên) vào niên
biểu Chánh-Thống.

NGUYỄN-TRIỆU

★ Muốn chinh phục người thì trước hết phải tự chinh phục mình.
Bạn có thể lôi cuốn người khác theo bạn bằng cái gì, nếu
không phải bằng bản lĩnh của bạn ?

« Đồng-Hồ bút »

Đời Tấn, Triệu-Tuấn cầm quyền chính trong nước. — Vua
Tấn bị Triệu-Xuyên giết chết. Đồng-Hồ làm quan sử, chép
thẳng rằng Triệu-Tuấn giết vua mình. Tuấn lấy làm xấu, xin
Đồng-Hồ chữa lại. Đồng-Hồ nói : « Ông làm quan đầu triều
mà để người ta giết vua thì tất nhiên ông phải gánh lấy
tội. — Và Đồng-Hồ nhất định không chịu chữa lại — Tuấn
cưỡng bức Hồ, Hồ nói : « Giết tôi thì được, chữa bút tôi
không được. » — Khổng-tử khen rằng : « Giỏi thay vị
quan sử ! »

CHUNG QUANH

VẤN ĐỀ

Chọn nghề

Thân gửi anh Tư,

Mới đây, hai Bác bên nhà có gặp tôi và tỏ ra băn khoăn lắm về việc chọn ngành đại học cho Anh, đề còn liệu kiếm nghề sau này.

Học gì, đề rồi để sinh nhai và yên thân ?

Tôi chỉ ừ ào, chưa dám trả lời, vì việc chọn nghề quan trọng quá, và có tánh cách cá nhân đặc biệt như việc lấy vợ, thì làm sao tôi dám xen vào ? lại phải tùy khả năng, khuynh hướng, nguyện vọng, hoàn cảnh riêng, những yếu tố mà hiện nay tôi chưa có đủ.

Nhưng Anh cũng hỏi tôi, vì chính Anh chưa biết định thế nào. Đọc kỹ lại thơ của Anh, thì thấy yêu cầu nhiều thứ quá : hoặc mách cho một ngành học với một nghề, hoặc những tài liệu gì nên tra cứu, những người nào cần phải hỏi, nếu không, thì cũng cho biết những điều gì ích lợi để Anh giải quyết vấn đề kể trên.

BÁCH KHOA LIII

● ĐOÀN-THÊM

Tôi cũng hiểu tâm trạng của hai Bác và của Anh, nên tuy chưa thể đề nghị hẳn một ngành rõ rệt, tôi cũng xin phát biểu ý kiến một cách tổng quát, may ra giúp Anh được phần nào đề tìm giải pháp cho một bài toán rất khó.



Sự băn khoăn của hai Bác và của Anh, cũng tương tự như nỗi bức dọc của tôi khi vừa ra khỏi Trung học ; nên tôi xin kể lại sự đã qua, để Anh ngẫm về việc hiện tại.

Dưới thời Pháp thuộc, chỉ có mấy ngành : luật, y-khoa, bào-chế, nha-khoa, nông-lâm, thú-y, công-chánh...

Tuy vậy, tôi cũng đã phải lưỡng lự bao ngày. Vì đương tuổi hăng hái, bông bột, nông nổi, với những ý nghĩ chủ quan, tôi có cảm tưởng rằng môn gì cũng học được, hay là cũng có ích lợi, hoặc đúng hơn, là cũng đáng ưa : khác gì bao nhiêu thiếu nữ quanh mình, mỗi

người một vẻ, ngấm mãi không biết nên lưu tâm hẳn đến cô nào ? Ôi phân vân của kẻ chọn nghề hay kén vợ, đi tìm đường chỉ thấy ngã ba !

Vậy thì biết hỏi ai ? Ba Má chỉ nuôi cho học và mong cho đỗ. Thầy học thì.... vấn đề không có trong các chương trình. Lăn mò trong Thư viện Trung ương, kiếm được quyển *Chi-Nam nghệ nghiệp của Carus* (*Guide Carus*) thì càng thấy bối rối : mấy trăm trang giấy, mấy trăm ngành, ngành nào cũng được tán dương, rút cuộc, thấy bờ ngõ hơn xăm hỏi đường thầy bói. Mía mai hơn nữa : chỉ được phép nhờ răng, chích thuốc, bắt sâu bọ, hay làm quan, mà lại thấy in chữ rất to, ca ngọ tánh cách cao quý của Quân đội và của Ba Tòa áo đỏ áo đen ! (*grandeur et noblesse de l'Armée et de la Magistrature*).

Ngày nay, Anh may mắn hơn tôi rất nhiều, vì Anh có quyền chọn bất cứ ngành hoạt động nào của một quốc gia độc lập, và có thể đi xa không biết tới đâu trên đường lập nghiệp tiến thân. Song Anh lại càng khó nghĩ, vì nếu xưa kia tôi bơ vợ ở những ngã ba, thì nay Anh dẫn đo trước những ngã bảy ; mà sự sưu tầm tài liệu cũng như sự trưng cầu ý kiến để xét định, cũng vẫn gặp nhiều khó khăn.

Những sách chỉ dẫn về các ngành học về nghề nghiệp của ngoại quốc thì không thiếu gì. Anh có can đảm thì xem những bộ như « *American Universities and Colleges* » của Mỹ, « *Index Generalis* » của 61 nước trên thế giới, « *Avenirs* » hoặc « *Carrières pour les jeunes gens* » hay là « *Manuel pratique pour le choix*

d'un métier » của Pháp, dày từ vài trăm đến hơn hai ngàn trang, nói về tất cả những gì mà thanh niên cần biết để học và hành ; nhưng chỉ có ích nếu Anh muốn xuất dương du học. Còn nếu Anh định học tiếp ở xứ nhà, thì Anh cố đi hỏi dò ; giả thử anh có tìm ra được cuốn sách nào tương tự bằng Việt-văn, xin Anh mách lại cho tôi, thì quý hóa biết bao !

Ở nhiều nước khác, ngoài những sách vở, còn có những tổ chức công hay tư, ở trong hay ngoài các trường học, chuyên trách hướng dẫn cho thanh niên chọn ngành học, chọn nghề làm, nhất là về kỹ thuật chuyên môn (*Orientation Professionnelle* hay là *Vocational Guidance*). Còn ở ta, chắc rồi cũng sẽ có. Trong khi chờ đợi, Anh nên cố tìm những người đã tốt nghiệp các ban Đại-học và hiện đang hành nghề, để hỏi về từng môn học và những đặc điểm của nghề, vì chỉ có cách ấy là tương đối thiết thực ; sau đó, anh sẽ biết chừng đề liệu.

Song tôi xin lưu ý Anh về một điều khó tránh ; nếu Anh hỏi, thì sẽ thấy nhiều vị giống nhau ở một điểm : không hài lòng về nghề mình. Ông giáo thì phàn nàn rằng nghề bực béo ; ông kỹ nghệ gia thì bực mình vì tình trạng kinh tế quá phức tạp, v.v... Trong mười ông thì sáu, bảy ông sẽ bảo Anh, cũng như đã bảo các con ông : « đừng theo cái nghề này nữa tẻ lắm. » Anh không nên quá tin những vị bất mãn, nhưng dù sao cũng được kết quả hữu ích là thấy rằng : nghề nào cũng có mặt trái, cũng có sự khó khăn, không bắt lao tâm thì lao lực, hay là cả hai thứ.



Vì thế, tôi thiết nghĩ không nên ràng buộc sự cầu nhàn vào sự chọn nghề, như hai Bác hay như Ba Má tôi đã muốn ; vì đặt vấn đề chọn nghề hiện nay theo lối cổ truyền, thì khó lòng mà giải quyết thế nào cho hợp ý ; hơn nữa, giả thử có thích hợp với nguyện vọng của các thế hệ trước, thì rất trái ngược với thực tế, với nhu cầu của thời đại và của Quốc gia.

Chẳng nói thì Anh cũng thừa biết rằng sự kiếm nghề cũng như sự phát triển nghề, mỗi ngày đòi hỏi thêm nhiều điều kiện, và một sự cạnh tranh gay go hơn. Song tình trạng đó chứng tỏ sự tiến bộ của một lớp người nhiều năng lực hơn, và thúc đẩy cho chúng ta nỗ lực hơn người thời trước ; nếu chỉ học, thi đỗ, tìm đâu cũng có việc làm, lương bổng thừa thãi, buôn bán dễ dàng, ngồi ở tỉnh mà thu tiền thóc ở quê... như trước hồi kinh tế khủng hoảng 1930, thì chẳng mấy ai chịu cố gắng hơn người, hoặc trau dồi nghệ thuật, cải tiến doanh nghiệp ; và nếu cứ như vậy, thì làm sao cho nước tiến mau ?

Quan niệm đời sống an nhàn đã rất tai hại cho dân tộc Việt-Nam và nhiều dân tộc Á-châu. Được tán dương trong nhiều tác phẩm qua các triều đại, do bao nhiêu triết nhân và thi sĩ ; — được phổ biến từ sách đạo lý truyền sang câu ca dao ; — được trưng lên hoành phi, câu đối, hoặc réo lên tiếng hát ả đào..... lý tưởng « vạn sự bất như nhàn » đã đưa tới chỗ thụ động, ở sau lũy tre xanh, ở công đường « cầm hạc », cũng như ở tiệm buôn bị ngoại nhân cướp hết mỗi hàng,

đã ru ngủ tinh thần tranh đấu trong nhiều thế kỷ và trói buộc chân tay của mấy trăm triệu người nô cho thực dân.

Ngược lại, người Âu-châu từ thế kỷ thứ XIII, XIV hay trên nữa, đề lệnh dènh giương buồm vượt biển, đi hết bốn phương để tìm kiếm thò sản, trao đổi hóa phẩm ; họ đã chịu đựng tất cả các sự vất vả, chống chọi với nắng mưa, sốt rét, tên thuốc độc của mọi Bornéo hay người rừng Amazonie.... Sao họ không kiếm nghề sinh nhai an nhàn ở Amsterdam, Barcelone, Londres hay Venise ? Nhưng nếu như vậy, thì đã chẳng có những đô thị tráng lệ hay không lồ, những đạo quân anh dũng, mức sống cao gấp mấy của ta ! Nếu họ hưởng an nhàn ở châu Âu thì ngày nay làm gì có những nhà chọc trời ở châu Mỹ ? Và nếu họ chỉ ở phía đông Huê-kỳ, chỉ dạy học ở Boston, ngồi xử án ở Philadelphie, nếu chẳng chịu kiếm nghề khó nhọc, tìm vàng săn thú ở núi rừng, lập trại trồng cây ở sa mạc, thì làm sao có được Californie hay Floride ngày nay ?

Nếu sự suy nhược của Á-châu đã do sự cầu nhàn, và sự thịnh vượng của Âu-Mỹ là do hoạt động sinh nhai một cách mạnh mẽ can đảm, thì nay Anh, một thanh niên quốc-gia độc lập, Anh sẽ chọn đường nào ?

Vấn đề mà hai Bác đã đặt cho Anh và cho tôi, thiết tưởng cần đặt lại như vậy, thì mới tìm được giải pháp thích hợp.



Sự thích hợp với những tình trạng cá nhân, dĩ nhiên rất cần thiết : phải tự xét một cách thành thực : sức khỏe, các khiếu đặc biệt, và nhất là những nhược điểm khuyết điểm. Chúng ta dễ lầm tưởng sở thích nhất thời với chí hướng chung thân, dễ rồi ra phải thay đổi hoặc tiếc thì đã muộn. Chúng ta cũng dễ tự gán cho mình những tài năng đặc biệt một khi được những ông thầy học rộng lượng quá khen ở trường... Liệu, kéo lại ở tình trạng tài bất cập chí !...

Nhưng tất cả những câu tôi vừa nói ở đoạn này, chỉ là những lời khuyên thông thường mà chính tôi đã nhận được khi xưa, của các bậc tôn trưởng hay các nhà tâm lý học.

Sự dè dặt của các vị do tính khiêm tốn và tính lo xa để phòng thất bại, nên tôi mong rằng Anh sẽ lưu tâm.

Song tôi e ngại : nếu Anh không chú ý, thì điều kiện « thích hợp với khả năng » có thể được viện ra để che đậy sự thiếu ý chí tranh đấu ; muốn an nhàn, rất có thể Anh sẽ chọn nghề công chức bàn giấy, và tự bào chữa rằng không đủ năng lực để thành kỹ sư lục lộ hay đại tướng không quân, hoặc không đủ phương tiện để kinh doanh tự lập.

Nhưng tôi tin hơn : có chí thì thành tài, chẳng thành tài cũng hữu ích (*Le génie n'est qu'une longue patience*). Và căn cứ vào những sự mắt thấy tai nghe, tôi tưởng cần phải suy xét lại, đối với những ý nghĩ thông thường : khiêm tốn là đức tính đáng yêu, nhưng thanh niên cần thành người hữu dụng hơn là đáng yêu ; dè dặt là khôn, nhưng thanh niên

cần liều hơn đề mạnh. Ích và mạnh, hay mạnh đề có ích hơn : nước cần như vậy.

Và như vậy, thì chúng ta sẽ đồng ý về quan niệm sống can đảm, với một phần liều (*le risque*) chứ không mong ước lắm được « bình chân như vại » : chính một văn sĩ Pháp, Henry Bordeaux, ngay từ sau hội đại chiến thứ nhất, đã viết cả một cuốn sách đề phản đối sự cầu an « *La peur de vivre* », là một bệnh nặng đưa tới sự trưởng giả hóa để làm tê liệt các đức tính và hành động cao quý của con người.

Nếu Anh chấp nhận nguyên tắc trên, thì Anh sẽ không thấy cần hay nên có việc làm một ngày hai buổi, ba cọc ba đồng ; và những nghề « không chắc chắn », « vất vả », sẽ được hiểu và ưa hơn với tất cả các trạng thái đáng quý : doanh thương để có thể làm giàu cho mình và thịnh cho nước, mặc dầu phải cố tìm vốn, không có hưu trí, và có thể bị vỡ nợ ; doanh điền để vui sống với thiên nhiên và khai khẩn mở màng đất nước, tuy có thể bị mất mùa hay sốt rét vàng da ; đầu quân, để bảo vệ giang sơn, lập công bái tướng, hay là nằm gai nếm mật và tử thương...

Xin Anh hiểu rõ cho : tôi không đi tới chỗ chủ trương đời sống « hùng », cũng không nói rằng chỉ có đời sống này mới xứng đáng. Con người vừa có nhu cầu yên ấm vừa có nguyện vọng cao mạnh, vừa là Sancho Pança, vừa là Don Quichotte như Anotole France đã nói. Tôi chỉ mong Anh, khi chọn nghề, không quá thắc mắc về điều kiện « yên thân », mà nên tự vấn xem có thể không, có thích không : nếu có, thì xin Anh đừng ngần ngại gì hết.

Sở thích là động lực mạnh nhất, và chính thực tất cả chúng ta đều ưa chuộng sự mạo hiểm: chuyện phiêu lưu đã làm, vẫn làm, và còn sẽ làm cho Anh và tôi say sưa, trong tiểu thuyết cũng như trên phim chiếu bóng, từ lúc đầu xanh tới khi tóc bạc: phải chăng là một khát vọng tự nhiên? Dù sao nó chỉ khiến ta đi tìm thú vị để vỗ tay hồi hộp, chứ không đủ sức đưa chân ta đến chỗ xông pha vào sinh ra tử, như hảo hớn anh hùng mà ta cảm phục nhưng chẳng dám theo...

Song, với bắp thịt mà Anh đã chịu khó luyện, với máu huyết dồi dào của tuổi hai mươi, lại chưa bị những sinh thú vật chất của Tây phương quyến rũ, cũng không bị ủy mỵ vì những thứ văn chương nghệ thuật lãng mạn (tôi già nhỉ!)... Anh rất dễ thu hút lại khí phách của ông cha, mà sống mạnh: và nếu thế, Anh nên chọn trong những nghề gì « *không yên thân* » hơn cả.

Tôi vẫn biết rằng trong một quốc gia đương tiến và đương muốn tiến mạnh như Việt-Nam, ngành hoạt động nào có ích cho đời sống chung, cũng cần thiết và cũng đòi hỏi nhiều năng lực, nhiều thiện chí.

Tuy nhiên, nếu số người chọn các ngành Hành chánh, Văn hóa, Kỹ thuật v.v..... mỗi năm một tăng nhiều, thì ngược lại có những ngành chuyên môn không được mấy ai chú ý hoặc ưa thích, vì khó nhọc và phải mạo hiểm, mặc dầu tối cần và nhiều thú vị đối với những thanh niên có gan dạ, muốn cảm giác mạnh: tỉ như các ngành thám tử. Tôi rất lấy làm lạ rằng truyện trinh thám thì bán rất chạy, phim Hitchcock thì

người xem đông như kiến, nhưng rất ít người có chí hướng thành những Rouletabille, Sherlock Holmes hay Lemmy Caution để giúp quốc gia đi tới những tổ chức khét tiếng như Scotland Yard và Intelligence Service của Anh, hoặc F.B.I. của Huê-kỳ! Chẳng lẽ chúng ta chỉ giấu lòng cảm phục mà thôi? Muốn làm, thì rồi chẳng thua ai hết: đã mê Gaston Leroux hay Conan Doyle, sao Anh không muốn thành trinh thám?

Song tôi chỉ kể một tỉ dụ, chứ không có ý làm cho Anh quên mất ngành khác cần nhiều ý chí tranh đấu và cũng vẫn còn thiếu người làm: kỹ nghệ, thương mại có tổ chức tân tiến, ngân hàng, khách sạn, bảo hiểm, du lịch, trường học sinh ngữ, bệnh viện chuyên trị v.v... Dám làm một nghề mới, tức là tăng thêm một hoạt động cho quốc-gia, và dù thành hay bại, sẽ mở đường lối cho người khác, như Bạch-Thái-Bưởi đối với ngành thương thuyền, hoặc khai mỏ, như Nguyễn-Văn-Vĩnh với nghề báo, nghề in, v.v...

Nếu Anh chọn nghề thường có, nếu thấy hợp với mình và cũng không e ngại, thì chọn ngành nào vẫn còn bị rẻ rúng vì nhiều thành kiến, hoặc « không học nhiều cũng làm nổi », như nghề làm báo, đóng đồ gỗ hay may y phục; Anh sẽ lao mình vào, với ý chí cương quyết thành một Walter Lippmann, một Levitan hay một Jacques Fath, để nâng cao giá trị của các nghề đó trong xã hội mình. Tất sẽ có bạn cười Anh hơi gàn, viển vông v.v... nhưng nếu ta chưa bằng, thì cũng phải muốn bằng đã; vì nếu ước vọng cũng không dám, thì bao giờ công thành? Và nếu đã

đứng về phương diện quốc gia, thì nước ngoài có gì, mình cũng phải có, bằng, hay là hơn : đó là bí quyết thành công của phong trào duy tân Nhật-bản dưới thời Minh-Trị Thiên-Hoàng.



Tóm lại, tôi mới chỉ giúp Anh được vài tài liệu sơ sài, với một chủ ý mà tôi sẽ cố áp dụng cho các con cháu tôi : *cho sinh nhai đi đôi với phụng sự, và coi nghề nghiệp là một phương tiện kiến quốc.*

Nếu Anh cũng muốn như vậy, thì chúng ta mới sẽ đi sâu vào các chi tiết cụ thể, cân nhắc mọi yếu tố thiết thực

để xem Anh nên thành một sĩ quan, một nông gia tân tiến, một bác sĩ hay một nhà báo v.v...

Còn nếu Anh thuận ý hai Bác, muốn yên thân, thì tôi nghĩ học gì cũng được, và tôi chỉ có thể chúc Anh sớm tốt nghiệp và cho tôi dự đám cưới ; viết đến đây, tôi mới sức nhớ : nghe đồn có ông thầy bói ở Bắc đi cư vào, hô danh gọi nghề « trúng đáo đề », chắc Bác gái thế nào cũng đi hỏi về « chung thân sự nghiệp » cho Anh ?

Thân ái,

Đ. T.

- ★ Kín đáo là bí quyết thành công, phải nghe nhiều, nói ít để làm cho có hiệu quả (Richelieu).
- ★ Việc làm kín đáo thì mới nên, câu chuyện tiết lộ thì hay hỏng. (Hàn-phi-Tử)
- ★ Loạn sinh ra là do lời nói. (Dịch Kinh)
- ★ Muốn bình tĩnh, chớ để cho lút đầu, lút óc vì công việc, vì biến cố và cả vì chúng mình nữa.
- ★ Trong thiên hạ, không có vật gì mềm nhũn bằng nước, thế mà lớn vô hạn, sâu vô cùng. (Hoài-Nam-Tử)

« Khỏa thân thoát hiểm »

Trần-Bình là một mưu thần nổi tiếng đời Hán. Khi Bình trốn Sở về Hán, đi qua sông lớn, người chủ đò thấy Bình, nghĩ có nhiều tiền, có ý làm hại. Bình biết ý, cõn hết cả áo quần, ở trần mà xuống thuyền, nắm lấy tay chèo, chèo giùm cho thuyền chủ. Thuyền chủ biết Bình không có gì, mới không bắt. Bình thoát hiểm về được Hán và người ta gọi việc Bình thoát hiểm là « khỏa thân thoát hiểm » có ý khen Bình là người cấp trí.

LẠI BỘ THƯỢNG THƯ NGÔ-THỜI-NHẬM

• Một anh hùng dân tộc trong đời nhà Tây-Sơn

Nguyễn-thiệu-Lâu

Vua Gia-Long muốn được vua Tàu phong vương cho đã có nhã ý dâng vua Tàu các sách, ấn Nhà Tây-Sơn. Ngài cũng đã có vương ý không muốn cho dân chúng đời sau làm loạn nên Ngài đã cho thu thập tất cả các tài liệu về Nhà Tây-Sơn.. để tiêu hủy.

Thành thử ra, anh em chúng ta bây giờ muốn hiểu biết một cuộc Cách-Mạng lớn lao nhất của nước Việt-Nam từ năm 1775 đến năm 1802, chúng ta đành chịu bó tay.

Trong mấy năm ở trường Bắc-cổ, tôi có hỏi Cụ Nguyễn-Văn-Tổ, Ông Nguyễn-Văn-Huyền và Ông Trần-Văn-Giáp, các vị ấy đều chép miệng, thở dài...

Đến bộ Thập lục còn chép đề xu nịnh Nhà Nguyễn thời làm gì còn tài liệu về Nhà Tây-Sơn ?

Nhưng sự khảo cứu trong dân gian còn ra nhiều manh mối !

Những manh mối này, phần nhiều là do sự may mà thôi.

Tôi đã được biết ở trường Viễn-dông Bắc cổ một số tài liệu về họ Ngô-Thời-Nhậm, tôi cũng đã về làng vị danh nhân này... và biết nhiều người trong họ để thu thập tài liệu.

Và bài nhỏ này gọi là một nén hương thắp trên bàn thờ Ngô-Thời-Nhậm mà con cháu còn nhớ là Cụ Đại-Vương và dân miền Lạng-sơn vẫn đến lễ bái ở động Tam-thanh.

Nhưng Ngô-Thời-Nhậm chỉ là một người trai trong thời cách mạng lớn lao ấy ! Biết bao nhiêu người trai khác mà Nhà Nguyễn đã tiêu diệt, ngay trong lịch sử !



PHẦN THỨ NHẤT

Làng và họ Ngô-thời-Nhậm.

Từ tỉnh lỵ Hà - đông đi dọc theo con sông Nhuệ độ bốn năm cây số ta sẽ tới một làng. Ấy là làng *Tả thanh oai* mà nôm na người ta gọi là làng *Tó*. Làng ở về tả ngạn sông Nhuệ.

Làng này đối với tôi không phải là xa lạ.

Trước khi vào làng phải qua một cái chợ. Rồi ta theo con đường cái chạy theo bờ sông. Các nhà đều ở về phía tay trái. Hai xóm trên ở liền nhau. Rồi tới một cánh đồng, sau mới tới xóm dưới.

Ở ngay đầu làng có một cái đình rất cổ kính thờ một bà phi đã nuôi vua Lê - đại - Hành. Ở giữa cánh đồng nói trên lại còn một cái đình nữa thờ vua Lê-Đại-Hành. Làng có bốn cái chùa.

Dân cư đông đúc, trên bến dưới thuyền, thực là một làng đẹp ở miền hạ bán trung châu miền Bắc.

Các nhà địa lý theo lối huyền bí của các cụ ta ngày xưa bảo rằng đây là nơi đắc địa : nào là tay long, tay hồ, cái bút, cái nghiên, hình long, hình phượng. Tôi không hiểu địa lý này như thế nào. Dù sao, làng Tả thanh oai là một làng trù phú và có văn hiến.

Trong làng này, ở xóm giữa có một họ là họ Ngô. Họ này về thế kỷ thứ mười lăm, về đời vua Lê-Thánh-Tôn đã sinh ra nhiều anh tài như Ngô-Sĩ-Liên tác giả bộ Đại-Việt sử ký toàn thư. Họ Ngô đông lắm và một chi là chi Ngô - Thời mà có hai người nổi tiếng, ấy là Ngô-Thời-Nhệ và Ngô-Thời-Sĩ mà dân làng thường gọi là Cụ thượng anh và Cụ thượng em.

Hai vị này đã đỗ tiến sĩ trong đời nhà Lê. Kể số tiến sĩ, trong gia phả họ Ngô rất nhiều, khiến con gái họ Ngô rất lấy làm hãnh diện. Vì vậy có câu « con gái họ Ngô, một bồ tiến sĩ » : sự văn học phát cả đến ngành họ ngoại.

Ngô-Thời-Nhệ sinh năm nào ? Tôi không biết rõ, nhưng vào khoảng 1735, 1740 chi đó. Đỗ tiến sĩ vào năm nào, và hoạn lộ trong đời Lê mạt như thế nào, tôi không có thể tra cứu được.

Nhưng có một điểm mà tôi biết theo

gia phả họ Ngô là người đã làm trấn thủ trong một thời gian khá lâu ở Lạng-sơn.

Trấn Lạng-Sơn là trấn biên thủy, tiếp giáp với Tàu. Dân người Kinh rất ít, ngoài một số lính thú, còn thời là dân Thổ, Mán và thứ nhất là Nùng. Sự giữ an ninh và trật tự rất khó, cũng như là sự giữ biên thủy. Làm trấn thủ Lạng-sơn phải là người giỏi, thứ nhất là vào cuối thế kỷ thứ mười tám.

Ngô-Thời-Nhệ đã thành công như thế nào ?

Tên « Ông Đại-Vương » được truyền tụng lại là do dân miền Lạng-sơn (kể cả Cao-bằng Bắc-cạn bấy giờ đặt ra.)

Ngô-thời-Nhệ đã phải đem quân này đây mai đó, trên một diện tích mênh mông vì Thổ, Mán, Nùng thường tranh chấp nhau. Họ lại thường tràn xuống thung lũng sông Bằng-giang sông Kỳ cùng đề cướp lúa của người Kinh mà phần đông là con cháu những người đã theo nhà Mạc lên định cư ở đấy. Ở miền Lạng - sơn, người ta còn nhớ công mở đồn điền của Ngô-Thời-Nhệ.

Đứng về phương diện văn hóa, người Thổ, Mán có chữ nôm của họ, lẽ tất nhiên một vị tiến sĩ làm trấn thủ phải nghĩ cách mở trường học.

Nhưng phong tục của họ thời lại lạc hậu lắm : họ thờ đủ các thứ ma, kể cả ma gà, ma lợn. Không hiểu Ngô-Thời-Nhệ có sùng đạo Phật không, dù sao, đã có một cái chùa danh tiếng ở Đồng-dăng :

Đồng-dăng có phố kỳ lừa,

Có nàng Tô-Thị, có chùa Tam-Thanh

Chùa Tam - Thanh là một cái hang trong núi đá vôi như hang chùa Trầm ở Hà-dông. Chùa không có tượng nào, ngoài tượng chính của Ngô-Thời-Nhậm khắc ngay vào thành hang. Ngô-Thời-Nhậm mặc áo cà sa. Các nhũ đá, lóng la lóng lánh, từ trên trần hang nhũ xuống, ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Ở ngoài đưa vào, trông rất tôn nghiêm. Phải chăng đây là một phương pháp đề tự suy tôn hay đề giáo hóa dân ? Dù sao, không những dân địa phương, nhưng hồi trước, ngay dân đường xuôi cũng lên chiêm bái : họ chỉ biết là *tượng Phật* khắc trong hang

đá, ít ai biết là chính tượng Ngô-Thời-Nhậm, « Ông Đại-Vương », Trấn thủ Lạng-sơn về thời Lê mạt, một trong những tiến sĩ làng Tả-thanh-oai.

Chữ Tam - Thanh là do Ngô-Thời-Nhậm đặt ra vì làng Tả-thanh-oai, thuộc tổng Thanh-oai, thuộc huyện Thanh-oai tỉnh Hà-dông.

Tôn giáo và non sông, ngay ở trên biên giới, ghi tên Ngô-Thời-Nhậm.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Kỳ sau : Ngô-Thời-Nhậm với nhà Tây-Son.

- ★ Người hoạt động không chịu phí thì giờ than phiền vì có những chướng ngại cản trở công việc của mình ; trái lại, người ấy biết nhận lấy những chướng ngại ấy như là những đề tài mới cho vấn đề cần phải giải quyết. (Grosset)
- ★ Đại trượng phu đau lòng vì việc nước, nên thung dung, trầm tĩnh mà lo toan. (Lục-triều-sử-luân)
- ★ Không có lòng báo thù mà để cho người ta ngờ mình báo thù thì nguy ; có ý báo thù mà để cho người ta biết mình báo thù thì vụng. (Tô-Đại)

« Lương thưởng quân tử »

Trần-Thực ngày xưa thấy kẻ trộm vào nhà và nằm rình trên giường. — Ông làm lơ như không biết, gọi con cháu dậy bảo rằng : « Người ta phải gắng sức mới được — Người ác vì tất bản tính đã ác, chỉ vì lười biếng mà trở nên ác đó thôi. Anh « lương thưởng quân tử » (quân tử ở trên giường) kia là như vậy đó ! »

Tên trộm nghe nói, sợ quá, nhảy xuống, cúi mình mà chịu tội.

TITO

cộng sản quốc tế

hay quốc gia ————— ● SONG-AN CU-SI

(Tiếp theo Bách-Khoa số 52)

Một chính trị gia Anh, ông Cicely Mahew đã phê bình như sau :

« Tại Nam-tư, có ba sự kiện bất nổi hân. Thứ nhất là các vị lãnh tụ Nam-tư vẫn còn tin tưởng mãnh liệt vào chủ nghĩa Mac - Lênin. Thứ hai, dân chúng Nam-tư vẫn ái quốc, tự tôn và có một tinh thần độc lập suốt cả lịch sử của họ, Thứ ba, sự hờn giận của Moscou chỉ làm cho các « đồng chí Nam-tư qui tụ quanh Tito, chớ không chống đối lại, hơn nữa đảng Cộng-sản Nam-tư thay đổi thái độ đối với những nhóm quốc gia bảo hoàng trong nước, trong khi chính các nhóm này vốn thù oán phe Cộng-sản trong nước, lại càng căm hờn thù ghét sự bạo tàn của các nước Cộng-sản khác ! »

Vả lại các tầng lớp nhân dân Nam-tư được giải thích về sự xích mích giữa Nga và Nam-tư ; ý định khuếch trương chủ nghĩa tư bản quốc gia của Nga-sô, áp lực văn hóa, kinh tế, vấn đề đầu tư

và lập hội hỗn hợp, thương mại, nhiên liệu, ngân hàng, giao thông v.v... Hơn nữa hành động của các vị cố vấn và kỹ thuật viên Nga-sô trên đất Nam-tư một dân tộc có tánh tự cường trong dòng máu, càng làm cho dân chúng nghi ngờ thiện chí của Nga - sô. Chính sách áp lực không thể làm cho họ sợ hãi.

Một bà già nông dân đã nói : « Dân tộc Nam-tư có một đặc tánh kỳ cục. Khi Hitler đang lên như triều, tất cả Âu-châu qui mọp xuống thì dân Nam-tư nổi dậy chống lại, lúc trong nước chưa yên ổn, dám bắn rớt hai chiếc máy bay của Mỹ đã xâm phạm không phận Nam-tư, và khi Nga-sô vĩ đại cùng các nước lân bang đe dọa, vẫn bình tĩnh đương đầu... »

Chúng ta có thể nói, tinh thần dân tộc Nam-tư đã un đúc ra Tito, và Tito đã dám chỉ trích nặng nề Staline. Tito vạch rõ quan điểm của mình sau khi củng cố nội bộ. Cái đêm lịch sử 12-4-1948,

đã cho Tito thấy rõ hai tên phản bội dân tộc là Streten Zujovitch và Andrija Hebrang, và Tito như đã dạy lại chủ nghĩa Cộng-sản theo Marx và Engels cho Staline vậy. Thật ra về cá nhân, Staline và Tito vẫn không có sự thông cảm. Lần đầu tiên, (tháng chín năm 1944) Tito gặp Staline tại Moscou, đã không có một sự thân thiện bình đẳng. Staline luôn luôn có vẻ cao đạo, giống cột vị lãnh tụ của một nước quá bé nhỏ : Tito. Cho nên Tito nếu trước kia còn giữ tình giao hảo với Nga-sô, chỉ vì vấn đề chủ nghĩa và tinh thần mà thôi !

Chúng ta hãy nghe Tito lên án Staline và so sánh hai thứ chủ nghĩa Cộng-sản :

« Cộng-sản Nam-tư xây dựng trên một lý tưởng xã hội. Cộng-sản Nga biến thể thành một chủ nghĩa tư bản Nhà nước dưới một giai cấp quan liêu độc tài.

« Quan niệm dân chủ xã hội bắt đầu thấm vào đời sống xã hội Nam-tư : vì sự tiến triển của ý thức xã hội rất chậm, vì thiếu phương tiện kỹ thuật nên không phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

« Tại Nga-sô trái lại không có dân chủ, chính trị văn hóa hay kinh tế. Chỉ có sự khủng bố ! Sau 34 năm chế độ, các xưởng máy, chưa được trao trả lại cho thợ thuyền, không có tự do tư tưởng, không có sáng kiến trong văn nghệ, âm nhạc hay bất cứ lãnh vực nào.

« Sự tổ chức quốc gia Nam-tư rất trật tự và căn bản : 6 nước cộng hòa dân chủ có nội bộ riêng biệt, tự quyết định đời sống và tương lai hợp lại trên nền tảng bình đẳng thành một Liên-bang. Một cộng đồng quốc gia được thiết lập trong đó không nước nào được quyền

chiếm ưu thế hay cưỡng chế ý kiến của mình hay mưu toan thống trị các nước khác.

« Trong Liên-bang Xô-viết, vấn đề ấy vẫn còn ở trên giấy tờ, chưa thành hình một tổ chức gì cả, ngoại trừ sự thành lập cho có lệ những nước Cộng-hòa do một Quốc-gia và Dân-tộc Nga thống trị.

« Chỉ quẹt bút một cái là Moscou với giai cấp quan liêu có thể dời dời hay làm tan vỡ một nước Cộng-hòa, hơn thế nữa : cả một dân tộc, một nòi giống !

« Tại Nam-tư, Người là tất cả. Mục đích của chúng tôi là tạo lập gấp rút và cố gắng cho nhân đạo chừng nào hay chừng ấy, một đời sống tươi đẹp hơn cho dân tộc Nam-tư, từ mỗi công dân, mỗi cá nhân cho đến cả cộng đồng.

« Tại Nga-sô, mỗi người là mỗi con số, nhân dân là một khối riêng biệt phải tuân theo triệt để và thi hành huấn lệnh các vị chỉ huy. Ban lãnh đạo không nghĩ tới việc giáo hóa hay chỉnh huấn với sự nhấn nại cần phải có, tinh thần xã hội của các đồng chí chỉ vì họ có kiến tạo chủ nghĩa xã hội đâu, họ chỉ muốn xây dựng một Quốc-gia vĩ đại siêu việt, để quốc đối với ngoại bang, quan liêu, tập quyền và độc tài đối với nhân dân trong nước.

« Tại Nam-tư, người ta nhận thấy khuynh hướng phân quyền tuần tự trong địa hạt kinh tế, văn hóa và sinh hoạt, vì chỉ có chế độ tương tự mới phù hợp với nguyên tắc dân quyền.

Hiện nay tại Nga-sô, chỉ có sự thoái hóa và giai cấp hóa ngược lại với cuộc Cách-mạng tháng 10. »

Nga-sô tiếp tục cải cách, và càng cải cách thì Nga-sô càng tỏ ra lạc hậu trên đường xã hội hóa chế độ.

Kardelj viết : « Theo thuyết Marx Engels, Nhà-nước Tư-bản là một cục bứu ký sinh trên cái thân thể xã hội và trì hoãn sự tiến hóa xã hội. Đối với giai cấp vô sản, Nhà-nước là một căn bệnh bắt buộc phải chịu đựng tạm thời. Giai cấp vô sản không được đưa vào cái guồng máy cố cựu của Nhà nước, phải đập tan và thay thế bằng một guồng máy riêng biệt thật sự dân chủ. »

Cho nên chế độ xã hội Nam-tur phải nhận sự tôn sùng Nhà nước và nhất là bài trừ chế độ « Tư bản Nhà nước. »

Chính vì ủng hộ cái chế độ ấy nên Kominform (Phòng Thông-Tin Cộng-sản đệ Tam) đã đề lời bộ mặt thật là đề cao tư tưởng của giai cấp « quan liêu », cố gắng làm cho phong trào thợ thuyền quốc tế sai lối lạc đường ! »

Tại Nga-sô giai cấp quan liêu đã thành ra một lực lượng thống trị giai cấp thợ thuyền, tất cả xã hội và giai cấp ấy đã bị lường gạt và không hưởng được một quyền lợi gì của cuộc cách mạng xã hội.

Tito vẫn thường tuyên bố : « Khi một người chịu cho dân chúng xây tượng, cắt dài cho mình là bắt đầu xa cách dân chúng. Những người đó chỉ gieo sự khiếp sợ hay sự oán hận. »

Trong khi ấy, chế độ Cộng-sản vẫn tồn tại ở Nam-tur. Nhưng đồng thời ảnh hưởng Âu-Mỹ lan dần. Các rạp xi-nê chiếu phim Mỹ, hàng hóa Mỹ tràn ngập thị trường Nam-tur, học sinh ăn

mặc theo lối cao-bồi, quần xanh ống chèn, nhảy Cha-Cha, và chế Rock and Roll là kiểu nhảy xưa. Quần chúng đã bắt đầu coi thường những khẩu hiệu trống rỗng : « để quốc ! » « Nền Hòa-bình thế giới ! » « Chúng tôi thích làm ! » « Xây dựng nền móng xã hội ! ». Tuy nhiên, uy tín của Tito vẫn tồn tại. Hơn nữa cách sinh hoạt xa xỉ của Tito dân chúng vẫn tha thứ, trái lại họ chỉ trích gắt gao các nhân viên tùy tùng. Chính Djilas đã dùng xe hơi kiểu Cadillac hay Rolls Royce, gây một dư luận không hay. Trái lại, có một ông Chủ-Tịch Hội-Đồng Thợ-Thuyền, chưa được cấp nhà ở đã nói : « Tôi là đảng viên, nên phải làm gương cho những kẻ không may, nên tôi đã thoái thác không nhận ngôi nhà do Đảng cấp cho ! »

Tháng 11 năm 1952, Tito trong hội nghị Liên-bang Nam-tur tại Zagreb, tuyên bố đã theo đúng đường lối Dân-chủ Nhân-dân, và Cộng-đảng Nam-tur có thể trở nên một « Liên-minh Cộng-sản thế giới ».

Năm 1953 ngày 15-1, một đạo luật hiến pháp mới ra đời. Theo ông Kardelj : « Đạo luật này là một chứng minh pháp lý cho các biến chuyển vĩ đại xã hội tại Nam-tur trong mấy năm gần đây. »

Đạo luật này không bãi bỏ hiến pháp năm 1946, nhưng thừa nhận hệ thống quản trị do thợ thuyền điều khiển và căn cứ trên sự phân phối lợi tức quốc gia để kiểm soát luôn khối thợ thuyền. Đạo luật đề cao nền Dân-chủ và Tự-do. Công việc quản trị các công xưởng, xí nghiệp cộng đồng được trao lại cho cộng đồng thợ thuyền. Kiểm soát hành chánh

và hệ thống văn phòng do thợ thuyền đảm nhận. Tài sản quốc gia trở nên tài sản của cộng đồng « trái với lý thuyết và thực hành của Staline ». (Tito).

Tuy nhiên sự phát triển của chế độ Dân-chủ Nhân-dân không nhằm thay thế hệ thống « Độc-Đảng » bằng một hệ thống « Đa-Đảng ». Vì tất cả các hệ thống đảng phái là một đặc điểm của thời đại tư bản. Chính hệ thống độc đảng của vô sản chuyên chính cũng chỉ là di tích của thời đại đã qua. Cho nên trong một chế độ Dân-chủ Nhân dân, vấn đề tái lập hệ thống đa đảng không có nữa, và phải đề cho hệ thống độc đảng tàn tạ và biến mất đồng thời cả Quốc gia nữa. Như thế có nghĩa là không có một đảng nào tồn tại trong một thế giới đại đồng vô tổ quốc. Cần phải gạt bỏ cái giả tưởng lạc hậu quan niệm rằng các công dân muốn tham dự trực tiếp vào sự quản trị quyền lợi cộng đồng phải kết hợp thành đảng phái !

Đảng phái với bản chất đặc biệt của nó, tiêu biểu sự hạn chế tự do và sáng kiến cá nhân. Lệ thường nhân loại muốn giải thoát hệ thống người bóc lột người thì tìm cách bài trừ tất cả những hình thức trói buộc trong sự giao thiệp cộng đồng và làm sao cho ý chí mỗi cá nhân có thể biểu lộ trực tiếp qua các cơ quan xã hội thích đáng. Một hệ thống dân chủ như vậy không phủ nhận sự tranh đấu tư tưởng mà chủ trương tự giải thoát bằng tư tưởng. Đảng phái chỉ hạn chế sự tranh đấu tư tưởng vào một phạm vi nhỏ hẹp nào mà thôi. Cho nên các cơ quan xã hội phải được tổ chức cách nào cho mỗi cá nhân có thể tìm thấy ở đó

sự biểu thị của ý chí cá nhân mình. (E. Kardelj)

Cho nên khi Djilas và Dedijer toan thành lập đảng Dân-chủ Xã-hội tại Nam-tur và chống lại độc quyền chính trị, chỉ trích sự thiếu lý tưởng và tinh thần cộng đồng trong các cơ quan của Đảng đều bị cầm tù. Và từng đoàn người vượt miền « biên giới xanh » đi tìm một chân trời mới tại các nước không Cộng-sản : cựu chính trị phạm, con cháu của các cựu đảng viên của đảng Tchetnik hay Oustacha và những người không chịu đựng được chế độ chính trị kinh tế hà khắc hay áp lực của cơ quan an ninh quốc gia (UDB).

Kỳ Đại-hội lần 20 tháng 2 năm 1956, Đảng Cộng-sản Nga-sô tố cáo chính sách độc tài của Staline và thú nhận các điều sai lầm về chính trị và chủ nghĩa. Tháng sau, Boulganine và Kroutchev qua Nam-tur nối lại liên lạc, Hiệp định 2-6-1956 qui định mỗi bang giao mới giữa hai nước. Ngày 21-1-1958, một bản hiệp ước ra đời đề cập đến sự hợp tác văn hóa và khoa học giữa Nga-sô và Nam-tur, nhưng các báo chí Nam-tur lại bị hạn chế ở Nga-sô như tờ Borba, tờ Revue Politique Internationale chẳng hạn, trong khi đó báo chí Nga-sô vẫn được truyền bá tại Nam-tur.

Và Tito long trọng cải chính : « Không bao giờ có một cái chủ nghĩa gọi là Chủ-nghĩa Cộng-sản Quốc-gia. Ai nói như vậy thật là điên rồ... »

Thật ra chúng tôi không thêm một tí gì mới lạ vào chủ nghĩa Mac - Lê-nin mà chỉ có việc thực hiện chủ nghĩa

ấy trên lãnh thổ chúng tôi. Chúng tôi chỉ là người Mác-xít.

Chúng tôi đang thử tìm một con đường, phương tiện có lý nhất, nhân đạo nhất, thích hợp nhất để thực hành và áp dụng chủ nghĩa Mác-xít. Chế độ hiện thời của nước tôi là Chế độ Cộng-sản.

Đường lối chúng tôi theo không thể là đường lối của tất cả mọi nước khác. Đó là lẽ dĩ nhiên ! Marx và Engels không thể tiên đoán hàng mấy nghìn năm trước. Hai ông đã định nghĩa, lược giải các phương pháp Mác-xít, nhưng hai ông không thể chỉ định đường lối phải theo từ thời đại này qua thời đại kia.

Tito chỉ có một lời : « Cộng-sản ! » (Tito parle, pag. 459).



Vấn đề Lý-Tưởng Dân-Chủ vẫn chưa được giải quyết thỏa mãn. Cuộc xung đột giữa tự do cá nhân và cấu trúc xã hội vẫn tiếp diễn. Con người đang đi tìm cái điểm tương hợp giữa nguyện vọng

của từng cá nhân riêng biệt với tổ chức đoàn thể cộng đồng.

Nhưng con người không thể biến đổi một cách cứng rắn như cơ giới.

Cuộc cách mạng vô sản luân hoàn tiếp diễn, tuy nhiên thời đại hoàng kim của « con người toàn vẹn » vẫn lùi mãi, lùi mãi trước mỗi bước chân tiến tới....

SONG-AN CƯ-SĨ

1958

Tài liệu tham khảo :

Le Marxisme : Ignace Lepp

La Philosophie marxiste : J.B.S. Haldane London University

Science Marxisme Guerre : J.B.S. Haldane London University

Léonce Peillard : Yougoslavie

La Documentation Française : N° 0711 du 7-10-1958

What is Titoism ? : Mayhew Cicely & Christopher Mayhew M.B.

Vladimir Dedijer : Tito parle

Marcel Devos : Histoire de la Yougoslavie.

Bách-Khoa : 16-17

★ Bạn chớ hề nói : « tôi bận lụt đầu, lụt cổ », vì nói như vậy trong một thời gian câu ấy sẽ biến thành một ám ảnh và một nhu cầu khiến bạn phải nhắc lại nó mãi ; rút cuộc rồi chính bạn sẽ tin thật như vậy và bạn trở nên bực bội nóng nảy, khó bề kiểm chế được mình.

★ Ở đời cái gì thung dung thì còn, mà cấp bách thì mất. (Lã Khôn)

★ Cái khiến cho mình trở nên bực bội nóng nảy không phải là công việc mình làm, mà là công việc mình chưa làm được, cho nên người chỉ huy phải biết tổ chức cuộc sinh hoạt của mình cho có thứ tự trước sau và đúng lúc, đúng dịp.

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO.

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

Người Công-giáo Trung-hoa trước Giáo Hội và Âu Châu

Từ một thế kỷ nay, trong sự bành trướng thực dân địa, người Âu-Châu đã quen ý niệm nước Trung-hoa như một nước man di, dân Trung-hoa là dân bán khai. Nhưng gần trăm năm trước, người Trung-hoa cũng xem người Âu-Châu như hạng người mọi rợ và tưởng rằng chỉ dân tộc mình mới thật là văn minh.

Nhờ lãnh thổ Trung quốc là một lục địa biệt lập cách trở các nước khác bởi những biên giới thiên nhiên, nhờ một thứ văn tự biểu ý nó liên kết được nhân dân các miền nói những thổ ngữ khác nhau, nhờ lòng tin tưởng ở thiên mạng của đấng Thiên-tử, nhờ những truyền thống, cổ phong của Khổng-giáo mà hạng nho sĩ hết lòng bảo thủ, nên nền thống nhất lâu mấy nghìn năm của nước này gìn giữ được, và dẫu phải trải qua những cơn bại hoại phong tục, những cuộc ngoại xâm, nó cũng

không bị phá hủy hoàn toàn. Phát sinh đồng thời với các đại Đế quốc Thượng cổ khác, thế mà các đại Đế-quốc kia đều đã tiêu diệt, chỉ Đế-quốc Trung-hoa là hình như bất di bất dịch trải qua các thời đại. Đó là một sự kiện độc nhất trên thế giới. Hình như Thiên Chúa muốn gìn giữ nước này lại để làm kẻ chứng kiến cho lịch sử nhân loại vậy. Muốn hiểu rõ mối tương quan giữa nước Trung-hoa và Giáo hội và Âu-Châu, không nên quên rằng người Trung-hoa tự hào về nền văn minh của họ cũng như người Tây-phương tự phụ về nền văn minh của mình.

Để được rõ ràng, tôi xin chia bài thuyết trình này làm ba phần, trả lời ba câu hỏi sau đây :

(1) Diễn văn đọc tháng 8 năm 1954 ở Gemen-en-Westphalie ở Đại hội quốc tế các sinh viên công giáo.

1^o) Nước Trung-hoa đã tiếp xúc với Giáo-hội và Âu-châu cách nào ?

2^o) Vì sao sự tiếp xúc ấy chung qui không đưa đến sự Ki-tô giáo hóa nước Trung-hoa được ?

3^o) Trong tình thế hiện tại của nước Trung-hoa, ứn đồ Ki-tô-giáo Trung-hoa phải mong chờ gì ở các anh em đồng đạo ở Tây-phương ?

I

Tôi không có ý thuật lại tất cả lịch sử cuộc gặp gỡ Âu-châu của nước Trung-hoa trải qua các thời đại. Thời kỳ tôi chú trọng là thời kỳ cận kim, từ giai đoạn Phục hưng trở đi. Bởi vì, trong phạm vi kỹ thuật, nếu nhờ biết dùng ấn loát, kim chỉ nam và thuốc súng, ở thời Marco Polo, nước Trung-hoa đã tiến bộ hơn Âu-châu thời Trung-cổ, thì từ thế kỷ XVI trở đi, rốt cục nước ấy đã bị Tây-phương vượt qua. Sự tiếp xúc giữa Trung-hoa và Âu-châu có tính cách kỹ thuật nhiều hơn tôn giáo. Và muốn hiểu rõ tình hình ấy, trước tiên cần phải nói về sự du nhập của Dòng Tên ở cuối thế kỷ XVI, rồi mới đến việc người Âu-châu đến nước Trung-hoa giữa thế kỷ XIX, sau trận Nha-phiến chiến tranh (1839 — 1842).

Chúng ta nên nhớ lại câu chuyện hứng thú về Matteo Ricci là vị giáo sĩ Dòng Tên, người Ý, cuối thế kỷ XVI đã vào được tận Triều-đình Bắc-kinh, đã khuyên được mấy nhà đại nho, như Paul Siu, theo đạo, và được vua Trung-hoa giúp cho tiền bạc để xây cất giáo đường. Matteo Ricci là người đầu tiên biết rằng muốn khuyên được người Trung-hoa theo

Ki-tô-giáo thì cần phải một mặt trọng kính văn hóa Trung-hoa, mặt khác giúp người Trung-hoa thu dụng những kỹ thuật của Tây-phương. Vì vậy ông cho phép người Trung-hoa theo đạo Thiên-chúa được tiếp tục các sự thờ cúng cổ truyền, như thờ cúng Trời, thờ cúng này chỉ dành riêng cho nhà vua, thờ cúng đức Khổng là thờ cúng dành cho các nho sĩ, và thờ cúng tổ tiên là sự thờ cúng mà tất cả người Trung-hoa, từ vua đến dân, ai cũng tuân giữ. Đồng thời, ông dạy người Trung-hoa các môn khoa học mới này nở ở Tây-phương cận đại, nhất là toán học, thiên văn học, và phép vẽ đồ bản. Theo lời các giáo sĩ Dòng Tên thuật lại thì họ đã thành công mỹ mãn, đến nỗi vua Khương-hy thế kỷ XVII đã có ý muốn theo đạo Ki-tô. Dẫu lòng tín giáo ấy không hoàn toàn chân thành, ít nũa nó cũng có thể sánh với lòng tín giáo của Hoàng-đế La-mã Constantin xưa kia. Nếu phương pháp này của Ricci và các giáo sĩ kế vị ông đã được La-mã chuẩn y thì có lẽ nước Trung-hoa ngày nay đã không thành một Đế-quốc Cộng-sản, thù nghịch với Tây-phương Ki-tô-giáo, mà trái lại đã là một Đế-quốc Ki-tô giáo, tỏa ánh sáng ra khắp Á-châu. Rủi ro thay, vì bị phái thù nghịch của phái Dòng Tên, nhất là phái Đa-minh (Dominicans) ảnh hưởng, đầu thế kỷ XVIII thì Triều-đình Giáo-hoàng không chỉ kết tội sự thờ cúng Tam giáo mà còn kết tội chiến thuật của phái Dòng Tên, cho là muốn du mị người Trung-hoa nên đã tôn trọng văn minh và các sự thờ cúng của họ, đã làm cho họ

tiếp xúc với Tây-phương không chỉ nhờ tôn giáo mà còn nhờ kỹ thuật và khoa học nữa.

Thái độ ấy của La-mã làm cho vua Khương-hy tức giận, nên từ đó đối với các giáo sĩ, vua tỏ ra dè dặt hơn. Vua Khương-hy chết, con là vua Ung - chánh chống Ki-tô giáo triệt để. Vua chỉ bảo hộ mấy vị giáo sĩ Dòng Tên thông thái, và đại thể thì đối với các giáo sĩ, vua đều ác cảm. Với những vị vua triều dến, vua tuyên bố như sau :

« Nếu trăm phái sang nước các người một nhóm thầy Đạt-ma và thầy tăng thì các người sẽ nói gì ? Các người sẽ tiếp đãi họ thế nào ? Các người đã lừa dối tiên Đế, bây giờ đừng mong lừa dối Trẫm nữa ! Các người muốn người Trung-hoa theo luật pháp các người. Tôn giáo các người không bao dung một tôn giáo nào khác, Trẫm biết. Như vậy, người Trung-hoa sẽ ra sao ? Sẽ trở thành thần dân của vua chúa các người chứ gì ? Những tín đồ mà các người dụ dỗ được không nghe lời nói của ai, ngoài các người. Bây giờ thì không có gì đáng sợ, nhưng khi hàng nghìn chiến thuyền của các người đến đây thì chắc sẽ có rối loạn. »

Công nghiệp vẽ vang của các giáo sĩ Dòng Tên ở nước Trung-hoa chấm dứt từ đó. Cái cửa mà cha Matteo Ricci mới hé mở lại đóng lại. Phải đợi đến thế kỷ XIX nó mới được mở trở lại. Nhưng mà lần này, người ta dùng sức mạnh để phá toang nó ra : sức mạnh của đại bác Anh trong trận Nha-phiến chiến tranh.

Đầu thế kỷ XIX, người Anh đã hoàn thành cuộc chinh phục nước Ấn-độ. Họ mua của người Trung-hoa lụa và trà.

Còn người Trung-hoa thì thấy Đế quốc mình cung cấp cho mình đủ thứ cần dùng, nên không mua gì của người Anh cả ; lại buộc người Anh mua gì đều phải trả bằng vàng, làm cho thương mại của người Anh phải lỗ lú. Đến khi người Anh đem bán được cho Trung-hoa nha phiến, do cây thầu trồng ở Ấn-độ chế ra và họ cho là một thứ thuốc trị bá chứng, thì họ mới lập lại được quân bình cho cán cân thương mại. Thói hút nha phiến lan tràn rất nhanh chóng trong dân chúng Trung-hoa khiến chánh phủ Bắc-kinh lấy làm lo ngại. Viên Khâm-sai của Thanh - triều là Lâm-Tắc-Từ (1785 — 1850) năm 1839, đã dâng thư lên Nữ-Hoàng Victoria xin đừng đưa nha phiến vào nước Trung-hoa nữa. Trong thư ông nói : « Tuy Quý quốc cách trở nước tôi sáu, bảy chục ngàn dặm, Chánh phủ nước tôi cũng cho phép thương nhân quý quốc hưởng những tài nguyên của nước tôi và kinh doanh được lợi lớn. Đáp lại, quý quốc lại đem vào một thứ thuốc độc để làm hại dân nước tôi, vậy quý quốc dùng quyền uy gì mà làm như thế ? Dầu thương nhân của quý quốc không muốn làm hại nước tôi, nhưng họ kiếm lời bất cứ bằng phương tiện nào như thế cũng là một tội lỗi đáng trách. Tôi mạn phép tâu hỏi lương tâm Bộ hạ ở đâu ? Người ta cho tôi biết rằng nha phiến bị nghiêm cấm ở quý quốc. Vậy sao Bộ hạ lại cho phép người ta làm cho các nước khác điều mà Bộ hạ không muốn người ta làm cho nước Ngài ? »

Bức thư của viên Khâm-sai không đem lại hiệu quả gì, và nha phiến tiếp tục được đưa vào Trung-quốc, đồng thời với

các Thánh-kinh. Đề chấm dứt việc thương mại ấy, Lâm-Tắc-Từ tịch thu 30.000 hòm nha phiến và đem đốt hết. Nước Anh bèn khai chiến. Trung-quốc thua, phải ký hòa ước Nam-kinh (1842) nhượng Hương-cảng cho Anh, mở năm thương cảng cho người ngoại quốc đến buôn bán và nhìn nhận thuế suất quan thuế do người Anh định.

Từ đó trở đi, theo gương người Anh, tất cả các cường quốc Âu-châu và Hoa-kỳ lần lượt dùng sức mạnh để bắt buộc người Trung-hoa phải nhượng những tô giới và ký những hòa ước bất bình đẳng. Rồi trí ngoại pháp quyền được ban cho các kiều dân ngoại quốc, trong đó có các giáo sĩ, Ki-tô và Thệ-phản. Và các tín đồ Ki-tô giáo người Trung-hoa cố nhiên được đặt dưới sự che chở của các cường bang ngoại quốc.

Chúng tôi không nói nhiều về chi tiết các biến cố của giai đoạn đau đớn và nhục nhằn này của lịch sử nước Trung-hoa ; và lại ngày nay không một tín đồ Ki-tô giáo nào có thể vui sướng mà thấy rằng các Hội truyền giáo chỉ có thể vào được nước Trung-hoa đồng thời với nha phiến và nhờ sự che chở của đại bác. Vẫn biết rằng Thiên Chúa dùng đủ phương tiện để mở rộng nền thống trị của Ngài, nhưng hạng người trí thức Trung-hoa khó mà hiểu được rằng Ngài lại dùng sự bành trướng thực dân địa của Tây-phương để thực hiện ý định mình. Thật vậy, một người Trung-hoa có học vấn, hồi đầu thế kỷ XX, làm sao có thể nhìn nhận việc Chánh-phủ Đế tam Cộng-hòa Pháp trục xuất giáo-sĩ ra khỏi nước Pháp mà lại bảo hộ các giáo sĩ mình ở nước Trung-hoa ? Như thế, Ki-tô giáo chẳng bị họ

xem như là một lợi khí xâm nhập chính trị sao được ? Cho nên, mặc dầu Giám-mục đoàn bản xứ đã được thành lập từ năm 1926, đa số người Trung-hoa vẫn nhìn luôn luôn các đồng bào theo Ki-tô giáo của họ với cặp mắt nghi ngờ.

Bởi vì nếu ngày nay các cường quốc thực dân không còn ý định, mà cũng không còn phương tiện, tiếp tục chánh sách ấy ở Trung-hoa nữa thì rủi thay, trí nhớ người Trung-hoa không suy kém, họ đâu đã quên được các việc ngày xưa !

Khi so sánh hai thời kỳ tiếp xúc nói trên giữa Âu-châu và Trung-hoa, người ta thấy nó khác biệt nhau biết bao. Các Giáo-sĩ Dòng Tên ở thế kỷ XVII đã đem kỹ thuật Tây-phương phụng sự cho việc truyền giáo, bằng việc giúp các tín đồ dự vào sự tiến bộ khoa học và kỹ thuật của Âu-châu lúc ấy. Họ được nghênh tiếp một cách thân ái, vì người Trung-hoa hưởng được phần cống hiến của Tây-phương cả về phương diện khoa học lẫn phương diện tôn giáo mà không phải phá hủy những căn bản cổ truyền của nền văn minh cũ đã mấy nghìn năm, thâm nhiễm Khổng-giáo của họ. Nhưng đến thế kỷ XIX, các Giáo-sĩ lại lợi dụng sự tiến bộ về kỹ thuật ở Âu-châu để trở lại nước Trung-hoa, dưới sự bảo hộ của các hạm đội Âu-châu. Trái với các Giáo-sĩ thế kỷ XVII, các Giáo-sĩ này không hiểu gì về văn hóa nước Trung-hoa, nhiều khi còn khinh rẻ nó nữa, nên làm thương tổn lòng tự hào của một dân tộc đã luôn luôn coi người ngoại quốc như man di, văn hóa thấp kém hơn mình. Vì vậy cuộc tiếp xúc ở thế kỷ

XIX không gây được ở người Trung-hoa tình thân ái đối với Ki-tô-giáo là kẻ đã đem vào kỹ thuật mới cũng như các Giáo-sĩ Dòng Tên trước kia, mà trái lại chỉ làm cho họ ác cảm Ki-tô-giáo vì lần này đã dùng kỹ thuật mới ấy để phụng sự chánh sách bành trướng thực dân địa của các cường quốc Âu-châu.

Đứng về phương diện hoàn toàn lịch sử, chúng tôi có thể nói rằng kể từ ngày Ki-tô-giáo đã không tách hẳn ra khỏi chủ nghĩa đế quốc Tây-phương thì vận mạng của nó phải liên kết mãi mãi với vận mạng Tây-phương rồi.

Thật ra, các Giáo-sĩ thế kỷ XIX là những nhà truyền giáo tận tâm và không vụ lợi, nhưng ở trong một thế kỷ mà người da trắng đương kiêu căng về sự ưu thắng của văn minh Âu-châu thì thật là khó, nếu không phải là không thể, cho họ thoát ra ngoài những thành kiến về chủng tộc. Vì không thể giảng dụ được giới trí thức lãnh đạo của đế quốc Trung-hoa, các giáo sĩ phải quay về giảng dụ hạng người nhà quê dốt nát và chỉ lập được mấy vùng Ki-tô-giáo lẻ tẻ, không giao tiếp gì thực tế với đời sống của xứ sở cả. Đến đầu thế kỷ này, khi có một đôi người thấy rõ mối hiểm nghèo của cách truyền bá Tôn-giáo ấy thì bấy giờ đã trễ rồi, không thể xóa phai được ở giới trí thức Trung-hoa cái cảm giác Giáo-hội đã đồng mưu với chánh sách của người Âu-châu. Giới trí thức Trung-hoa trong khi đương mong muốn Âu-hóa nước mình để tránh khỏi cái họa ngoại xâm, như Ấn-độ vừa bị người Anh đô hộ, phải quay về với lý tưởng

quốc gia, xã hội, chứ không về với Ki-tô-giáo.

Tôi xin các anh em người Âu-châu hãy quên trong giây lát rằng mình là người da trắng, và tưởng tượng sự đau khổ của một thanh niên Trung-hoa ở thế kỷ vừa qua, phải khoanh tay ngồi nhìn xứ sở lần hồi sụp đổ trước những cuộc tấn công kế tiếp của Tây-phương. Tôi tin chắc rằng các anh em người Âu-châu sẽ hiểu vì sao Ki-tô-giáo ở thế kỷ vừa qua, liên kết với Âu-châu và không chú trọng lòng ái quốc của người Trung-hoa, không được họ tin cậy là có thể giúp nước Trung-hoa bảo vệ nền độc lập quốc gia và nền văn hóa cổ truyền. Tuy cũng có một số người rất ít nhận thấy ở Ki-tô-giáo một nhựa sống mới mẻ có thể làm cho tâm hồn người Trung-hoa thêm động lực, nhưng phái thượng lưu trí thức, đương đi tìm một con đường cứu quốc, đại thể đều thấy rằng Tôn-giáo này là một khí cụ huyền diệu của sự thống trị của người da trắng.

Sự tiếp xúc của nước Trung-hoa với Âu-châu từ năm 1842 trở đi là một tấn bi kịch của một nền văn minh cũ kỹ mấy nghìn năm, tự cấp tự túc, thịnh linh bị đặt trước Tây-phương đương tìm cách bành trướng, và trước một văn minh kỹ thuật không thích hợp với những giá trị đạo đức và thẩm mỹ cổ truyền của nó.

Khi tấn bi kịch mới mở màn, người Trung-hoa tưởng rằng chỉ cần thu thái của Tây-phương kỹ thuật tân tiến để bảo vệ nền độc lập quốc gia và văn hóa của mình. Nhưng rồi họ liền nhận thấy rằng cơ cấu gia-đình theo chế độ tộc trưởng, sự chuyên chế của nhà vua, lòng khinh thị quân sự,

võ biến và ác thủ cừu, tôn cồ thái quá làm trở ngại cho công cuộc canh tân quốc gia và kỹ nghệ hóa xứ sở. Họ bị bắt buộc phải thí nghiệm các chính thể, từ quân chủ lập hiến (mùa hè năm 1898), qua Dân-chủ Cộng-hòa (1912-1927) đến độc tài quốc gia (1927-1949). Sau bao thử thách, và tình ngộ, ngày nay, cùng đường, họ bị bắt buộc phải thí nghiệm đến chủ nghĩa Mác-xít ! Mao-trạch-Đông có nói : « Tây phương là thầy dạy chúng tôi, nhưng khốn thay, ông thầy ấy nuốt trọn học trò. » Theo ông ta thì những người theo chủ nghĩa Mác-xít chỉ kỳ vọng biến nước Trung-hoa thành một nước kỹ nghệ hóa, nhưng thoát khỏi sự xâm phạm của Tây-phương.

Tôi không tiên đoán chủ trương ấy sẽ đem lại kết quả tốt hay xấu cho nước tôi, vì đó không phải là phần việc tôi. Tôi chỉ nhận xét — không phải là không buồn rầu — chung cục của tấn kịch lịch sử lớn lao ấy.

Hiện nay, Giáo-hội Kitô đương trải qua ở nước Trung-hoa một cơn khủng hoảng chưa từng có trước kia. Phải nhiều ngày mới kể lại hết hùng khí của các giáo sĩ và tín đồ trong những giờ phút bi đát ấy. Ai có thể thờ-ơ trước cảnh đau khổ của các tín đồ Ki-tô giáo bị giày xéo giữa lòng thương Tổ-quốc và sự trung thành với Giáo-hội. Khi Linh-mục Jean Tong tuyên bố : « Tôi trao thân thể tôi cho nước tôi và linh hồn tôi cho Giáo-hội », ông quả là phát ngôn viên bày tỏ ý tưởng chung của tất cả người Trung-hoa theo Ki-tô giáo. Nếu đa số tín đồ Ki-tô giáo Trung-hoa sẵn sàng chết cho đức tin, họ cũng vẫn không mất lòng tin tưởng ở tương

lai xứ sở họ cũng như ở tương lai của Ki-tô giáo trong xứ sở họ. Họ chắc rằng máu đã chảy của các vị tuấn-giáo sẽ làm cho đất Trung-hoa phì nhiêu, và Giáo-hội Trung-hoa đương tuổi thanh niên khi ra khỏi cơn nhiễu loạn này sẽ lớn thêm, và trưởng thành.

III

Đây là tấn bi kịch của nước Trung-hoa cận kim, từ khi tiếp xúc với Âu-châu và với Giáo-hội. Tôi tưởng rằng hối tiếc những lầm lỗi của dĩ vãng không ích lợi gì, mà hiện giờ cần phải mở rộng thêm tâm trí của chúng ta để hiểu rõ những bộn phận hiện tại.

Chúng ta hãy tự hỏi hiện nay các tín đồ Ki-tô người Trung-hoa có thể mong chờ gì ở các anh em đồng đạo người Tây-phương. Có hai điểm chúng ta phải chú ý :

Điểm thứ nhất là người Tây-phương phải từ bỏ lòng tự tôn mặc cảm, và có một tinh thần chân thật về sự bình đẳng giữa các giống người. Tôi biết rằng Giáo-hội từ Âu-châu mà lan ra các nơi khác, và Ki-tô giáo đã dung hóa sự khôn ngoan của người Hy-lạp với tinh thần luật pháp của người La-mã, hiệu năng của Tây-phương cận kim, đó là một lợi lớn cho mình. Nhưng tôi mong ước Giáo-hội sẽ vượt lên trên trạng thái chuyên nhất Âu-châu ấy. Bởi vì Giáo-hội Ki-tô là đại đồng, và đại đồng không có nghĩa là nhất diện.

Thường thường người ta xem những Giáo-hội ở Á-châu như là những chi điểm của Giáo-hội Tây-phương, nhưng Giáo-hội chân chánh phải thuần nhất trong sự bất đồng và bất đồng trong sự thuần nhất.

Tôi rất ưa thích các Giáo-đường kiểu gô-tích, nhất là hình hoa hồng lớn trên cao ở cửa vào. Không có hình nào vẽ được sự đại đồng của Giáo-hội bằng hoa hồng ấy. Ở giữa, là Chúa Ki-tô, và mỗi cành hoa biểu thị một văn hóa, một tâm tư, một dân tộc. Nhờ đó, Giáo-hội là Trung-hoa nếu ở đất Trung-hoa, là Đức nếu ở đất Đức, là Pháp nếu ở đất Pháp. Các cành hoa ấy vì đều tập trung lại ở Chúa Ki-tô, nên cảm thông với nhau mãi mãi chứ không cách biệt nhau. Điều chúng ta cần tìm kiếm không phải sự thuần nhất ở dưới chân mà sự thuần nhất ở trên chóp. Giáo-hội đương tiến đến sự thành tựu cuối cùng: mỗi người chúng ta phải tìm hiểu và tôn trọng những nguyện vọng chính đáng của các dân tộc khác, để cho chiếc áo dài của Chúa gồm thêm nhiều màu sắc chứ không phải xé rách ra thành từng mảnh.

Ở đây tôi xin phép mời các Ngài xét hỏi lương tâm. Các Ngài có cảm giác rằng có khi các Ngài biểu lộ mà không biết một quan niệm nhất nguyên về lịch sử, giống như quan niệm của Hegel không? Cũng như Hegel đã tưởng rằng sự đại đồng chân thật chỉ thành tựu được ở nước Đức thuở ấy, trong các Ngài một đôi vị có lẽ cũng đã tưởng Giáo-hội Ki-tô chỉ thực hiện được sự đại đồng cuối cùng ở Tây-Âu mà thôi, tưởng như Thiên Chúa chỉ dạo chơi trên bờ bệ Địa-trung vậy. Nếu như vậy thì không tránh được rằng các tín đồ Ki-tô người Trung-hoa không lưu tâm đến tương lai của Giáo-hội Ki-tô vì trong đó người ta dành cho xứ sở và văn hóa họ một địa vị quá hẹp hòi.

Vậy tôi xin các anh em Tây-phương

lấy tình bình đẳng mà thay thế cho lòng tự tôn mặc cảm. Nhiều bằng hữu người Trung-hoa đã thú thật với tôi rằng phải có trận chiến tranh Cao-ly mới xóa tan được ở họ lòng tự ti mặc cảm đối với người Mỹ. Không ai dám cầu chúc phải có một cuộc chiến tranh giữa Âu-châu và nước Trung-hoa nữa để tạo ra tình bình đẳng ở nơi người Âu-châu cũng như ở nơi người Trung-quốc.

Điều thứ hai mà tôi trông đợi ở các anh em Âu-châu là họ hãy thương mến các tín đồ Ki-tô người Trung-quốc.

Trước hết, những người đương sinh sống ở nước nhà. Tôi đã nói qua về tình hình bị giày xéo của họ hiện nay. Là người Trung-hoa, họ hiểu những nguyện vọng chính đáng của đồng bào họ, thế mà họ bị đồng bào đặt ở ngoài vòng pháp luật, dãi như người ngoại quốc. Là tín đồ Ki-tô-giáo, họ biết bổn phận của họ là phải trung thành với La-mã, thế mà họ chỉ có thể làm tròn bổn phận ấy bằng sự tuân nặc mà thôi, Các Ngài cầu nguyện cho họ là lẽ cố nhiên, nhưng các Ngài cũng không nên làm bất cứ điều gì nó có thể liên lụy đến sanh mạng họ. Các ngài hãy tránh được chừng nào hay chừng ấy những lời nói nó có thể liên kết Giáo-hội với một chủ nghĩa chống Cộng tiêu cực, vì Giáo-hội lãnh sứ mạng thương mến tất cả loài người của Thiên-Chúa, không dính dáng gì với bất cứ một chính sách nào của Tây-phương. Trên thế giới ngày nay, báo chí và vô tuyến truyền thanh phổ biến tin tức rất nhanh

chóng, một lời nói khinh suất ở đây có thể gây ra sự ngược đãi, giết chóc ở trên đất Trung-hoa.

Nếu không có thể trực tiếp giúp ích gì cho các tín đồ Ki-tô ở nước Trung-hoa thì ít nữa hãy gắng thông cảm với sự đau khổ của những tín đồ người Trung-hoa bị bắt buộc cư trú ở Âu-châu. Hết thảy các người ấy đều biết ba sự căm dỗ. Với sự hiểu biết và lòng nhân đức của các Ngài, các Ngài có thể giúp họ khỏi sa ngã vào đó.

Sự căm dỗ đầu tiên, nó đón chờ chúng tôi hằng ngày là sự căm dỗ ở trên núi Thaborê. Các Ngài nhớ rằng Thánh Phêrô khi thấy Chúa Kitô biến hình, đã muốn ở lại cùng Ngài trong trạng thái vinh quang ấy. Sự căm dỗ này của Thánh Phêrô, chúng tôi cũng nhận thấy nó mỗi khi gặp sự khó khăn, chúng tôi muốn lánh mình ở một nơi nương náu tạm thời mà Kitô giáo ở Âu-châu hiến chúng tôi. Nhưng cũng như Chúa Kitô đã xuống núi để thực hành sứ mạng và chết trên Thánh giá, chúng tôi, tín đồ Kitô người Trung-hoa, chúng tôi cũng muốn một ngày kia được trở về bên cạnh anh em đồng đạo ở Trung-quốc. Bởi vì nếu chúng tôi bị đốn tóa, chúng tôi cũng không bao giờ nản chí. Nhiệm vụ của các Ngài, tín đồ Kitô giáo người Âu-châu, là đừng khi nào làm tắt hy vọng ấy ở nơi chúng tôi.

Sự căm dỗ thứ hai, tôi gọi là sự căm dỗ của thể tục. Bắt buộc phải cư trú lâu ngày trên đất ngoại quốc, đã bao lần chúng tôi thầm mong ước một trận thế giới chiến tranh xảy ra, để nếu phe chống Cộng thắng, chúng tôi có thể theo xe người ngoại quốc mà trở về nước Trung-hoa.

Sự căm dỗ ấy, nó đến một cách dễ dàng trong tâm trí những người đương đau khổ vì xa cách cha mẹ, bà con, thật là vô đạo. Vì ai chịu đựng cho đại đa số nhân loại phải bị phá hủy đang giải phóng một thiểu số là tín đồ Kitô người Trung-hoa. Và lại, trở về nước Trung-hoa dưới sự hộ vệ của quân đội ngoại quốc, điều ấy không chỉ làm cho Giáo-hội mất uy tín mà còn khiến dân tộc Trung-hoa ghét bỏ nữa.

Còn một sự căm dỗ tế nhị hơn hai căm dỗ kia, mà tôi gọi là « căm dỗ của Judas ».

Tôi không biết các nhà chú giải Thánh Kinh giải nghĩa thế nào về động lực xác thật đã thúc đẩy Judas phản Chúa. Phần tôi, tôi tưởng rằng không phải vì ba chục đồng bạc người ta cho nó mà nó phản lại Chúa, mà vì sự thất vọng do chính Chúa Ki-tô gây ra khi Ngài không chịu làm một vị chúa Cứu thế quốc gia, giải phóng Israel, mà muốn trở nên vị Chúa cứu cả nhân loại. Lời giải thích này của tôi đúng hay sai, điều đó ít quan hệ, tôi chỉ muốn dùng thí dụ ấy để chỉ sự căm dỗ mà một số tín đồ Ki-tô người Trung-hoa ở Âu-châu thường mắc phải. Có khi nào các Ngài đã bắt buộc phải sống ở nước ngoài chưa ? Các Ngài có biết một người phải bỏ tổ quốc mà đi vong mạng là người thế nào không ? Người ấy đến đâu cũng cô độc. Khi bị bắt buộc đến ở một xứ lạ, ban đầu có những điều mới mẻ thỏa được lòng hiếu kỳ của Ngài, những kiến thức mới mẻ có ích cho Ngài, những cảnh trí mới mẻ làm vui lòng Ngài. Nhưng khi Ngài đau ốm, nhìn chung quanh không thấy một người nào để an ủi Ngài, để nói

chuyện với Ngài. Đem những tấm ảnh đã vàng cũ của mẹ ra ngắm, đem các bức thư xưa của bạn bè ra đọc lại, nhưng cũng không đủ để dẹp tắt lòng nhớ quê hương và ý muốn trở về xứ sở. Rồi Ngài tự nhủ: « Vì sao ta từ bỏ gia đình, bạn bè, quê hương, nếu chẳng phải chỉ vì thương Chúa ? Mà ta đã gặp gì ở các nước Âu-châu mà người ta gọi là thuộc Ki-tô giáo này ? Phải chăng thường thường chỉ gặp sự thờ ơ, lãnh đạm, nhiều lần sự khinh rẻ, và có khi sự cừu thị nữa là khác. »

Như vậy các Ngài rất dễ bị « cám dỗ Judas », cám dỗ quốc gia, lung lạc. Ngài bèn nôn nóng trở về xứ sở, góp phần vào công cuộc xây dựng một quốc gia mạnh mẽ có thể làm cho người ta kính, người ta sợ. Ngài muốn an ủi mình mà tự bảo: « Khi ta trở lại Âu-châu, bấy giờ là trở lại với một đạo quân hùng dũng. Ngày ấy thì không phải ta, nhân danh lòng nhân từ Ki-tô giáo để đến cầu xin một miếng bánh, mà để cho các người Ki-tô giáo Tây-phương phải quì gối mà xin ta tha thứ và bảo hộ họ. »

Xin Đức Chúa Trời gìn giữ cho các tín đồ Ki-tô giáo người Trung-hoa đừng vong mạng ở Âu-châu đừng sa ngã vào sự cám dỗ ấy. Còn các Ngài đây, các Ngài có

bồn phận làm cho tình cảnh đau đớn của họ được dễ chịu hơn.

Khi này đến giờ tôi chỉ nói đến các tín đồ Ki-tô người Trung-quốc, nhưng tôi không có ý định bỏ lơ các người Trung-quốc không theo Ki-tô giáo hiện sống ở Âu-châu. Đối với các người này, các Ngài cũng có một bồn phận truyền giáo phải làm tròn. Khi các Ngài gặp một người nào trong số ấy, các Ngài đừng quên rằng cuộc gặp gỡ ấy có thể là cơ hội độc nhất để người ấy tìm thấy Chúa Ki-tô. Giải nghĩa thế nào việc một người như Chu-Ấn-Lai, xưa kia làm thợ ở nhà máy Renault và hiện nay là Thủ-tướng ở Trung-hoa lục địa, khi vong mạng ở đất Pháp, đã nhiễm phải chủ nghĩa Mác-xít mà không nhiễm được tôn giáo của Chúa Ki-tô. Tôi đã thấy nhiều người Trung-hoa tin theo Ki-tô giáo, chỉ vì họ đã gặp được ở những tín đồ Ki-tô giáo một bằng chứng xác thật của lòng nhân từ. Tôi cầu xin các Ngài bằng chứng ấy; các anh em người Trung-hoa có quyền đòi hỏi các Ngài ban cho họ bằng chứng ấy vậy.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

Kỳ sau: Giáo - hội Ki - tô và văn hóa Trung-hoa.

- ★ Lòng giận dữ tai hại vô cùng: bốc lên thì dễ, dẹp đi rất khó.
(Trình Di)
- ★ Có kiên nhẫn thì mới có thể có thứ tự. Mất tự chủ là chắc chắn mất uy tín đối với xung quanh (Hughes)
- ★ Nhân đức vật, khí khái hão thường làm hỏng công việc lớn.
(Luận ngữ)

KHÔNG GIAN

Liên hành-tinh

THUỘC VỀ AI ?

TIỂU-DÂN

NHÂN loại mới làm được vài bước chập chững trên đường tiến vào khoảng không gian liên hành tinh. Cho đến nay, trải qua bao nhiêu thí nghiệm và thất bại, người ta mới vui ghi nhận sự có mặt của một số vệ tinh nhân tạo. Những bước tiến vĩ đại đấy, so với sức hữu hạn của trí óc con người nhưng bé bỏng làm sao trước sự bí mật vô cùng của thượng tầng vũ trụ.

Nhưng bấy nhiêu đó đủ gây một xaouyến quan trọng trong sinh hoạt nội tâm và trên mọi lãnh vực triết học, chính trị, quân sự của loài người.

Tư tưởng của mọi người giờ đây hướng về trạm đầu tiên của con đường tiến vào không gian liên hành tinh: mặt trăng.

Xa lắm rồi những thời kỳ mà Lý-Bạch ôm bóng trăng dưới nước, Đường-Minh-Hoàng phóng hồn chơi cung trăng. Những giai thoại về Hằng-Nga và chú Cuội cũng đã mất đi khá nhiều ý vị.

Trước những tiến bộ khả quan về hiểu biết và chinh phục, con người có một phản ứng đầu tiên thuần tình cảm: người ta say sưa với giá trị mới, tự thấy mình

lớn hơn, mạnh hơn, trong sự tranh chấp với vũ trụ huyền bí để thỏa mãn nhu cầu sinh tồn.

Nhưng sự say sưa về tình cảm qua mau.

Đôi cánh mới chắp còn yếu ớt, lòng người còn rợn ngợp với sự sống mới theo chiều cao.

Yếu ớt và rợn ngợp vì loài người sớm nhận thấy mình còn ở xa lắc xa lơ trên đường khám phá sự thật của vũ trụ.

Lại vì một lẽ nữa quan trọng hơn: tuy lòng hướng lên cao, mong mỗi vẫy vùng ở những khoảng trời cao rộng, con người vẫn thấy đôi chân dính chặt ở địa cầu.

Nói rõ hơn, mọi người đều đứng ở cương vị con người, với những vấn đề nội tâm và ngoại cảnh thuộc sinh hoạt của mình trên mặt đất dễ tiếp nhận những tiến bộ khoa học có giá trị nâng con người lên cao. Vấn đề nội tâm quan yếu nhất là sự tranh chấp sâu sắc, quyết liệt toàn diện và gay go giữa những — đúng hơn là hai — ý thức hệ hiện có.

Và ngoại cảnh phải chăng phản chiếu sự tranh chấp ấy trong mọi lãnh vực, dưới nhiều sắc thái ?

Cho nên, trong khi những nhà khoa học mới làm được việc dò đường với những đội viên trinh sát vừa ra khỏi lớp huấn luyện, có những tên hết sức khiêm tốn là Bạt đường (Spoutnik), Người thám hiểm (Explorer), những người khác đã nghĩ đến một số vấn đề mà bước thành đạt mới của khoa học đặt ra. Người ta, những luật gia, tướng lĩnh, chính trị gia đã bắt đầu bao vây chụm Hăng trong tưởng tượng — bao vây chặt chẽ đến nỗi có lẽ các nhà thơ không còn chỗ bám víu nữa.

Cố nhiên không phải bao vây đề xây dựng một cuộc sống tình cảm đầy sắc hương với tiên nữ.

Sự thật « phàm trần » và phũ phàng hơn : người ta dự kiến trường hợp sau này, có thể còn lâu nhưng nhất định xảy ra, trong đó nguyệt cầu bị loài người chinh phục.

Các nhà làm luật quốc tế, đề cập đến vấn đề ấy, đều chủ trương đặt khoảng không gian liên hành tinh ở ngoài chủ quyền các quốc gia. Nói cụ thể hơn, người đầu tiên đặt chân lên nguyệt cầu có thể là người Nga hay người Mỹ nhưng không vì đó mà Liên-bang Cộng-hòa xã hội Sô-viét hoặc Hoa-kỳ được dựa vào điều kiện chiếm lãnh đầu tiên để tuyên bố chủ quyền quốc gia trên nguyệt cầu.

Các tướng lĩnh thì quả quyết rằng điều hay hơn hết là quốc gia của mình làm thế nào để cầm trịch hơn thiên hạ

lá quốc kỳ trên cung nguyệt và biển nơi này làm căn cứ phóng hỏa tiễn.

Trong khi đó các nhà chánh trị, lúng túng giữa chính sách hiện tại và lợi ích tương lai, đang mặc cả với nhau về các thứ quyền lợi và ảnh hưởng phác họa trong vòng tưởng tượng.

Một vài người đã ngạc nhiên tự hỏi tại sao một vấn đề viễn vông như vấn đề chủ quyền ở thượng tầng không gian lại được những nhân vật quan trọng, thuộc các giới, nghiên cứu, bàn cãi một cách nghiêm trang đến thế và vì sao nguyệt cầu ở xa tít trên kia bỗng trở nên một con cờ trong ván bài chiến tranh lạnh quốc tế ?

Thật ra, từ ngày vệ tinh Spoutnik thứ nhất được phóng lên không trung, khoảng không gian liên hành tinh đã trở thành một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với Ngũ giác đài, điện Cẩm lĩnh, Liên hiệp Quốc. Ngay cả Hiệp hội luật sư Hoa-kỳ cũng đã sớm quan tâm đến vấn đề và có hẳn một tiểu ban về chế độ pháp lý trong không việc liên hành tinh.

Từ lâu rồi, người ta đã bàn cãi sôi nổi về một số vấn đề như : khoảng không gian liên hành tinh có tính chất quốc tế như những hải phận quốc tế không ? Nếu có thì làm thế nào và dựa vào những tiêu chuẩn gì, xác định không vực ấy ? Một vệ tinh nhân tạo khi được đặt vào quỹ đạo còn giữ quốc tịch của nó không và ai chịu trách nhiệm về những sự hủy hoại gây ra dưới đất khi nó rơi xuống, tan rã ? Một nước không muốn cho nước khác dùng những công trình khoa học — vệ tinh chẳng hạn — quan sát nội tình của mình, phải đối phó như thế nào ? Và cuối cùng,

KHÔNG GIAN LIÊN HÀNH-TINH THUỘC VỀ AI ?

một quốc gia có thể bằng cách này hay cách khác yêu sách chủ quyền trên một lãnh thổ chiến hữu tại nguyệt cầu hoặc các hành tinh khác chăng ?



Những vấn đề trên đã trở nên khẩn thiết và thành ra những vấn đề chính trị hiện tại, từ khi Liên-sô và Hoa-kỳ phóng lên và đặt được vào quỹ đạo 7 vệ tinh, và cũng hai quốc gia này bắt đầu hoạch thảo chương trình thiết lập những căn cứ tại nguyệt cầu.

Ngày nay, ai cũng hiểu rằng từ một căn cứ trong khoảng không gian liên hành tinh, người ta có thể quan sát hoặc hủy diệt bất cứ nơi nào dưới đất. Theo dư luận báo chí thì hiện nay Hoa-Kỳ đang chế tạo một vệ tinh có thể chụp hình những vùng địa cầu mà nó bay ngang trên không, trong khi Liên-sô cũng đang xây dựng dự án về một vệ tinh có thể thay thế phương pháp vô tuyến truyền hình.

Rõ là rồi đây chiến tranh gián điệp kéo từ trước đến nay sẽ trở nên quá thời. Người ta có cần dùng đến hình thức chiến tranh này nữa chăng, khi mà người ta có thể thâm hỏi được các vệ tinh và khi các vệ tinh này có thể mang về những địa đồ chính xác và những ảnh hình có chi tiết rõ ràng như máy bay và xe cộ dưới đất ?

Người ta hy vọng rằng nhờ những viễn vọng kính đặt trên mặt trăng, người ta có thể nhận thấy những vật gì dưới đất dài đến 30m, nghĩa là có thể nhận thấy tàu bè ở biển, các căn cứ phóng hỏa tiễn và những mục tiêu quân sự khác.

Nếu không có một chế độ kiểm soát quốc tế, người ta có thể dùng vệ tinh phá các luồng điện phát thanh của nước mình — một phương tiện của chiến tranh tâm lý vậy. Đó là chưa nói rằng vệ tinh có thể phá hệ thống ra đa hiện nay đang được các nước dùng để phòng ngừa những cuộc tấn công bất ngờ.

Vệ tinh Spoutnik thứ nhất đã không phát thanh trên làn sóng điện được qui định trong Năm Vật lý học quốc tế. Nhưng mảnh sắt của vệ tinh Spoutnik thứ hai hình như đã rơi xuống một khu rừng nước Ba-tây. Nhưng những mảnh vệ tinh tan rã ấy cũng rất có thể rơi xuống trên công trường Elysée của Pháp hoặc trên một nhà máy lọc dầu hỏa ở Hoa-kỳ. Trong trường hợp này, phải chăng vấn đề trách nhiệm gây ra sự hủy hoại còn « nằm trên thượng tầng không khí » nghĩa là không được giải quyết ?

Đứng về lý thuyết mà nói thì các vệ tinh đã vi phạm không phận của các quốc gia. Trong bộ luật của Anh quốc, chữ « Đất » được định nghĩa về pháp lý như sau : « Đất trải ra đến vô cùng, theo chiều cao cũng như theo chiều ngang... cho nên tiếng « Đất » không những chỉ mặt của đất mà còn gồm các phần dưới và trên cao của mặt đất ».

Sau thế giới đại chiến lần thứ nhất, các nước đã ký một thỏa ước tại Ba-lê qui định sự giao thông trên không. Một điều khoản nói rằng : « Mỗi quốc gia có chủ quyền hoàn toàn và chuyên hữu về không phận trên lãnh thổ của mình ». Và qua năm 1944, Hội-nghị Hàng-không Dân-sự Quốc-tế họp tại Chicago cũng thừa nhận chủ quyền ấy của các quốc gia.

Liên-sô tuy không tham dự Hội - nghị Chicago cũng có một lập trường như vậy khi thiết lập đạo luật hàng không và hai nhà bác học Liên-sô, trước kỷ nguyên Spoutnik, cũng đã cho biết rõ ràng rằng tiếng « hoàn toàn » của chủ quyền có nghĩa là « không giới hạn ».

Tuy vậy, từ ít lâu nay, từng thời gian, người ta phóng lên những vệ tinh và các vệ tinh ấy bay ngang các không phận thuộc chủ quyền các quốc gia một cách tự do như chính mặt trăng vậy, mà không có nước nào lên tiếng phản đối hành động vi phạm ấy. Mùa hè năm 1955, khi tòa Bạch-ốc tuyên bố rằng Hoa-kỳ dự trù phóng lên một vệ tinh nhân tạo vào Năm Vật-lý-học quốc tế 1957, người Nga chỉ tuyên bố rằng về phần họ, họ cũng có ý định như vậy. Ông Khrouchtchev đã bảo: « Nếu chương trình của Hoa-kỳ phục vụ lợi ích nhân loại, chính phủ Liên-sô sẽ luôn luôn sẵn sàng ủng hộ ». Ông Andrew O. Haley vốn được xem là chuyên viên số một về vấn đề pháp lý liên quan đến khoảng không gian liên hành tinh đã nhận xét rằng « sự thỏa thuận không chính thức ấy có lẽ là sự kiện đáng vui nhất của thời đại » Ông đã cho người ta thấy rằng nếu có một quốc gia nào sử dụng chủ quyền không phận của mình, lên tiếng phản đối việc vệ tinh bay ngang lãnh thổ, có lẽ toàn bộ chương trình đã bị trở ngại.

Một bài báo Foreign Service Journal mới đây tuyên bố rằng « vài hành động được sự thỏa thuận chung, có giá trị pháp lý còn hơn một pháp lý do các lý thuyết gia về luật trên thế giới ấn định ».



Cho đến nay các vệ tinh không nguy hiểm cho ai ; người ta cũng không nghĩ rằng các vệ tinh ấy có thể phục vụ chiến tranh gián điệp. Do đó những chuyên viên về luật đang lo âu tự hỏi phải hành động như thế nào khi tình thế còn êm dịu. Nên chăng thúc hối các quốc gia chấp nhận một chế độ pháp lý đối với những hoạt động của các nước trên không vực liên hành tinh, trước khi mạnh ai nấy sử dụng không vực ấy theo lợi ích riêng tư ?

Nhưng về vấn đề này các luật gia có nhiều ý kiến khác nhau. Nhiều ý kiến, dựa vào lẽ này hay lẽ khác, cho rằng sự kiện có một số vệ tinh trên thượng tầng không trung không đủ giá trị một tiền lệ, không cung cấp những luận cứ vững chắc để ấn định một chế độ pháp lý quốc tế mới đối với khoảng không gian liên hành tinh, nghĩa là một chế độ pháp lý thay đổi chế độ chủ quyền quốc gia về không phận.

Thật ra không phải là những tiền lệ mà là những sự kiện thiên văn đã cáo chung những quan niệm về chủ quyền ấy. Ngày nay, người ta thấy rõ rằng vì trái đất quay và quay chung quanh mặt trời, mặt khác vì những đặc tính của thái dương hệ, không thể tưởng tượng rằng khoảng không gian trên một lãnh thổ là luôn luôn cố định, không đổi dời. Một điểm không gian trên xứ Costa-Rica đến một lúc nào đó có thể di chuyển qua trên xứ Monaco hay trên xứ Madagascar. Trên lĩnh vực « chủ quyền » cũng không có thể bảo rằng hành động nào đó trên thượng tầng không trung phát xuất từ một nước nào rõ ràng. Theo dự luận, người Nga cho rằng các vệ tinh của họ không vi phạm chủ quyền của các nước khác cũng như các

vệ tinh của Hoa-kỳ không vi phạm chủ quyền của Nga-sô, bởi vì sở dĩ các vệ tinh vượt qua các biên giới quốc gia, chính vì trái đất xoay chứ không phải vì động tác của các vệ tinh.

TIẾN LÊN MẶT TRĂNG

Nhưng dù rằng người ta không còn lý lẽ vững chắc để nêu trở lại vấn đề chủ quyền không phận, người ta vẫn có thể viện cớ này lẽ kia để đòi quyền chiếm hữu những lãnh thổ trên khoảng không gian liên hành tinh. Người ta sẽ viện ra quyền chinh phục hay chiếm lĩnh đầu tiên chẳng hạn.

Mặt khác, các vệ tinh vẫn có thể vi phạm ngang nhiên chủ quyền các quốc gia bằng cách bay trên thượng tầng không trung, phục vụ những ích lợi quân sự và chiến tranh.

Có thể rằng các nhà bác học Hoa-kỳ và Liên-sô chỉ mong muốn phục vụ lợi ích của nhân loại, nói rộng phạm vi kiến thức của con người nhưng người ta không cực kỳ khờ khạo để tin rằng sự chạy đua lên mặt trăng hiện nay giữa các quốc gia chỉ có mục đích không vụ lợi.

Theo tạp chí vốn hết sức thiết thực, tờ Business Week, các nhà chiến lược Hoa-kỳ xem nguyệt cầu như « cái chìa khóa khai trương nền bá chủ trái đất » và ở Ngũ giác đài, nhiều người cho rằng nếu không cố gắng toàn diện để tiến lên cung trăng trước nhất, sớm nhất, điều ấy có nghĩa là đưa quốc gia đến chỗ tự sát. Lý thuyết của họ như thế này : nếu có một căn cứ trên mặt trăng, chúng ta sẽ được bảo đảm không bị tấn công bất ngờ. Muốn tấn công ta, kẻ thù phải nghĩ đến những đòn trả đũa xuất phát từ căn cứ ở nguyệt cầu ; do đó, kẻ thù phải tấn công

những căn cứ này, trước khi hướng đòn đánh về Hoa-kỳ. Nước ta sẽ có ít nhất là hai ngày rưỡi để sửa soạn việc đối phó.

Nhiều người không chuyên môn quân sự đã quan tâm đến những dự kiến về tương lai ấy. Ông C. C. Fortnas không tin rằng mặt trăng hay những căn cứ thiết lập trên không vực liên hành tinh có thể được dùng một cách hiệu quả để phóng phi đạn. Ông A. Dubridge, viện trưởng viện kỹ thuật học Californie nói còn mạnh hơn : « Chúng ta ở gần tình trạng mà người ta đề cho một trong những công trình thực hiện kỹ thuật lớn nhất trong lịch sử nhân loại, thay vì khích lệ một công cuộc tìm tòi khoa học quý giá, lại biến đổi chúng ta thành những người lính tập sự chiến đấu trên không trung ; trong tình trạng này hàng tỉ Mỹ kim sẽ bị phung phí để phục vụ những dự án ngông cuồng, không kiến hiệu và được quan niệm sai lạc ».

Tuy vậy, Tướng B.A. Schriever, chuyên trách vấn đề phi đạn của không quân đã tuyên bố trước tiểu ban hàng không liên hành tinh và thám hiểm không trung của Hạ nghị viện Hoa-kỳ rằng những nhu cầu quân sự phải được đặt trước sự tìm tòi về khoa học thuần túy. Cũng tại đây, đô đốc John T. Hayward tuyên bố rồi đây Hoa-kỳ sẽ có thể dùng Nguyệt cầu như một vệ tinh thám sát, không đòi thiết lập những căn cứ trên không vực liên hành tinh.

(còn một kỳ nữa)

TIÊU - DÂN

Dựa tài liệu « Không - gian liên hành-tính thuộc về ai ? » của Robert Bendiner đăng trong tạp-chí Hoa-kỳ The «Reporter» ra ngày 16-8-56.

PHÙNG - KHẮC - KHOAN

TỨC

Trạng Bùng

(THỂ KỶ THỨ XVI)

Dương - Tuyền đã - phu
PHAN-VỌNG-HÚC

ÔNG Phùng - Khắc - Khoan tục gọi Trạng Bùng, người làng Phùng-xá (xưa là thôn Phùng, thuộc xã Vĩnh-lộc) tổng Thạch-xá, huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây là dòng dõi nho gia trung hậu. Ông thân sinh (chưa rõ tên), học giỏi, văn hay, dạy học, thọ gần 80 tuổi, vốn nhà thanh bạch, bà thân mẫu làm nghề canh cửi, dệt vải và lượt làm sinh kế. Tục tuyền khi gần tới tháng sinh nở bà còn đi chợ bán vải, khi chiều muộn về đến cái gò cao ở đầu làng, bà đau đẻ, và sinh ra ông Khoan tại gò này. Đến nay vẫn còn gọi gò này là gò Đổng-đẻ, gò này to, cao, ở liền cổng đầu làng Phùng-xá, liền cạnh con đường Thạch-thất đi Quốc-oai.

Làng Phùng-xá ở vào khu vực sơn thanh, thủy tú, các làng miền này từ cổ vẫn có phong tục nhân hậu, văn học, đã phát sinh nhiều bậc khoa giáp và văn thần, võ

tướng. Khu vực này thịnh nhất miền Sơn-hưng-tuyền.

Theo các nhà phong thủy, thời làng Phùng-xá một nơi sơn thủy hữu tình, địa khí chung linh, phía Đông có núi Sài-sơn (danh thắng bậc nhất nhì trong cõi Bắc) sông Hát-giang, phía Tây có núi Câu-sơn, sông Tích-giang, phía Nam có động Hoàng-xá, phía Bắc có đầm Bùi, về thời Hán thuộc (40 trước Tây lịch kỷ nguyên) làng Phùng-xá đã phát sinh hai danh tướng là ông Đào-Đạo và em là Đào-Đạt, (1)

(1) Nhân tránh loạn, 2 ông tản cư đến làng Kỳ-sơn bờ sông Nguyệt-giang, huyện Chí-linh (xưa là Quất-bàng) tỉnh Hải-dương. Nhà nghèo, học giỏi lại có chí lớn, khẳng khái, có lượng bao dung, dân chúng tín phục, anh em ông Đào khởi binh giữ mạn Đông-triều, Chính-linh cự lại Tô-Định tướng nhà Hán Trần thủ giao châu, sau vua Trưng-Trắc đưa thơ vờ về giúp, anh em ông phò tá Trưng-triều, đuổi được Tô-Định ra khỏi cõi Nam, anh em ông Đạo được phong Nguyên-sứ Thượng tướng quân, được phong ấp miền Chí-linh, khi mất, được phong phúc thần, truy phong Đại-vương, nay làng Kỳ-sơn còn phụng tự tại đình hàng xã.

Ông Phùng-Khắc-Khoan, người thông minh, tính trung trực, giỏi văn chương, tài ứng đối, có chí lớn ông được phụ thân giảng dạy và sau có thụ nghiệp một bậc nho gia lão thành ở bên xã Hữu-băng gần làng. Tương truyền rằng : vị tiền sinh ấy là Tiến-sĩ Phan-Tế.

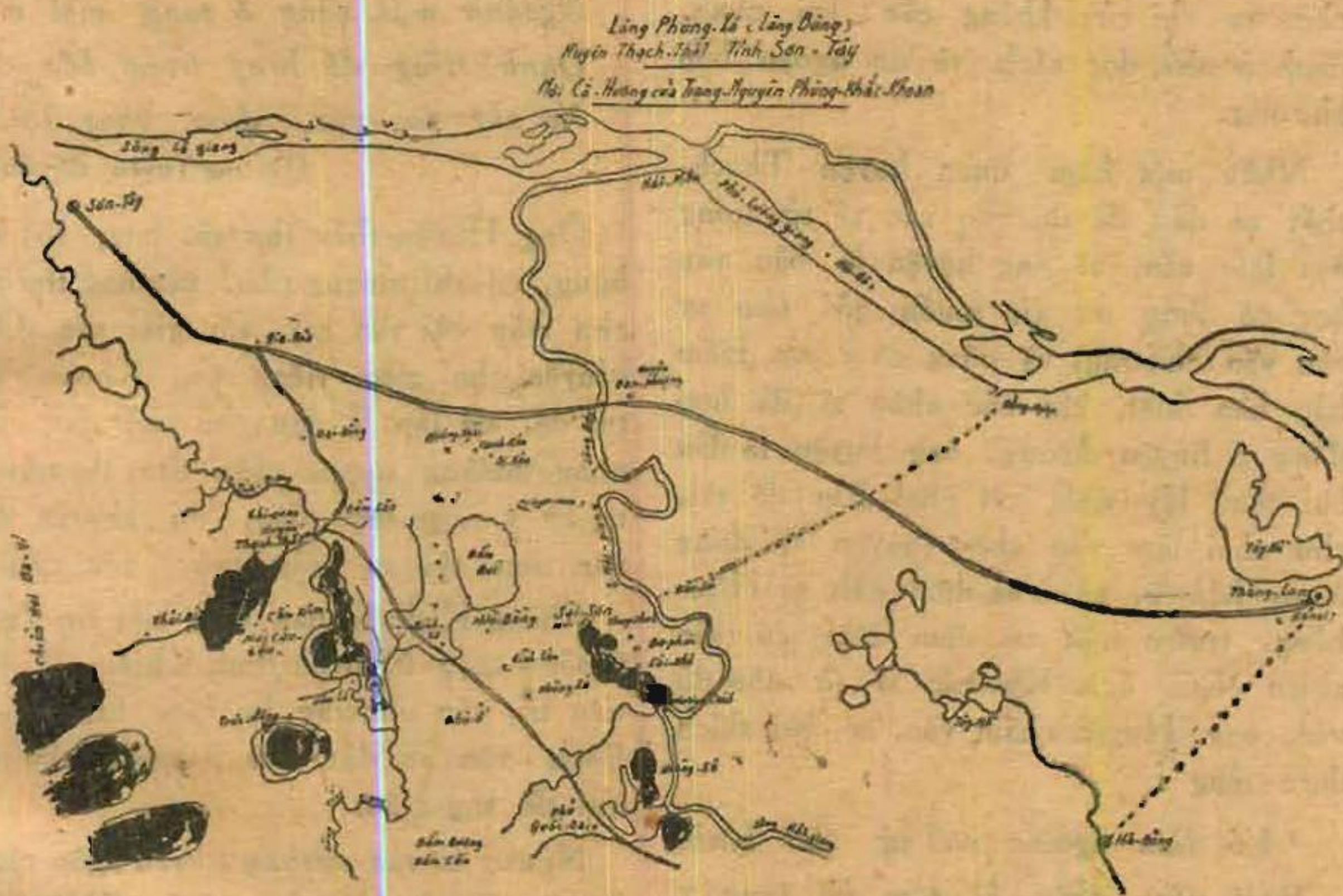
Ông Khoan sinh trưởng vào buổi nhà Lê-Mạc, vua Lê vô đạo, giặc cướp bốn phương nổi lên như ong, Mạc-Đăng-Dung do nghề chài lưới, có sức khỏe, nên được kén làm võ quan tại triều, có quyền hành, nhân đại biến, Đăng-Dung tưởng mình có tài đức làm nổi việc lớn, nên giết vua Lê Chiêu-Tôn (1524), phù lập vua Lê-Cung-Hoàng (1524-1527) sau lại giết Lê-Cung-Hoàng mà cướp quyền, giết hại các quan đại thần và danh sĩ trong nước là những người trung trực hoặc tài đức không chịu theo mình. Lại hạ lệnh giết hại dòng dõi nhà Lê và con cháu các vị công thần ở Lam-sơn, phá lăng miếu, đốt sắc văn của các vị ấy. Đăng-Dung tin dùng họ hàng, vây cánh vô tài vô đức cất nhắc làm những việc quan trọng để củng cố địa vị, bọn ấy cậy uy thế ức hiếp dân chúng, vơ vét của công tư, và các lợi lớn, gây nên tai vạ cho đất nước. Các quan triều nhiều người tự tử, có người lại gần nhờ vào mặt Đăng-Dung rồi tự tận. Vì thế trong nước chia rẽ, kẻ theo Lê, người nịnh Mạc, bậc hiền giả tìm nơi sơn-lâm hay hải-tàn để ẩn thân, cũng có người hưng binh đánh lại, có người sang Tàu cầu xin vua nhà Minh cử binh sang đánh Mạc, mà ý người nhà Minh là muốn giả danh nhân nghĩa diệt Mạc phù Lê, song thâm tâm của họ là cốt đem quân vào nước Nam để mưu chiếm đất.

Khi tướng nhà Minh là Mao-Bá-Ôn đem quân đến ải Nam-quan, trước hãy cho truyền hịch kẻ tội nhà Mạc, Mạc-Đăng-Dung đứng trước thế phức bối thụ địch, ý cũng biết rằng : nếu có đem quân dân ra kháng địch thời cũng chẳng được nào, nên phải dùng đến hạ lược là cùng đảng phái họ hàng mấy chục người, cớ trần, trối mình, dâng nộp ấn tín, sổ sách dinh điền quý xin hàng trước quân đội của Mao-Bá-Ôn. Nhà Mạc lại cắt đất 5 động là Tư-phù, La-phủ, Cồ-xâm, Liễu-cát, Kim-lặc và An-lương (nay thuộc châu Văn-ninh bên Tàu) những đất này thuộc châu Vĩnh-yên, tỉnh Quảng-yên ngày xưa, để dâng cho nhà Minh. Vua nhà Minh phong cho Mạc-Đăng-Dung chức quan An-nam đô thống sứ là chức quan Tam-phẩm, và họ Mạc phải chịu quyền trực trị của nhà Minh coi nước Nam thành một châu quận của Tàu. Hành động ấy đã làm cho nhục quốc thể mất quyền độc lập, hại cho nhân dân và làm hổ danh của các bậc anh hùng dân tộc.

Từ đây, nhà Minh đặt quan giám trị ở cạnh Mạc-Đăng-Dung, và đặt người kiểm soát chính trị dưới danh từ văn hóa, thương mại, v.v...

Trong tình thế ấy, lại có kẻ nịnh Mạc để cầu danh lợi, có kẻ theo nịnh để lấy thế lực, quân vô lại nổi lên cướp bóc lương dân. Nhưng nước Nam có nhiều người không chịu khuất, các người nghĩa khí các nơi nổi lên đánh lại họ Mạc, trong đám ấy có ông Nguyễn-Kim đã ngoài 70 tuổi, là cựu thần nhà Lê đem theo gia thuộc trốn vào miền Thượng-lưu tỉnh Thanh-hóa chiêu binh chống lại, sau 3 năm, tìm

PHAN-VỌNG-HÚC



được người con nhỏ của vua Lê-Chiêu-Tôn là Thiếu-tử Ninh lên tôn làm vua, hiệu là Trang-Tôn, ông Kim lui làm bề tôi đề phù Lê khôi phục nghiệp cũ. Lại có ông Vũ-Uyên tức là Vũ-Mật, hưng binh ở Thành-bầu, trấn Tuyên-quang, ông Định-Thạch nổi lên ở Hàn-giang, Hải-dương, là những nhà lãnh tụ có binh quyền cùng chống họ Mạc, nên cha con họ Mạc không rảnh tay mà đánh thẳng vào Thanh-hóa.

Cũng có người thì muốn làm việc ngay tại triều Mạc để cứu vãn tình thế đời bạo làm nhân, hoặc có người được họ Mạc ép mời để thêm uy tín, cho nên có bậc danh sĩ như ông Nguyễn-Bình-Khiêm người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại (nay là Vĩnh-bảo) tỉnh Hải-dương có tài tế thế, tính biết trước sau, năm ông 50 tuổi mới ra ứng thí, họ

Mạc lấy ông đỗ Trạng-nguyên, bổ cho làm quan Thượng - thư hàm Thái - phó tước Trình Quốc-công. Nhưng vì tình thế không sao cứu vãn được, cũng như Khổng-phu-tử phải cong mình mà làm quan với Quý-Thị khi xưa. Bởi vậy nên Quốc-công dâng sớ lên vua Mạc xin làm tội 18 tên gian nịnh có quyền thế tại triều là chân tay của vua Mạc, sớ ấy không được thi hành, nên Trình Quốc - công cáo quan về dạy học ở quê nhà. Ông dựng Am Bạch-vân ở bờ sông Tuyết - giang đề ngâm vịnh, vui với sơn thủy, học trò theo học rất đông, tôn Trình Quốc-công là Bạch-Vân Tiến-Linh.

Ông Phùng-Khắc-Khoan tuy có tài học, có chí lớn, song trước cảnh nước loạn như thế, đến như Trình Quốc-công cũng không chữa nổi, nên ông không

chịu ra thi cử, không cầu lợi danh, dành ở nhà đọc sách và du ngoạn bốn phương.

Nhân một hôm quan huyện Thạch-thất ra đầu đề thi cho các sĩ tử trong hạt làm văn, vì ông huyện là bậc văn học có lòng ưu ái, muốn gởi tâm sự vào văn chương, và cũng có ý tìm kiếm bậc hào kiệt, khi các nhân sĩ đã họp đông ở huyện đường, ông huyện ra đầu bài thơ, lấy vịnh con chai làm đề tài, chữ chai làm văn thơ (huyện lỵ đóng ở gò Mả-cổ, xã Yên-thôn gần xã Hữu-bằng, trước mặt có đầm Bùi có sẵn nhiều chai, ố). Khi các sĩ tử nộp đủ văn, ông Huyện chấm văn, có bài thích thực rằng :

*« Võ làm nghiên viết sử viết kinh,
Ruột nấu cháo bồ tâm bồ tạng. »*

Bài thơ của ông Phùng-Khắc-Khoan làm rằng :

*Nhất cá, như chu phù thủy thượng,
Phi oa, phi cấp, kỳ danh bạng,
Hàm châu, đại giáp, vũ, văn, tài,
Khát lãng thôn ba, hà, hải lượng;
Thiên lý thanh lưu nhuận trạch trường,
Nhất chiêu hồng nhật khuynh tâm
hướng,*

*Cửu châu tứ hải cộng tri danh
Quần học, đồ cô an cảm kháng.*

dịch nôm :

*Trông hình, mặt nước chiếc thuyền
thoi,
Chẳng ếch, không hò, ấy thực chat.
Giáp ngọc hàm châu, văn vũ đủ,
Thôn ba, vượt sóng, bề dương chơi,
Thỏa lòng sông bích trong ngàn dặm*

*Ngoảnh mặt, vầng ô rạng một mai,
Danh tiếng đã lừng trong bốn cõi,
Xá chi cò, vạc, đám khoè tài.*

(Dương-Tuyền đã-phu)

Ông Huyện thấy thơ rất hay, lời văn hùng, có khí tượng phu, nên ông thưởng cho mấy bài văn kia, rồi giải tán. Ông Huyện cho mời riêng ông Khoan vào tư đệ, đề lấy lễ tân chủ tiếp đãi, cùng nhau thưởng rượu, ngâm thơ, trò truyện, tri kỷ ý hợp tâm đầu, rồi khuyên ông nên đem tài ra giúp nước yên dân.

Phùng-Khắc-Khoan vốn biết tin Trình Quốc - công Nguyễn-Bình-Khiêm là bậc tiên tri, văn chương lỗi lạc, lui về am Bạch - vân ẩn dật, có ý muốn tìm tới nơi đề thụ giáo.

Người ta vẫn thường truyền ngôn rằng: Trạng Trình Nguyễn - Bình - Khiêm và Trạng Bùng Phùng-Khắc-Khoan là hai anh em cùng mẹ khác cha, là nhằm. Xét rằng: ông Phùng-Khắc-Khoan ở làng Phùng-xá, gần núi Sài-sơn, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn - tây, mà ông Nguyễn-Bình-Khiêm thời quê ở làng Trung-am, huyện Vĩnh-bảo, tỉnh Hải-dương gần cửa bể Thái-bình, địa thế xa xôi và giao cách, huống chi Bạch-vân tiên sinh Nguyễn-Bình-Khiêm đỗ trạng-nguyên năm Ất-mùi 1535, niên hiệu Đại-Chính thời vua Thái-tôn nhà Mạc, năm ấy ông đã 50 tuổi, mà ông Phùng-Khắc-Khoan thời đỗ Nhị-giáp Tiến-sĩ năm Canh-thìn 1580 thời vua Lê-Thế-tôn, năm ấy ông đã 53 tuổi, so niên khoa thì cách nhau 45 năm, mà so tuổi thời ông Nguyễn-Bình-Khiêm hơn ông Phùng-Khắc-Khoan 42 tuổi ($50 + 45 = 95 - 53 = 42$)

một người đàn bà nào có thể để con trước cách con sau 42 năm được. Một bằng cứ rõ rệt để cải chính ngoa truyền từ trước đến nay.

Tương truyền rằng :

Một hôm nhân trời thu mát mẻ, ông Phùng-Khắc-Khoan lên chơi núi Sài-sơn, vịn đá chen hoa lên đỉnh núi thăm chợ trời, ông đứng trên cao trông phong cảnh bốn mặt, trông về phương đông thời kia là dãy núi Tân-viên cao chót vót, dòng sông Lô nước chảy cuồn cuộn, giang-sơn gấm vóc này đã tiêu biểu cho nền độc lập của nước Nam. Trông thẳng về Bắc thời nơi kia là làng Đường-lâm, nơi quê hương của hai vị anh hùng là Phùng-Hung và Ngô-Vương-Quyền, hai ông đã đuổi giặc Đường, Hán ; trông về Đông là cửa Hát-môn, nơi hai chị em Trưng-Vương đã phất cờ nương tử đánh đuổi Tô-Định. Trông về phương Đông, nơi có dãy núi Yên-tử, nơi đã sinh ra vị anh hùng Trần-Quốc-Tuấn, đã hai phen đuổi giặc Nguyên, nhìn về Đông-Nam xa xa núi Hồng-lĩnh, đất Lam-sơn, quê hương của vị anh hùng Lê-Lợi, mặc áo vải, phất cờ nghĩa, đuổi quân Minh. Nhìn phía Đông cách mười dặm là cố đô Thăng-long, nơi giặc Mạc chiếm đóng, ông ngậm ngùi rồi ông lững thững đi vào thăm vườn trúc, nơi cố am của vị Tể-tướng Lã-Gia, ông ngồi nghỉ vào viên đá lớn, cạnh vườn trúc, gió thu hiu hắt, áng mây nhẹ nhàng lơ lửng quanh núi và cây, mặt trời đã xế chiều tà, chợt có một cụ già, râu đều bạc trắng như tuyết, râu dài, mắt sáng, đội mũ vải, áo trắng, dây cỏ, lại gần ông mà bảo rằng : « Lão xem người là người hiền đức, có tài học,

sau sẽ ra giúp nước yên dân lưu danh muôn thuở, việc gì mà buồn, nên tìm đến am mây ở miền Đông-Hải mà học hỏi bậc hiền sĩ » rồi lấy ở túi ra một quyển sách nhỏ mở cho xem, ông xem chữ lối khoa đầu, nét đã mờ và cũng không thể đọc được lối chữ này. Cụ già bèn cắt nghĩa cho ông nghe, ông hỏi quê quán tính danh, cụ già chẳng nói, rồi quay ra đi, ông đi theo tiến chân, thời cụ già có đọc bài thơ :

*Non sông biến loạn đã lâu nay,
Quốc vận xem chừng cũng thấy hay,
Độc lập hoàng đồ đã thống nhất,
Tương tranh tướng phiệt rắp chia ngay,
Ngắm cơ dâu bể, tan, tan, hợp,
Thế nước hưng suy, cạn cạn, đầy
Lợi lợi danh danh chi xá kể.
Sườn non ngậm vịnh chốn am mây.*

Ông Khoan nghe bài thơ cụ già đọc, đang ngẫm nghĩ, tan, hợp, hưng, suy, thì bỗng nhìn thấy mây phủ càng đặc, gió càng mạnh, rồi không trông thấy cụ già đâu nữa. Nhìn bóng ô đã xế non đồi, ông lững thững xuống núi, khi đến chân núi thì bóng trắng thu đã tỏ, ông có cảm vịnh thơ rằng :

*Sài-sơn thừa hứng dăng lâm
Đường mây nhẹ bước lên thăm chợ trời
Bên tùng chim hót đón mời.
Sườn non hoa nở mừng người vẫn nhân,
Trời cao như thể với gần,
Trần gian đã tưởng rời chân qua rồi.
Ngày thu lòng những cảm hoài,
Ra về còn nhớ mấy lời đình ninh.*

Khi về tới nhà, ông quyết chí đi đến Đông-hải để tìm am Bạch-vân, khi đi có

rẽ sang làng Hữu-băng đề mừng thọ thầy học, và cáo biệt đề đi chu du, ông có mừng thầy học bài thơ ;

*Trông sao Nam đầu sáng lâu,
Mừng ông tuổi thọ bấy lâu đắp bồi,
Một bầu trời đất thanh thoi
Tuổi cao đức cả người người suy tôn
Dâng thơ « thọ tử Nam-sơn »
Tiệc bày bắc hải cầu tôn vui vầy
Giá đâu dành được mừng này
Cửa nhà đầm ấm một bày cháu con.*

Rồi ông dùng thuyền ngoi theo sông Tích-giang, xuống cửa Ba-thá, sang sông Vị-hoàng, qua cửa Luộc, tới miền Vĩnh-lợi, tìm đến am Bạch-Vân, chợt trông thấy một vùng mây nước mênh mang, vài túp nhà cỏ cạnh ngôi chùa tranh dưới gốc mấy cây cổ thụ trên bờ sông Tuyết-giang. Mặt sông trắng xóa sóng vỗ ào ạt, ông qua vườn cúc, hồ sen, vào xin ra mắt Bạch-Vân tiên sinh, thoát trông một cụ già phong nhã, đầu tóc bạc phơ, khăn áo tu hành, đang ngồi giảng sách cho ít nhiều thư sinh, ông xin làm lễ thụ giáo. Từ đây thầy trò tương đắc, ngày thường đem văn chương kinh sử và đạo đức giảng dạy, cũng có khi cùng nhau tản bộ chơi nơi Phụng-hoàng miền Kiếp-bạc, nơi Yên-tử, có khi thả thuyền chơi cửa Bạch - đằng, Vịnh Hạ - long cũng có khi chơi miền Nga-sơn, núi Hồng-lĩnh, trong mây, mặt sóng, biết bao ngâm vịnh, mặc ai lui tới chốn Vương-hầu.

Bạch-Vân tiên-sinh có ngâm thơ rằng:
*Non sông nào phải buổi bình thoi,
Thù đánh nhau chỉ khéo nực cười
Cá vực chim rừng, ai khiến đuổi*

*Nút sương, sông máu thấm đầy vơi
Ngựa phi ắt có hốt quay cõ
Thú dữ còn e lúc cần người
Ngán ngẫm cuộc đời chi đáng kể
Trên thuyền ngâm vịnh nhơn nhơ chơi.*

Có một buổi sáng sớm Bạch-Vân tiên-sinh lại gõ cửa nhà ông ở mà dạy rằng : « Mặt trời đã gần mọc sao anh không dậy đi ? » Ông hiểu ý, vào bái biệt tiên sinh, trở về đến nhà trò truyện với ông Lương-Vĩnh-Khánh cùng mấy bạn thân, xong ông dùng thuyền ra cửa Thái-bình thẳng vào Thanh-hóa, năm ấy vào khoảng năm Canh-ngọ 1570, đem theo một hoài bão rộng lớn. Ông được triều đình nhà Hậu-Lê trọng dụng, giúp việc cơ mưu quân quốc. Nhà Hậu-Lê hồi này đóng đô ở An-tràng (Thanh-hóa), Trịnh-Kiểm mới mất, hai con là Trịnh-Cối và Trịnh-Tùng tranh quyền nhau. Trịnh-Tùng bên cùng với Lê-Công-Đệ và Trịnh-Bách rước vua Lê - Anh - tôn về Đông - sơn. Tùng được phong Tả-thừa-tướng Tiết-chế chủ-quân, vua Mạc sai đại-tướng Mạc-Kính-Điền đem mười vạn quân vào đánh Thanh-hóa, Trịnh-Cối phải hàng nhà Mạc được giữ chức quan như cũ, bên quân nhà Lê bị nội biến ấy, nên đã mất nhiều quân sĩ, và hại thanh thế. Quân Mạc tiến lên sông Mã - giang tràn sang đóng ở phủ Hà-trung, rồi tiến vây vua Lê ở An-tràng, ở huyện Thụy-nguyên, nhưng bị quân nhà Lê chống cự rất anh dũng, nên Mạc-Kính-Điền phải rút về. Trịnh-Tùng có công phù nguy, nên được phong Thái-úy Trưởng Quốc-công, vua Lê sai ông Phùng - Khắc - Khoan đi chiêu dụ những lưu dân ở hạt Thanh-hóa

hồi cư an nghiệp, tổ chức lại nền hành chánh và xã hội. Chúa Trịnh-Tùng cậy thế lộng quyền. Vua Lê-Anh-tôn bàn mật mưu với Lê-Cập-Đệ đề trừ họ Trịnh, sự lộ Tùng giết Cập-Đệ, vua Anh-tôn sợ phải xuất ngoại đem 4 hoàng tử trốn vào Nghệ-an, bị Trịnh-Tùng cho quân đuổi theo bắt được, cho người giết vua Lê ở dọc đường, và tôn Hoàng tử thứ năm là Lê-Duy-Đàm lên ngôi hiệu là Thế-tôn.

Trên đây là kể lược qua cái thế của nhà Hậu-Lê và uy quyền của họ Trịnh, trong

khí ông Phùng-Khắc-Khoan mới đến Thanh-hóa, Lê-Trịnh còn đang đánh nhau.

Triều đình nhà Lê ở Thanh-hóa vẫn mở khoa thi đề tuyển dụng nhân tài, tôn sùng văn học, nên vua Lê-Thế-tôn cho mở khoa thi tiến sĩ tại sách Vạn-lại là nơi đại bản doanh, các quan ai chưa có khoa bằng và các nhân sĩ đều ứng thi, khoa này nhà Lê lấy đỗ sáu vị tiến sĩ, ông Khoan đỗ thứ hai.

(còn tiếp)

Dương-Tuyền đã-phu
PHAN-VONG-HÚC

Học và hành

Khổng-Tử nói :

— Nhan-Hời có được bốn điều đúng với đạo của người quân tử, đó là : mạnh dạn khi làm điều nghĩa ; nhũn nhặn khi nghe lời can gián, lo nghĩ khi nhận bổng lộc và cẩn thận đối với việc sửa thân mình. Sử-Do có được ba điều đúng với đạo của người con trai, đó là : không ra làm quan mà biết kính trọng kẻ trên, không giữ việc thờ cúng mà tôn kính quý thân, và giữ thẳng thắn thân mình còn sự khuất khúc của người thì không kể đến.

Tăng-Tử ngồi hầu ở bên, nghe Khổng-Tử nói, liền thưa rằng :

— Tham này trước thường được nghe ba lời nói của thầy mà chưa sao làm được. Thầy thấy người nào có được một điều tốt thì quên cả trăm điều quấy của người ấy, thế là thầy ở bậc đề cho người ta tôn thờ. Thầy thấy người nào có được điều gì hay thì coi ngay như là mình có điều hay ấy, thế là thầy không có tính tranh cạnh với người. Thầy nghe được điều gì phải thì tất tự mình làm trước rồi mới dẫn dụ cho người khác làm theo, thế là thầy chịu khó mà không quản công. Tôi học ba điều ấy của thầy mà chưa làm được, cho nên tự biết là không thể nào theo kịp hai người trên kia được.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

PHÊ BÌNH •

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Tên sách : « Biều nhất Lãm văn học cận đại »

Tác giả : Thanh-Lãng

Nhà xuất bản : Tự Do ấn hành



Đã từ lâu, những ai đề tâm lo lắng cho nền Văn học Việt-Nam cũng đều mong được thấy xuất hiện một bộ văn học sử có nhiều tài liệu chính xác với một phương pháp nghiên cứu phát triển khoa học, trình bày một cách hào hứng. Sự chờ đợi ấy không phải chỉ vụ về mặt tiến bộ của khoa Văn học sử học mà chính bởi cái ý nghĩa của Văn học sử như ông Thanh-Lãng nêu ra ngay từ đầu quyển sách của ông : *Phê bình (1)*, thực ra, nếu hiểu theo đúng nghĩa của nó, là công việc đi tìm hiểu một mảnh của cuộc sống, là một cuộc thí nghiệm (...) (2) về một kiếp sống. Nếu mỗi văn phẩm là kết quả của một cuộc thí nghiệm (...) thì toàn thể các tác phẩm của một miền một xứ một dân tộc... là kết quả của một cuộc thí nghiệm vĩ đại về cả một nếp sống dài và rộng. *Phê bình văn học* là tìm hiểu cuộc thí nghiệm vô cùng phiền toái đó, dưới mọi hình thức. Nói khác đi, *phê bình văn học* là cuộc đi tìm hiểu con người « sinh tồn »... (2) *Cái phần chính, cái phần cốt*

yếu là mô xẻ « con người sinh tồn » để tìm ra ý nghĩa hiện sống của nó và qua đó, của cả đoàn thể loài người. »

Qua những điều mới phát biểu, ta có thể thấy rõ là nó không mới mẻ lắm đối với quan niệm Văn học sử thế giới. Nhưng đối với chúng ta, nó vẫn còn khá nhiều « phong nhị ». Và chẳng, cái khó cũng không phải chỉ nằm trong quan niệm: cái khó — và cũng là cái biểu đồ trình độ các văn học sử gia — chính là ở chỗ thực hiện cho được, cho đúng, cho tinh tường lý thuyết đề ra. Ông Thanh-Lãng đề ra phương pháp khảo cứu Văn học (cho sinh viên Văn khoa) « là đem lấp những mảnh sống vỡ (tác phẩm, nhà văn) vào trong cuộc sống toàn vẹn ».

(1) Ở đây, chúng tôi hiểu *phê bình* nằm trong phạm vi Văn học sử khác với ông Thanh-Lãng, cho *phê bình* là công việc lựa chọn, phân biệt những tác phẩm nào chỉ ở trong địa hạt lịch sử văn học và những tác phẩm nào được vào Văn học sử.

(2) Những chỗ có chấm lửng (...) phần nhiều là tôi lược bớt văn ông Lãng vì phạm vi bài này không cho kéo dài.

Tác giả muốn « tìm đặt các văn phạm, các tác giả vào trong từng « thể hệ sống » tựa vào những sự kiện lịch sử, xã hội, kinh tế, chính trị..., đã tác động mạnh đến sự phát hiện ra trong một thời gian cả một đường lối cảm nghĩ chung. Những sự kiện đó thường là « những lúc lịch sử quyết liệt ».

Vậy qua những lời trình bày đầy nhiệt thành ở trên, ta nhận thấy « Biều-Nhất-Lãm văn học cận đại » là một quyển Văn học sử lược được gọi tên một cách khiêm nhường. Và là văn học sử lược muốn có một phương pháp. Mục đích chính của nó là « tìm đặt các nhà văn vào các thể hệ văn học để xác định, ở mỗi người, ai là người chỉ đạo, ai là người gieo ảnh hưởng, và ai chỉ là người a dua, bị cuốn theo trào lưu ». Nói cách khác, « Biều nhất lãm » muốn làm công việc trở về nguồn, về trọng tâm để tìm ra tình cảm tư tưởng tiêu biểu, và qua đó, ta sẽ thấy bộ mặt xã hội một thời.

Sở dĩ tôi trình bày khá dài phương pháp của tác giả là vì bộ « Biều nhất lãm » sẽ còn hai quyển sau, hơn nữa, phương pháp và mục đích của nó — theo tôi thấy — tiến bộ hơn những quyển sách cùng loại hiện đang có. Một mặt khác, quyển sách này không phải chỉ đặt vào tay những người yêu văn học, mà điểm chính là vào tay những kẻ sẽ ra « làm thầy » — vì ông Thanh-Lãng là giáo sư Đại học văn khoa — cho nên tôi tưởng không thể đọc nó vội vàng và không thể không góp cùng tác giả vài ý kiến để ông hoàn thành tốt đẹp một công việc củng cố nền móng và « lên lầu » cho khoa văn học sử còn đơn giản ở nước nhà.



Đi vào nội dung cuốn sách, tôi sẽ ít đề cập đến ý kiến của tác giả về các đặc tính và phân số qui định cùng là nhận định của ông về quá trình phát triển văn học Việt-Nam. Thật ra, về điểm này, mỗi nhà văn học sử, phê bình gia đều có lối nghiên cứu riêng (mà văn khoa học) đề nâng thành lý luận, lý thuyết rồi dựa vào đó mà sắp xếp, phê bình. Tuy nhiên, tôi tưởng nhận định nào cũng không nên vượt tính cách khách quan, vượt thực chất. Cho nên những « thể tính thi vị của ngôn ngữ, cảnh trí uyên chuyển của xứ sở, ảnh hưởng ngoại lai », ... mà dấu « những điều kiện khí hậu và địa dư » quan trọng đến đâu cũng chưa phải là cái chính yếu để tạo nên những tâm hồn thích và yêu và hoạt động văn nghệ. Cái mà tôi tưởng quan trọng bậc nhất — chỉ định, đào tạo, — ấy là cái tâm hồn, bản chất, tính khí của Dân-Tộc ở trong một hoàn cảnh nông nghiệp, bị chèn ép mọi mặt, muốn tự giải thoát mà một trong các phương tiện là Văn - Nghệ. Đúng như ông Thanh-Lãng nhận định sau này về văn chương bình dân : « Chỉ là một tiếng than thở kéo dài, một chuỗi không ngừng những nấc nở, những tiếng kêu thất vọng của cá nhân nổi loạn trước những bất công của các chế độ xã hội ». Và chính đứng trên quan điểm này, tôi thấy ông Thanh-Lãng đã phê phán nền văn học thể hệ 1862 - 1913 trong suốt tập sách dài gồm vài trăm trang của ông.



Bây giờ chúng ta đã qua những phần phức tạp nhất của vấn đề. Xin mời các bạn vào chương mục. Sách có bảy chương.

Chương I : Văn chương Ki - tô - giáo.
 Chương II : Văn chương học giả.
 Chương III : Văn chương thời thế.
 Chương IV : Các nhà văn kháng chiến.
 Chương V : Các nhà văn hợp tác.
 Chương VI : Các nhà văn yếm thế.
 Chương VII : Tổng kết về Thể hệ văn học 1862 và nói về sự đổi mới của xã hội Việt-Nam cùng Phong trào báo chí.

Theo ý tôi, chương I rất quan trọng. Vì tác giả là một vị linh mục nên ông được đọc khá nhiều tài liệu riêng, rất quý và ông đã trình bày một cách có hệ thống, hấp dẫn. Nhưng tôi vẫn mong được đọc chương ấy trong một bài nghiên cứu khác hoặc trong một quyển lịch sử văn học mở rộng nào khác. Ở « Biểu-Nhất-Lâm » — có tính cách văn học sử lược và có mục đích như đã nêu ở trên — thì phần ấy thành ra hơi thừa. Vì một lẽ, nếu nói về quá trình phát triển chữ Quốc ngữ thì nó dài quá, mà nếu chỉ chú trọng sự đóng góp của nền văn chương ấy vào văn học Việt-Nam kể từ 1862 trở đi, thì lại quá ít và cũng « *ít vấy máu của cuộc sống đoàn thể* » vì « *ảnh hưởng đó mới chớm nở và chỉ hạn hữu bên trong ngưỡng cửa của các giáo đoàn Thiên chúa* »... Hơn nữa, chính ở chỗ nghiên cứu Bùi-hữu-Nghĩa, ông đã qui định phạm vi rõ ràng : « *Ở đây, không phải là chỗ khảo cứu về Bùi-hữu-Nghĩa của thể hệ 1830 cho nên* »... Ấy thế mà nền văn chương khả ái mở cả một cánh cửa cồ kính và mới lạ nói trên hầu như hoàn toàn thuộc thể hệ nói trên.

Qua chương I, tôi phải dừng lại một chút để tỏ một điều ân hận : sách có nhiều khuyết điểm về tài liệu quá. Mặc dầu tác

giả đã báo trước « *không tỉ mỉ về thân thể và sự nghiệp của mỗi nhà văn* », nhưng tôi tưởng càng vắn tắt lại càng phải chuẩn xác. Tôi cũng sẽ không bới bèo ra bọt để trình bày những cái lỗi nặng nề, ai cũng thấy như Phan-châu-Trình sinh ở Quảng-Ngãi, hay Văn-thiên-Tường mà viết thành Thiên Văn Tường hay Thiên Văn Trường. Hoặc những câu trích thơ sai — ở đây, tôi chỉ nêu khuyết điểm riêng trong phần Tú-Xương ; *Tồ dĩ lại chơi lường* (đúng : *thồ dĩ*), *ca lâu biết vị* (đúng : *cao lâu*) ; *Thôi nào có ra gì* (đúng : *nào có ra gì...*) ; hoặc hán tự dùng sai như : quan lại mệnh danh là *phụ mẫu chi dân* (đúng : *dân chi phụ mẫu*). Những lỗi này thật ra ai không quen in lai cảo, in sách ở Sài-gòn sẽ thấy nó là không thể tha thứ được. Còn tôi, tôi quá biết (1) nên quả chưa dám biết đó là lỗi của tác giả, người sửa « *mô rách* » hay bác thợ in ! (1) Vậy thì, ở đây, tôi sẽ chỉ nêu ra một số tài liệu mà tôi biết chắc ông Thanh-Lãng chưa thật cân nhắc trong khi dùng. Loại này tôi cũng chỉ trích trong đoạn nói về Tôn-Thọ-Tường và Phan-văn-Trị là đoạn mà tác giả tỏ ra rất thận trọng về luận cứ khi phê bình một bài thơ thác ngụ mà người ta bảo là của họ Tôn trong khi ông Thanh-Lãng đưa nhiều lý do xác đáng để bác bỏ. Cần trọng là thế mà khi nêu ra thân thế Tôn-Thọ-Tường, ông quên mất đó là một cậu Ba chơi bởi phong lãng, tiêu pha liêu lĩnh đến phải đi làm gà bài kiếm tiền rồi bị truy tố. Tôi tưởng đó cũng là một trong những yếu tố cấu tạo nên tâm lý của kẻ « *mặt ngả trời chiều biệt cõi* »

(1) Cách đây vài mươi năm, tôi có đọc một bài, hình như của Phan-văn-Hùm, than phiền về loại « *vô ốc* » của thợ in. Nhưng tình trạng ấy đến nay tưởng cũng chưa thay đổi mấy.

Đông * (1), nên sự phê phán họ Tôn cũng có chỗ đáng ngờ. Ở trang 142, ông có dẫn hai câu thơ :

*Chớp nhoáng thẳng ba giây thép kéo,
Mây tuôn đen nghịt khỏi tàu bay*

mà bảo đó là hậu quả việc « quan sát tại chỗ các nước Âu-châu hùng cường » đã tạo nên tâm lý, hành động Tôn-Thợ-Tường. Ông Lãng quên là bài này với câu đầu « *Giang sơn ba lĩnh hầy còn đây* » ư ? Thế có nghĩa là lúc đó, họ Tôn mới theo Tân trào và ta vẫn còn giữ ba tỉnh miền Tây Nam - việt vậy ! Chính một chút thiếu chú ý này đã làm cả đoạn văn phê bình chịu ảnh hưởng sâu đậm ! Rồi đến phần Phan-Văn-Trị, sau khi sáng suốt nhận định cái chết của thi sĩ vào năm 1910 là « một điều thất thiệt to tát » tác giả còn cho biết thêm « *thi sĩ họ Tôn đã có thơ khóc điệu Phan-Văn-Trị* » (trang 140-149). Ông Thanh-Lãng căn cứ vào đâu ? Nếu không ngoài một quyền luận đề nhỏ (tôi quên tác giả) (2) đã bảo ông Trị chết vào năm 1910, và có chép bài thơ « *khóc đau Hạng-Võ* » rồi bảo ông Tường khóc ông Trị, thì tôi dám quyết : khóc đau là khóc loại « *đầu gáo* » « *đầu bêu* », đầu bị chết chém kia ! Ông Trị mà bị chết chém tất chúng ta phải biết ! Vậy nếu quả bài thơ kia là của ông Tường thì ta có thể đặt giả thuyết là ông khóc thủ-khoa Huân : ông Huân là bạn ông Trị ; mà

ông Tường trước là bạn của ông Trị, như thế, có thể là bạn của ông Huân. Nhất là khi họ cùng là tay hay chữ, hay thơ và hầu hết đều cùng xuất thân ở trường học gần như duy nhất của Cụ Võ-Trường-Toản, trong cái xứ có khá nhiều « *cụ cử* » được tôn xưng này. Ông Tường khóc ông Huân là để khóc một khí phách mà ông tưởng mình vốn có. Thế thôi.

Tôi đã hẹn không nói về khuyết điểm ngoài phần ông Tường, ông Trị để khỏi kéo dài. Nhưng sự thiếu thận trọng của tác giả trong một vài chi tiết đã đưa đến lỗi lầm quá lớn, có thể biến thành giai thoại. Như về Hoàng-Cao-Khai, sinh 1850, về hưu 1902, tức là về hưu 52 tuổi. Ông đã nhầm con số 1902 sang 1920 (chắc như thế) nên ông tính ra 30 tuổi. Rồi ông cứ theo cái tuổi hưu trí còn « *sức lực cương cường* » ấy để mà phân tích, mà phê phán một cách đương nhiên sai lầm về họ Hoàng. Bài toán trừ ấy tôi phải nhắc ra để kết luận đoạn này, mà cũng mong đề tác giả ngẫm, nghĩ mà cần thận hơn trên những điểm thông thường trong các sách sắp ấn hành.



Những khuyết điểm trên, cũng như tài liệu ít mới mẻ, không ngăn cản một niềm vui thích, sáng khoái của người muốn tìm đọc một quyển sách có hệ thống, có tính cách *Nhất Trí*, có xu hướng đi tìm cái mới một cách hào hứng và nhiều khi sâu sắc. Ở « *Biểu nhất lãm* », chúng ta đã thoát cái nạn phải đọc những học giả nặng nề, trịnh trọng ; trái lại, tác giả có thể rất gần với đa số độc giả thanh niên, hăng hái, nhiệt thành. Sự sắp xếp từng loại nhà văn có vẻ khỏe khoắn, dần dji. Nguyễn-trường-Tập đi

(1) Thơ Phan văn-Trị.

(2) Theo tôi nghĩ, Biểu-Nhất-Lãm có tầm quan trọng của nó. Tác giả nên kê thêm cái biểu sách đã tham khảo để người đọc tiện tra cứu. Còn đối với sinh viên, tôi tưởng nên có bảng chỉ dẫn các sách đọc thêm để họ liên hệ, tìm hiểu rộng hơn về các nhà văn đã học.

với Trương-vĩnh-Ký và Huỳnh-tĩnh-Cử ở chương II cho ta thấy những con người tiến bộ, tiền phong của hai ngành chữ nôm và quốc ngữ đã phát ra những tiếng gọi thức tỉnh, thúc dục đầu tiên. Nó cũng mới thật là sự đóng góp quý giá nhất, đáng kể nhất của những người theo Kitô giáo, vào sự xây nền đắp móng cho văn học, văn hóa nước nhà. Các nhà văn kháng chiến (đúng ra : kháng chiến và bất hợp tác) ở chương IV cho ta thấy lộ lộ hai bộ mặt của họ một cách tài tình : Thế hệ 1830 và 1862, ta lại thấy Phan-Thanh-Giản, Nguyễn-Văn-Giai, Nguyễn-Hữu-Huân một cách linh động, hào hùng. Nhất là từ một Nguyễn-Đình-Chiều lý tưởng và lý thuyết sang một Nguyễn-Đình-Chiều thực tế chân thành và bất khuất ! Phần này là cả một sự thành công không chỉ về công trình nghiên cứu mà cả một ngọn lửa âm ỉ trong tâm hồn người viết : một lối văn học sử lược hân hoan, hứng khởi mà không thiếu phần minh xác, sâu xa, sống động, mới mẻ đã được viết ra từ đây ! Cũng ở chương IV, về số « các nhà văn mới », tác giả khéo léo giới thiệu ngay nguồn gốc những tư tưởng đã theo gió mới đến xứ này : Những triết gia cách mạng nhân quyền Tây Phương cùng mấy nhà học giả lớn ở Trung-Hoa như Khang-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu đã ảnh hưởng lớn đến việc chuyển hướng chính trị cho xứ sở. Khang và Lương được trân trọng đề cập riêng để người đọc hiểu thêm phong trào Đông-Kinh Nghĩa-thực cùng tư tưởng Phan-Bội-Châu. Với Phan-Châu-Trinh, tác giả giới thiệu thêm các quyển « Vạn Pháp tinh nghĩa » và

« Le Contrat social » để hiểu thêm tư tưởng dân chủ, dân quyền.

Trong Chương V, nói về các nhà văn hợp tác, phần trời nhất và thành công đáng kể dành cho sự phân tích phê phán về Nguyễn-Nhược-Thị. Có thể nói là ở phần sau của Hạnh-Thục-Ca, Thanh-Lãng đã như moi gan, móc ruột được tâm sự của nhà văn này để thấy rõ một hạng đàn bà không lập trường, chỉ biết sống an phận sau « mấy lần cửa đóng then cài », trên nhung lụa và quyền tước giữa bất cứ loại thái bình giả hiệu nào.

Trong chương VI, về các nhà văn yếm thế, ta thấy tác giả vẫn tỉnh táo đề phác họa được một Nguyễn-Khuyến đã « chứng kiến, và, hơn thế, phải « sống » tất cả những biến cố đau đớn nhất của lịch sử dân tộc ». Cho nên tác giả đã phân tích hữu lý lòng yêu nước khắc khoải, cùng tính cách mỉa mai, chán ngán trong thơ trào phúng và nỗi buồn của « buổi chiều lạnh giá » trong những bài thơ khác của Yên-Đỗ.



Bên cạnh rất nhiều điểm hào hứng đầy sôn sao suy tưởng của tác giả vẫn có một số ý kiến mà tôi muốn đặt thành nghi vấn. Tôi muốn nhắc đến những nhận định về vai trò lãnh đạo trong văn học theo phương pháp của ông. Ví như, kết luận về Nguyễn-Trường-Tộ, ông viết : « gần đây công việc rời đây các tay cách mạng trong Đông Kinh nghĩa thực chủ trương một cách hăng hái vô cùng. Nguyễn-trường-Tộ, bởi vậy, có thể coi là ông Tổ của Phong trào mới và là linh hồn của Đông kinh nghĩa thực » về Trương-vĩnh-Ký ông viết « Xứng

đáng là một Bậc Chỉ Đạo (1) của thời đại này, là Linh-Hồn (1) của thế hệ 1862, là Ông Thầy (1) khai đường mở lối cho thế hệ đến sau.

Tôi tự nghĩ, gọi là ông Tò, là linh hồn, tức là được trực tiếp hay gián tiếp thành khẩn học hỏi. Ở Nguyễn-Trường-Tộ, sự duy tân có sắc thái thái bình khác với tính cách duy tân cách mạng của lớp người sau. Nguồn gốc duy tân lớp sau chính ông cũng thấy gián tiếp ở Tây-phương, trực tiếp ở Trung-quốc : « các nhà văn của thời này đều gặp nhau ở chỗ là thường chịu ảnh hưởng Tây-phương qua con đường Trung-hoa, nghĩa là qua các Tân thư của các nhà học giả Trung-hoa. Có lẽ chỉ có mấy nhà học giả như Nguyễn-Trường-Tộ, Huỳnh-Tĩnh-Cử, Trương-Vĩnh-Ký là đã trực tiếp chịu ảnh hưởng của Tây-phương (trang 179). » Ngay như trong sự nhận định việc liên lạc, chịu ảnh hưởng nhau giữa Nguyễn-Trường-Tộ, Trương-Vĩnh-Ký mà ông còn đặt giả thuyết : « nhưng cứ thường tình, ta phải đoán hai ông Nguyễn-Trường-Tộ và Trương-Vĩnh-Ký có liên lạc với nhau vì cả hai đều là người công-giáo (...) » huống hồ đây là vấn đề giữa những người có nhiều cách biệt về hoàn cảnh, văn hóa, tín ngưỡng. Còn về ông Trương-Vĩnh-Ký thì quả thật ông là một bậc thầy thông thái đáng kính phục và biết ơn. Nhưng nói chỉ đạo, tôi nghĩ ngay đến chỉ đạo tư tưởng. Còn linh hồn của thế hệ là linh hồn kháng chiến duy tân kia ! Tôi sợ ông lầm giữa lượng và phẩm, hình thức và nội dung (cuộc Bắc tiến của chữ Quốc Ngữ

với sự thành hình của nó đối với việc duy tân đề phục quốc).

Phải chăng, sự hào hứng thúc đẩy nhiều khi làm ông thiếu dè dặt ? Ví như về Phan-Thanh-Giản, ông viết : « quan niệm một chương trình cách mạng to tát, khôn ngoan, sáng suốt, tương tự như những chương trình của Nguyễn-Trường-Tộ ». Chương trình cách mạng ? Có lẽ nào đó chỉ là những bài biểu khuyến cáo nhà vua chấn dân, khuyến khích chăm lo nông nghiệp, chuẩn bị quân lực ? Nếu thực chỉ có thể thì nhiều lắm là nó tiến hơn một ít những biểu tấu của các ông quan « ngự sử » khác. Bì thế nào với ông Nguyễn-Trường-Tộ là cả một « khối » kiến thức tân tiến, có chương trình hành động, có thể áp dụng cụ thể và hữu hiệu để làm cho nước nhà được phú cường thực sự ?

Những điểm trên, sở dĩ tôi nêu thành nghi vấn là vì tôi đoán ông Thanh-Lãng có được đọc thêm những tài liệu nào đặc biệt, có quan hệ đến sự liên lạc, nhắc nhở, nghiên cứu của các nhân sĩ trong Đông-Kinh Nghĩa-Thục đối với ông Tộ, hoặc những chương trình kế hoạch nào chưa ấn hành của Phan-Thanh-Giản chăng !

Còn nếu quả chẳng có gì khác ngoài sự suy luận của tác giả thì phần nghi vấn này cũng không nên có ở đây nữa !



« Biểu nhất lãm » quả có nhiều điều dở, hay và đáng nêu nghi vấn cần phải nói nữa. Nhưng tôi tưởng nếu cứ soi mói và quan trọng hóa một số nhược điểm, ta sẽ mất cái hứng thú lớn lao khi đọc một quyển sách nghiên cứu viết bằng một tinh thần vừa khoa học,

(1) Tác giả viết hoa

vừa sáng tạo. Tác giả tự quên khá nhiều ràng buộc chung quanh đề chỉ nhớ mình là một nhà phê bình muốn đi vào hàng tiến bộ của thế hệ. Đề bù những thiếu sót tài liệu, chưa thể hiện đầy đủ cảm nghĩ chung của dân tộc trong một hoàn cảnh xã hội, ông đã chú trọng vận dụng sức « sống » cá nhân để truyền nó vào một kiếp sống đi qua : « một kiếp sống » luôn luôn « sống » nghĩa là có lúc sinh, lúc nảy nở, lúc trưởng thành, lúc tàn lụi và thường tàn lụi để trở thành chất bón cho loài cây khác mọc lên ». Lịch sử văn học của ông luôn luôn là cuộc sống là *Biến Hóa* nên không bao giờ khô khan, trái lại luôn luôn sống động. Và sở dĩ ông còn nhìn sâu được mọi biến chuyển vì ông can đảm nhận thấy « mỗi một thời đại văn học, cũng như

mỗi một thời đại lịch sử đều hàm chứa bên trong một sức mâu thuẫn luôn luôn muốn phá vỡ cái mu hiện tại để vươn tới một bình chứa đựng mới ».

Do thế, ông đã « Nhất lâm » một cách dễ dàng sự *Biến Hóa* của thế hệ văn học 1862-1913. Với « Biểu nhất lâm văn học cận đại quyền I », sinh viên văn khoa gặp ở giáo sư Thanh-Lãng một người anh có thể dắt mình tiến bộ trong thời đại mới chống lại lối học nhồi sọ, tầm chương trích cú đã lỗi thời. Độc giả khác cũng tìm thấy ở « Biểu nhất lâm » một « bảng kê » hào hứng, có tính cách nhất trí, những tiến triển tâm lý và tư tưởng của một thế hệ đau thương và anh dũng sống lại trong một Tấm Lòng.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

- ★ Kể có tài hơn người, tất có tình dục hơn người ; có tài hơn người và có tình dục hơn người, mà không có đạo đức hơn người để chế ngự mình thì chỉ làm tội cho tình dục mà thôi. (Lương-Khải-Siêu)
- ★ Bạn muốn cầm đầu một số người thì trước hết bạn phải cầm nổi được đầu mình đã.
- ★ Đang lúc thích chí, gặp người thích chí, nói chuyện thích chí thì ngôn ngữ lại càng cần phải cẩn trọng. (Luu-Trấp-Sơn)

« Ngoan thạch diêm đầu »

Đời xưa, có Trúc-đạo-sinh vào núi Hồ-khư, họp những hòn đá lại để giảng kinh thật, giảng hay đến nỗi nhiều hòn đá cũng phải cảm động mà gật đầu — Người ta gọi tích ấy là « ngoan thạch diêm đầu (đá ngu mà cũng gật đầu) » ý nói sức mạnh của một tín ngưỡng rất là mãnh liệt, dù những người u mê nhất cũng có thể cảm hóa được.

Người sẽ hỏi: Vì sao con khổ?
 Thừa trần gian con đau đớn những gì?
 Giờ con muốn về đâu, con nói rõ,
 Nơi nao, ta sẽ để con đi.



Con sẽ đáp: Từ xưa con biết
 Sẽ có ngày con đứng trước Chí-cao.
 Con đã định sẽ rồi xin nói hết
 Những u tình không dãi tỏ từ bao.



Trần gian lạnh con từng không chịu nổi.
 Người với người cứ làm khổ nhau luôn.
 Chiều trời đẹp gió về có thổi
 Vẫn không tan những sầu tủi giận hờn.



Con cũng thế và mọi người cũng thế.
 Nhưng con người đáng lẽ yêu nhau.
 Tình có đến uổng nản vô kể,
 Tình đã đi không nói hết lòng đau.



Con đã thấy khắp nơi khắp nẻo
 Diễn bao lần tấn thâm kịch nhân gian.
 Màu sắc đỏ hồng tươi đã héo
 Nói làm sao những mộng thâm úa tàn.

Tuổi trẻ yêu thương ngó nhìn trong dạ
 Một vườn hoa hồng cúc dây lừng hương.
 Rồi cứ thấy dần dần cánh rã,
 Cúc theo hồng rơi rụng giữa mù sương.



Con vẫn biết đời người nhỏ bé
 Đau vô cùng dù có cũng nên thôi,
 Nhưng bất gặp những mấy lần nhỏ lệ
 Hỏi vì sao lá rụng cánh hoa rơi.



Những đêm khuya con tìm chỗ con ngồi
 Xa bè bạn để nhìn trời ngó đất.
 Con có hỏi đâu là sự thật,
 Lời của con thốt lại có nên lời?



Con đã ngó những mái đầu xanh tóc,
 Con đã nhìn những răng ngọc trắng phau,
 Con đã định trong giờ vui đừng khóc...
 Chỉ lúc này... Đừng tiễn cảm mai sau.



Nhưng khó quá, làm sao hết ray rứt
 Khi nghĩ mình chính sắp phụ các em.
 Gió thổi mãi tư lòng con sẽ đứt,
 Bàn tay con không đủ sức gán hàn.

Thân là máu, thịt và xương chia biệt,
Quả tim mềm sao quá dễ tổn thương.
Tình cao quý vẫn là giấy oan nghiệt.
Ngán vô cùng ! lần phùng ngộ với vô biên...



Mồng ba Tết ra đường con gặp
Một trẻ em đi bán đậu phụng rang
— « Thầy mua giúp ? đầu năm, dịp Tết... »
Con mua nhiều rồi nước mắt chứa chan.



Vì con biết ngày mồng ba một dịp
Không còn về cho bao đứa trẻ con
Bán đậu phụng hay lau giầy lau dép
Đã lang thang đầu gối rưng mồi mèn.



Và khách rộng lòng, ngày mai sẽ hẹp
Sẽ tàn nhẫn vô cùng với tất cả các em.
Mà con biết vẫn không sao trách được
Vì tim người cũng canh cánh một mũi tên.



Con chỉ kể những nỗi buồn riêng rẽ
Lời của con không đủ sức nói thêm
Những đau thương mệnh mông như trời bể
Đương dày vò nhân loại suốt ngày đêm.



Hỡi Thượng - đế ! cúi đầu con thưa lại
Ở trần gian ai cũng khổ liên miên
Người đã dựng cảnh tù đầy đọa mãi
Để làm gì ! Cho sáng nghĩa vô biên ?

Con có nghĩ át là phải thế
Một đôi lần con ghì siết hai tay
Nàng Thơ Đẹp của trần gian ứa lệ
Bảo con rằng : hãy nhớ lấy phút giây.



Con hoan hỉ xin tạ lòng Thượng - đế
Ban hồng ân cho con nhớ nhiều ngàn
Người đã hỏi vì sao con khổ
Muốn nơi nào, Người cho phép đi...



Con xin đáp : nơi nào cũng được
Miễn là đừng quá tủi lạnh lắm than
Một kiếp sống con linh thu bài học
Xin đợi làn suối ấm tắm thân con.



Nơi nào đó dù sao cũng được
Con muốn nhìn lại mặt những người thân
Từng đã khổ cùng con đã khóc
Từng đã vui, chung cười một đôi lần.



Gặp nhau lại ở nơi nào tùy Thượng - đế
Để chúng con có thể vui với nhau
Ngó lại mặt, mắt chúng con trào lệ
Nhưng không còn là lệ của thương đau.



Con quì xuống, nhịp lòng con đứng lại
Con gục đầu, tim thốn thốn run run
Nhưng làm lỗi thủa nào con gửi lại
Người cầm giùm và xóa hết cho con.

BÙI - GIANG

NƯỚC SUỐI

TRƯỜNG XUÂN

• HAY CUỘC THÍ NGHIỆM CỦA BÁC SĨ HEIDEGGER

NATHANIEL HAWTHORNE

(1804 — 1864)

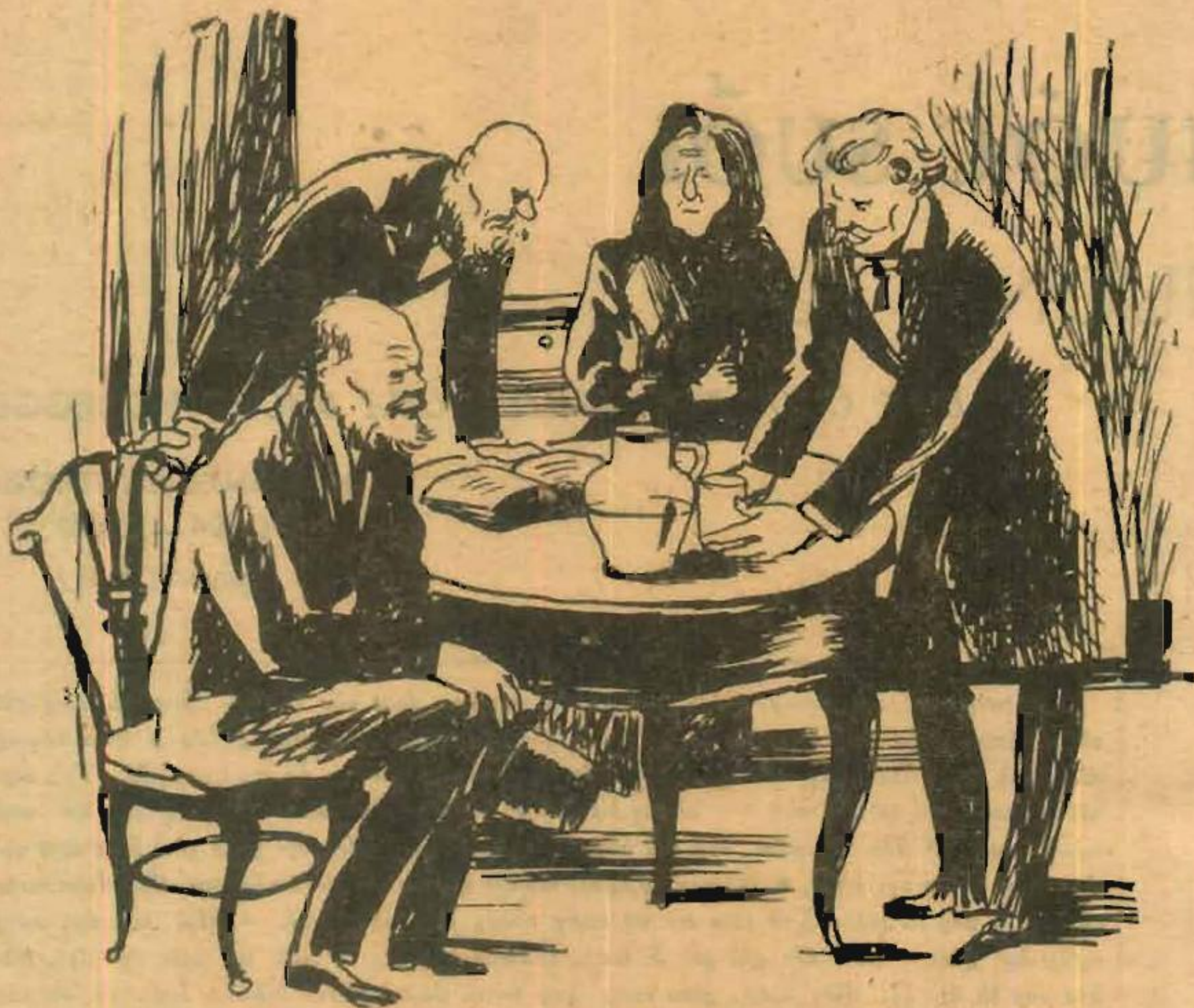
Nguyễn (dịch)

Hawthorne, xét chung, thiếu nét rí rờm và lưu loát của Irving. Ông thường ghi chép những đoạn văn thần bí lạ kỳ trong khi đọc sách và những ý tưởng trừu tượng nảy sinh trong lúc sống cô đơn, với niềm hy vọng sẽ tìm ra đề tài trong đó. Tuy một vài ý tưởng có vẻ hơi hợt — chẳng hạn như « Một con rắn sống trong bao tử một người suốt 15 đến 35 năm, cắn rút hẳn đến cực độ — » Một loại ganh ghét hoặc một vài dục vọng nguy hại khác. » Nhưng, ý nghĩa mà cái khát niệm thơ sơ ấy gợi cho Hawthorne chứng tỏ ông là một kẻ có tâm trí vô cùng phong phú mẫn nhuệ. « Một vài dục vọng nguy hại khác » như tác giả ghi ở trên, thường thường là tính tự kiêu tự đại, đôi khi còn là địa vị, đức hạnh, giàu sang hay trình độ tri thức. Những luận đề lớn của ông đã được bi thảm hóa đến cực độ trong « Cánh thư hồng » (The Scarlet letter) và « Căn nhà 7 đầu hồi » (The house of seven gables), cực tả cuộc tương tranh giữa Thiện và Ác trong tâm hồn con người. « Ác » là mãnh lực — phần lớn thuộc về Trí — thúc đẩy con người sống một cách ích kỷ không màng gì đến cuộc sống chật hẹp của kẻ khác. « Thiện » là ảnh hưởng của Tâm, của Thiện Cảm và tình Thân Hữu đưa con người tới gần gũi nhau hơn.

« Cuộc thí nghiệm của B. S. Heidegger » là điển hình của loại truyện ngắn của Hawthorne. Truyện này theo tác giả là « một trong những quan niệm kỳ lạ trong thời thơ ấu của tôi ».

BÁC SĨ Heidegger, con người già nua khác đời kia, một buổi mời 4 người bạn khả kính tới họp mặt tại phòng khảo cứu của mình. Trong đám khách mời, 3 cụ râu tóc đã nhuộm màu sương tuyết, đó là các cụ Medbourne, đại tá Killigren và cụ Gascoigne, ngoài ra lại còn quả phụ

Wycherly một bà nạ dòng quá lứa. Cả 4 cụ đều là kẻ buồn sầu, trong đời gặp toàn những điều bất hạnh mà điều đại bất hạnh là các cụ đã đều đến độ gần đất xa trời. Cụ Medbourne trong thuở tráng niên đã từng là một phú thương, nhưng rồi vì một vụ đầu cơ hấp tấp mà tan tành cơ nghiệp



và giờ đây chỉ còn khăm khá hơn lũ hành khất chút đỉnh mà thôi. Đại tá Killigren thì đã phí phạm tuổi xuân và sức lực, miệt mài đeo đuổi những cuộc truy hoan tội lỗi mà sau này đã là nguồn phát sinh ra trăm chứng, nghìn tật như chứng liệt bại và đủ thứ chứng tật khác hành hạ linh hồn cũng như thể xác cụ. Cụ Gascoigne là một chính khách táng tận lương tâm, nổi danh vì giao hoạt, hay ít nhất cũng đã vậy cho tới khi thời gian làm phai mờ hình ảnh cụ trong ký ức mọi người và dìm cụ xuống tít tận đất đen chứ không phải chỉ làm cụ mất tăm mất tiếng qua loa mà thôi. Còn về bà quả phụ Wycherly thì theo như lời đồn đại đã từng một thuở nghiêng nước nghiêng thành,

nhưng đã lâu cụ không dám lộ mặt ra đường vì có những chuyện tai tiếng làm rách lòng giới thượng lưu trong tỉnh, khiến họ đâm ra kinh chống cụ. Có điều đáng lưu ý là cả 3 cụ Medbourne, đại tá Killigren và Gascoigne, cụ nào đối với quả phụ Wycherly cũng đều đã từng già nhân ngãi non vợ chồng cả, và đã có phen vì người đẹp mà suýt đến chỗ cắt cổ mổ họng nhau. Trước khi đi sâu vào truyện, tôi cũng xin nhắc qua cho quý vị rõ là Bác sĩ Heidegger và 4 vị khách quý, cũng như mọi cụ già buồn phiền vì thể sự hoặc vì những kỷ niệm đau buồn xưa, thành thử có điều hơi lảm càm. Bác sĩ Heidegger mời bạn bè an tọa đoạn cắt lời:

« Thừa các bác, tôi rất mong các bác tham dự vào một cuộc thí nghiệm nho nhỏ, gọi là đề mua vui chốc lát, ở ngay trong phòng khảo cứu này ».

Nếu như câu chuyện mà đúng cả, thì căn phòng khảo cứu của Bác sĩ Heidegger quả là kỳ dị. Đó là một căn phòng kiểu cổ, tối mù mù, chỉ chút những mạng nhện, kết đầy bụi bậm từ mấy mươi đời ; quanh tường những ngăn sách bằng gỗ sến đứng san sát, giá thấp chen chúc những hàng sách khổ lớn, dày cộm và những hàng sách khổ nhỏ chữ đen ngòm, giá cao ních đầy những cuốn sách mỏng bìa da. Trên mặt tủ sách kê chính giữa, là một bức tượng Hippocrates mà theo giới thân cận thì Bác sĩ Heidegger vẫn thường vẫn kể mỗi lúc gặp chuyện khó khăn trong khi hành sự. Trong góc tối nhất là một gian phòng nhỏ làm bằng gỗ sến, cửa mở hé hé, bên trong sừng sững một bộ xương khô. Giữa hai tủ sách là một tấm gương đứng, mặt gương phủ đầy bụi, nằm trong chiếc khung mạ kim nhũ đã bạc màu. Theo muôn vắn câu chuyện ly kỳ liên quan đến tấm gương đó, thì oan hồn các bệnh nhân của bác sĩ đều ẩn cả trong đó, mỗi lúc bác sĩ ngó vào gương là chúng trợn trừng trợn trạc nhìn vào tận mắt. Trên mặt tường đối diện là một bức chân dung toàn thân của một thiếu nữ, lộng lẫy trong bộ áo thêu, bằng lụa và sa tanh đã bạc màu, khuôn mặt thiếu nữ cũng mờ mờ như sắc áo. Chừng nửa thế kỷ trước đây, bác sĩ Heidegger đã sắp sửa thành hôn cùng thiếu nữ nọ, nhưng vì một lần, nàng đã chết ngay buổi chiều hôm cử hành hôn lễ, sau khi uống một liều thuốc của người yêu. Vật kỳ lạ nhất ở

trong phòng mà ta phải đề ý tới là một cuốn sách kích sù, khổ rộng, bìa bọc da đen, bó chặt trong những chiếc cặp bạc lớn. Gáy sách không có chữ thành thử chẳng rõ nhan sách là gì. Nhưng ai cũng được biết rằng đây là một cuốn Yêu Thuật (Magic). Đã có lần, con sen chỉ mới nhắc nó lên đề phui bụi mà bộ xương đã lục đục trong căn phòng nhỏ, thiếu nữ trong tranh đã thò một chân xuống sàn và những bộ mặt ghê người lúc nhúc thò ra khỏi gương, trong khi đó thì cái đầu bằng đồng của cụ Hippocrates cau lại, phán : « Cấm ! »

Đây, căn phòng khảo cứu của bác sĩ Heidegger là vậy. Vào buổi chiều mùa hạ trong truyện, một chiếc bàn tròn nhỏ đen nhánh như mum được đem kê ở giữa phòng, trên bàn là một bình thủy tinh, gọt rửa tinh vi, kiểu rất mỹ thuật. Ánh mặt trời chiếu vào khung cửa sổ, xuyên qua khoảng giữa hai tấm rèm Damas bạc màu nặng nề buông rủ, rọi vào chiếc bình thủy tinh, tỏa một ánh sáng dịu dịu lên khuôn mặt nhợt nhạt của năm cụ già ngồi quanh.

Bác sĩ Heidegger nhắc lại :

« Thừa các bác, chẳng hay các bác có vui lòng góp sức vào cuộc thí nghiệm tối ư kỳ lạ này chăng ? »

Từ đây, bác sĩ Heidegger nghiêng nhiên trở thành một ông lão khác thường mà những hành vi kỳ lạ đã là đầu mối cho muôn vắn câu chuyện huyền hoặc sau này. Tôi lấy làm hồ thẹn mà thú nhận rằng trong những chuyện đó có vài chuyện có thể là của chính tôi. Nếu có đoạn nào trong truyện có thể làm các bạn nghi ngờ, thì tôi cũng đành vui

lòng đón nhận những lời mai mỉa mà kẻ bịa chuyện phải gánh chịu.

Khi bốn vị khách thấy ông bạn bác-sĩ nói đến cuộc thí nghiệm sắp tới, thì họ đồ rằng đây lại là cuộc giết chuột trong bình yếm khí, hay quan sát mạng nhện bằng kính hiển vi là cùng, hoặc

giả đây lại là những chuyện lẩn thẩn mà ông bạn già vẫn thường làm bạn bè phát ngấy. Không dễ cho các bạn kịp phát biểu ý kiến. Cụ bác-sĩ nhà ta đã lật bật chạy ngang qua phòng, khệ nệ vác về bàn một cuốn sách kèch xù, bìa da đen, mà người ta thường đồn là cuốn sách yêu thuật. Bác-sĩ tháo những chiếc cặp bạc, mở cuốn sách và rút trong đám giấy đen ngòm những chữ ra một đóa hoa hồng — trước kia là một đóa hồng thì đúng hơn — những phiến lá xanh, những cánh hoa thắm lúc đó chỉ còn chung một màu nâu xám và đóa hoa xưa tưởng như sắp vụn ra như cám trong tay vị bác-sĩ già.

Bác-sĩ Heidegger thở dài ngao ngán :

« Đóa hồng này, đóa hoa héo úa, hết sắc hương này đây, đã nở từ 55 năm về trước. Chính tay nàng Sylvia

Ward, chân dung treo kia, đã tặng tôi đóa hồng này ; tôi đã dự tính gài vào ve áo trong dịp lễ thành hôn. Suốt 55 năm trời nay nó được tàng trữ giữa những trang sách này. Giờ đây, liệu các bác có thể tin rằng đóa hồng già nửa thế kỷ này lại phen nữa tỏa hương hể nhụy không ? »

Quả phụ Wycherly vênh váo cất lời :

— Vô lý ! Thế thì sao bác chẳng hỏi quách ngay rằng : liệu bộ mặt răn rúm của một bà lão có thể tìm lại nét xinh tươi cũ, — thì có phải hơn không ?

— Trong đây !

Bác sĩ Heidegger mở nắp bình ném đóa hồng khô héo vào chất lỏng chứa bên trong. Mới đầu xác hoa ép như không thấm nước, nổi bập bênh trên mặt chất lỏng. Rồi những cánh hoa rạp nát, héo khô rung se se, dần dần tìm lại sắc thắm hồng xưa. Chiếc cuống mảnh dẻ và những nhành lá lại rờn lên màu xanh tươi cũ, đóa hồng nửa thế kỷ trông lại mơn mơn như lúc nàng Sylvia Ward vừa trao cho người bạn tâm tình. Đóa hoa mới hé hé nở, một vài cánh hoa mảnh mai, e ấp cuộn trong lòng hoa lấp lánh vài giọt sương mai.



Bạn hữu bác sĩ vốn đã từng chứng kiến các nhà ảo thuật biểu diễn những trò kỳ lạ gấp bội, nên nói một cách thản nhiên.

« Che mắt đến tài ! Bác làm thế nào đây ? »

Bác sĩ Heidegger đáp lại bằng một câu hỏi :

« Các bác có bao giờ nghe thấy nói đến « Giòng Suối Trường Xuân » mà nhà thám hiểm Tây - Ban - Nha Ponce-de-Léon đã khờ công tìm kiếm cách đây chừng 2 hay 3 thế kỷ ? »

Quả phụ Wycherly láu táu hỏi :

« Thế Ponce-de-Léon có tìm thấy không hở bác ? »

Bác sĩ đáp :

« Không, vì ông ta tìm không đúng chỗ, Suối Trường Xuân, nếu như nguồn tin tôi nhận được là đúng, ở vào nam bộ bán đảo Florida, không xa hồ Macaco là mấy. Nguồn suối ẩn trong rừng mọc lan, những lùm cây này nhờ đặc tính của chất nước diệu kỳ đó mà vẫn cứ xanh mơn mớn mặc dầu đã gọi gió dầm mưa hàng bao thế kỷ. Một người quen, vốn biết tôi hay tần mần lưu tâm đến những chuyện như vậy, nên đã giữ cho tôi chất nước mà các bác thấy ở trong bình kia. »

Đại tá Killigren chẳng tin lấy một lời của bạn, chẳng hăng :

« Hèm ! — thế còn như đối với thề chất con người thì tác dụng của nó ra sao ? »

Bác sĩ Heidegger đáp :

« Đại tá thân mến, đề rồi bác tự chiêm nghiệm lấy, và tất cả các bác — những người bạn khả kính của tôi — các bác

muốn dùng bao nhiêu chất nước thần diệu này để phục hồi tuổi thanh xuân tùy thích. Còn như phần tôi vì đã gặp bao phiền lụy mới tới tuổi này, nên tôi chưa muốn hồi xuân ngay làm gì. Vì vậy tôi xin các bác cho phép tôi được đóng vai dự khán ».

Miệng nói, tay bác sĩ rót đầy 4 ly nước Suối Trường Xuân. Ly nước sủi tăm lẫn tẩn, những bọt bong bóng nhỏ từ đáy ly liên tiếp sủi lên trên mặt nước, vỡ thành những tia nước sáng ngời như bạc. Thấy chất nước ngát một mùi hương dịu dịu, các cụ chắc mồm vị nó hẳn phải đậm đà, ngọt giọng, thành thử tuy vẫn chưa hết nghi ngại về những tắm nước lẫn tẩn kia, các cụ đều muốn nốc cạn một hơi. Nhưng bác sĩ Heidegger yêu cầu các bạn nán lại một giây. Bác sĩ nói :

« Thừa các bác, trước khi các bác nâng chén, tôi thiết tưởng với kinh nghiệm của quăng đời qua, các bác phải vạch ra vài qui tắc đại cương hầu làm phương châm xử sự trước khi lại dẫn bước vào tuổi thanh xuân đầy hiểm nguy lẫn lẩn. Các bác hãy thử nghĩ xem, nếu như nhân cơ hội ngàn năm một thuở này mà các bác không trở thành những tấm gương đạo đức, khôn ngoan cho giới thanh niên cùng lứa soi chung, thì đáng tội, đáng hồ biết mấy ! »

Bốn cụ bạn khả kính của bác sĩ không trả lời mà chỉ đáp lại bằng những nụ cười gượng gạo, bẽn lẽn. Sau những bước lối lẩn họ đã ăn năn hối hận đến chừng nào, mà nay còn e ngại rằng họ lại lạc lối lẩn đường phen nữa, nghĩ mới tức cười làm sao !

Vị bác sĩ già khế gật đầu nói :

« Vậy thì các bác hãy nâng ly, tôi rất lấy làm sung sướng vì đã khéo chọn đúng người thí nghiệm ».

Những bàn tay run rẩy nâng ly lên môi. Chắt nước kia nếu quả có những đặc tính mà bác sĩ gán ghép cho thật, chắc cũng chẳng thấm thía gì đối với những con người đang khao khát hồi xuân đến tột độ kia. Họ như những con người chưa hề biết xuân sắc, thú vui ; như lũ con cháu của một đảng Tạo Hóa bạc nhược, lúc nào cũng vẫn chỉ là những con người già nua, xanh xao còm cõi, thân hình lệch lạc đến đáng thương, đang ngồi còm róm quanh chiếc bàn kia ; tâm hồn cũng như thể xác họ hầu như chẳng còn bao lắm sức sống, khiến cho ngay đến cả cái viễn tượng hồi xuân kia chưa chắc đã phục hồi nổi nguồn sinh lực trong những tấm thân tàn tạ ấy. Họ nốc cạn một hơi rồi đặt ly xuống bàn.

Quả có một sự biến đổi gần như tức thì, mặt họ như đồng thời bừng lên rạng rỡ vì nhuộm ánh sáng chói lọi của vàng dương và men nồng của một ly rượu mạnh. Sức sống lan trên gò má xám ngoét

như thây ma khi trước. Họ nhìn nhau tưởng như một thần lực nào đấy đã xóa mờ những nét hằn sâu, ảm đạm mà Thần Thời Gian đã khắc trên vầng trán họ bấy lâu. Quả phụ Wycherly nắn lại vành mũ vì cảm thấy mình đã gần trở lại cái thời xuân sắc cũ.

Cả bốn say sưa gào lên :

« Cho chúng tôi xin thêm ít nước thần diệu nữa. Chúng tôi có hơi trẻ hơn một chút thật nhưng hãy còn già quá ! Mau lên — cho chúng tôi xin thêm chút nữa đi bác ! »

Bác sĩ Heidegger, nhìn cuộc thí nghiệm bằng cặp mắt triết nhân, điềm đạm đáp :

« Đi đâu mà vội ! Đi đâu mà vội ! Các bác già quá rồi. Muốn trẻ lại các bác phải chịu khó đợi độ nửa giờ chứ !

Nước đây xin các bác cứ tự nhiên. »

Bác sĩ lại rót đầy nước suối Trường-xuân vào bốn ly, chỗ nước còn lại trong bình còn đủ để biểu nữa số bỏ lão trong tình trở lại tuổi thơ của đám cháu chắt mình. Trong khi bọt nước còn đang sủi lên miệng ly, bốn vị khách đã nâng vội lên uống ực một hơi. Phải chăng đây là ảo giác ? Trong lúc chất lỏng còn đang trôi qua cổ họng mà toàn bộ cơ thể của



họ đã như biến đổi. Mắt họ trông sáng ra; sắc huyền lan đậm trên mớ tóc tuyết sương, họ ngồi kia, ba tiên sinh hào hoa phong nhã trạc độ tứ tuần và một thiếu phụ vừa chớm bước qua độ xuân thì.

Sau khi bóng già nua đã tan biến trên khuôn mặt người quả phụ như bóng đèn trước buổi rạng đông hồng, Đại tá Killigren ngậy ngất nhìn quả phụ, miệng xuýt xoa khen ngợi:

« Bà quả phụ của tôi ơ! Bà mới kiều diễm làm sao! »

Bà quả phụ kia vốn biết từ lâu rằng những lời tán dương của Đại tá Killigren chẳng sát sự thực mấy khi, nên bà tất tưởi chạy ra gương, lòng những phập phồng lo ngại sẽ đụng đầu với bộ mặt khoằm khoằm của một cụ khom già. Trong lúc ấy ba vị kia có những cử chỉ khiến ta ngờ rằng nước Suối Trường Xuân quả có tính chất kích thích một phần nào, nếu không phải là cái vẻ vui nhộn ấy chỉ do niềm say sưa vì trút được gánh nặng thán năm một cách quá đột ngột. Ông Gascoigne lại bận tâm với những vấn đề chính trị, chẳng hiểu thuộc về quá khứ, hiện tại hay tương lai nữa, vì vẫn chỉ là những ý tưởng, những sáo ngữ, đang thịnh hành trong khoảng 50 năm ấy; lúc thì ông ta gân cò tuôn ra một chuỗi nào ái quốc ái quần, vinh quang quốc gia, quyền lợi dân tộc; lúc thì lầm bầm những vấn đề cơ mật hay thì thào một cách cần trọng, nghi ngại, thận trọng đến độ ngay chính thần trí ông ta cũng khó mà nghe lỏm được; rồi lại có lúc ông cất giọng đĩnh đạc hùng hồn, khi lên bổng lúc xuống trầm, tưởng chừng

các ông Hoàng bà Chúa đang rộng tai ra mà nghe như trong thuở oanh liệt cũ của mình. Đại tá Killigren thì ngheu ngao hát một bản « Tửu cuồng ca » quấy nhộn, tay gõ cốc cầm nhịp, mắt lăm la lăm lét liếc bộ mặt phây phây của bà quả phụ. Ở phía góc bàn bên ông Medbourne đang vò đầu tính toán nào đô la, nào bạc cắc, liên quan tới dự án dùng cá voi cung cấp băng địa cực cho miền Tây-Ấn.

Còn bà quả phụ Wycherly thì đang uốn éo chào mời và chúm chím cười duyên với bóng, mừng mừng tủi tủi như gặp được người bạn thân thiết nhất trên cõi thế này. Bà ghé mặt sát tận gương, cố tìm xem nếp nhăn đáng nhớ kia hay vết chân chim nọ đã thật biến đi chưa. Bà ta lại thử nhìn kỹ xem màu tuyết trắng đã thật tan biến hẳn trên mái tóc chưa, để có thể quàng cái mũ khom kia vào một xó. Sau cùng, bà vụt quay người lại, nhún nha nhún nhẩy bước về bàn.

Bà ta kêu lớn:

« Bác Đốc già ơ, làm ơn cho tôi xin thêm một ly nữa. »

Bác sĩ ân cần đáp:

« Dĩ nhiên, phu nhân chớ ngại, phu nhân coi kia, ly đã đầy rồi! » Quả vậy 4 ly đặt sòng bên nhau, chất nước thần diệu mấp mé miệng ly, tắm nước lặn tăn sủi lên mặt chất lỏng, trông như muôn vạn hạt kim cương lấp lánh. Lúc đó trời đã gần xế bóng thành thử căn phòng lại càng thêm tăm tối, nhưng trong chiếc bình một ánh sáng lung linh dịu như ánh trăng vẫn còn tỏa lên mặt 4 vị khách và khuôn mặt nghiêm nghị của vị bác sĩ già. Bác sĩ ngồi trong chiếc ghế bành gỗ sến, lưng tựa cao, trạm

trở cầu kỳ. Trong khung cảnh lờ mờ nhuộm vẻ linh thiêng ấy, bác sĩ trông chẳng khác nào như vị thần thời gian uy quyền bất khả xâm phạm, trừ nhóm người may mắn kia. Ngay cả khi đang nhắp ly nước Trường Xuân thứ 3, bốn người vẫn cảm thấy như e sợ cái vẻ mặt bí mật của vị bác sĩ già.

Nhưng một lát sau, nguồn phấn khởi của thuở thanh xuân trào dâng trong huyết quản họ. Họ đắm mình trong niềm hoan lạc của thuở hoa niên. Tuổi tác với những chuỗi dài lo âu, phiền não, tật bệnh, chỉ còn là những phiền lụy trong một cơn ác mộng mà họ đã bùng tỉnh một cách sung sướng. Cái nét tươi trẻ nuốt nà óng ả của tâm hồn mà họ đã bị cướp đi quá sớm — cái mà vắng nó, những cảnh sắc liên tục ở cõi đời này chỉ còn như một phòng triển lãm những bức họa lạt màu — nay lại truyền nguồn vui vào niềm hy vọng của 4 vị khách kia. Họ cảm thấy mình như những sinh vật mới trong một vũ trụ mới.

Cả 4 mừng quýnh reo hò :

« Chúng ta trẻ lại rồi ! Chúng ta trẻ lại rồi ! »

Họ hết như một đám thanh niên cuồng lên vì niềm sống động rạo rạo của tuổi trẻ. Họ vui đến độ chế giễu cả cái vẻ ốm o, lụ

khụ mà họ đã từng là nạn nhân. Họ cười phá lên vì cái vẻ lổ lảng của chính mình : những chiếc áo khoác nẹp to tướng, những chiếc áo chèn với những nắp túi nặng nề, khoác trên mình mấy chàng thanh niên và cái mũ cò lỗ cùng chiếc xiêm dài lượt thướt của nàng thiếu nữ đang độ xuân thì. Một vị già vờ đi tập tễnh như một cụ cố liệt bại ; một vị thì đeo cặp kính trễ

xuống sống mũi làm ra bộ miệt mài xem những trang sách yêu thuật đen ngòm những chữ ; vị thứ 3 ngồi trong chiếc ghế bành cố bắt chước cái vẻ đạo mạo của bác sĩ Heidegger, rồi cả ba reo lên ầm ỉ, nhẩy nhót quanh phòng. Bà quả phụ Wycherly — nếu như nàng thiếu nữ mơn mớn kia có thể gọi là quả phụ — là lời chạy đến bên ghế bác sĩ, hỏi :

« Cụ đốc khóm của em ơi, đứng dậy nhảy cùng em một bài nào ». Cả 4 người

trẻ tuổi cười ầm lên, lấy làm lạ sao bộ mặt của ông bạn bác sĩ đáng thương kia lại kỳ cục đến thế.

Bác sĩ từ tốn đáp :

— « Xin phu nhân thứ lỗi cho tôi. Tôi đã có tuổi rồi lại thêm chứng phong thấp, thời khiêu vũ của tôi đã xa rồi. Nhưng tôi chắc quý vị kia hẳn rất sung sướng có một người bạn khiêu vũ đẹp như phu nhân ».



Đại tá Killigren kêu lớn :

« Clara, nhảy với tôi ! »

Ông Gascoigne la :

« Không, không, tôi mới là bạn nhảy của cô ấy ! »

Ông Medbourne hét lên :

« 50 năm trước cô ấy đã nhận lời kết hôn với tôi rồi ». Cả ba xúm lại quây quanh nàng. Kể thì tham lam nắm cả hai tay, kể thì vòng tay ôm ngang lưng, người thì vùi tay vào làn tóc óng mượt, cuộn lại thành từng lọn dưới chiếc mũ tang. Má dấy sắc hồng, hơi thở rồn rập, nào dăng co, nào mắng yêu, nàng cười như nắc nẻ, hơi thở ấm áp của nàng lần lượt phả vào mặt ba người, nàng cố vẫy vùng nhưng vẫn ở trong vòng tay của cả ba ông bạn quý. Thật chưa có bức tranh nào lột tả được sự ganh đua, tranh giành nữ sắc của đám thanh niên mà linh động được đến như vậy. Nhưng bóng tối nhập nhoạng của căn phòng làm sai lệch sự thật, chiếc gương đứng phản chiếu hình ảnh của ba vị tiên sinh đạo mạo già nua, nước da xám ngoét quây lấy một lão phu nhân tóc bạc da mồi, run lẩy bẩy, trông đến tức cười.

Nhưng họ có trẻ thật, niềm dục vọng cuồng nhiệt của họ là bằng chứng hùng hồn. Cuồng lên vì vẻ đom đóm của nàng quả phụ đương xuân ôm ở nửa như ưng thuận nửa như chối từ, ba kẻ địch thủ bắt đầu trao đổi những cái nhìn đe dọa. Một tay vẫn khư khư ôm vưu vật, một tay xiết cò nhau đến lè lưỡi. Trong lúc vật lộn dăng co như vậy, cái bàn bị lật đổ và bình nước vỡ tan thành trăm ngàn mảnh. Giòng nước Suối Trường Xuân vô giá lấp lánh uốn mình chảy trên sàn, thấm vào một

cánh bước già chết hồi cuối hạ. Con vật rập rờn bay ngang phòng đậu lên mái đầu sương tuyết của bác sĩ Heidegger.

Bác sĩ la lên :

« Ngừng lại ! Ngừng lại quý vị !
— Wycherly phu nhân, ngừng lại !
Không thể quá thể được ! »

Họ đứng lặng run sợ, tưởng như nghe thấy Thần Thời Gian âm ảm lên tiếng gọi họ dời tuổi thanh xuân nồng cháy trở về thung lũng sâu thẳm lạnh lẽo, âm u của tuổi tác. Họ lặng nhìn vị bác sĩ ngồi trong chiếc ghế bành, tay nâng niu đóa hồng vừa nhặt ra khỏi đám mảnh thủy tinh vỡ. Theo hiệu tay của Bác sĩ, cả 4 kẻ bạo động lén lút trở về chỗ ngồi tức khắc vì tuy rằng trẻ trung thật nhưng hành động quá độ vừa rồi cũng làm họ ăn năn.

Giờ đóa hoa ra trước ánh tà huy, Bác sĩ Heidegger cất lời đột ngột :

« Đáng thương cho đóa hồng của Sylvia, dường như nó lại sắp héo tàn. »

Và đúng vậy. Dưới mắt mọi người, đóa hồng dần dần quắt đi, trở lại trạng thái khô đét mỏng manh như lúc Bác sĩ vừa ném vào bình nước. Vị Bác sĩ già vẩy mấy giọt nước còn đọng trên cánh hoa, kẻ đóa hoa vào làn môi héo hắt và nói :

« Lúc này tôi vẫn yêu nó như lúc còn tươi mơn mớn ».

Trong lúc Bác sĩ đang nói, cánh bướm là đi trên mái tóc bạc lão đảo rơi xuống sàn.

Đám khách rùng mình. Một niềm gầy lạnh không hiểu từ thể xác hay tâm hồn.

NƯỚC SUỐI TRƯỜNG XUÂN

lan khắp người họ. Họ nhìn nhau và thấy dường như mỗi giây phút lặn tàn là lại cướp đi một ít duyên dáng và để lại những nếp nhăn sâu. Phải chăng đây là ảo giác ? Lẽ nào sự đời đời của cả một đời người chỉ thu gọn trong mấy phút phù du, giờ đây họ đã lại là bốn kẻ già nua ngồi bên vị bác sĩ già kia ư ?

Họ cất giọng rầu rĩ hỏi lớn :

« Chúng tôi lại già chóng vậy sao ? »

Sự thực là vậy. Ảnh hưởng của ly nước Trường Xuân kia cũng chẳng đơm hơn ly rượu vang là mấy. Cái mê lực do nó gây ra đã tiêu tán đi rồi. Vâng ! họ lại già rồi ! Với bản chất dễ xúc cảm của một thiếu nữ còn vương lại, người quả phụ rung mình, đôi tay xương xẩu bưng lấy mặt, lòng những muốn nấp ván thiên đạ lại vì sắc đẹp còn đâu.

Bác sĩ Heidegger chậm rãi đáp lời :

« Vâng, thưa các bác, các bác đã lại già rồi. Và than ôi ! Nguồn nước Trường

Xuân đã thấm cả vào mạch đất. Nhưng thôi — tôi cũng chẳng phân nàn làm chi ; vì giả thử như mạch suối có chảy ngay trước cửa, tôi cũng chẳng hoài hơi khom lưng ghé miệng xuống làm gì — dù cho hiệu lực của nó bền đến hàng năm chứ chẳng phải chỉ trong khoảng khắc. Các bác đã dạy cho tôi một bài học hay. »

Nhưng bốn người bạn của bác sĩ lại chẳng nhận thấy bài học đó là hay. Ngay khi đó họ đã định bụng sẽ mở cuộc hành hương tới Florida đề ngụy lặn ngày đêm trong giòng suối Trường Xuân.

Dịch theo « Dr. Heidegger's experiment »

2 - 2 - 59

NGUYỄN

* «Giòng Suối Trường Xuân» (The Fountain of Youth), theo truyền thuyết của dân Da đỏ có năng lực hồi xuân. Theo những truyền thuyết kể trên Suối này ở trên một hòn đảo hoang đường tên là Bimini thuộc nhóm Bahaman, nó đã là mục phiêu tìm kiếm của Juan Ponce de Léon (1460 ?-1521) và nhiều nhà thám hiểm Mỹ-châu.

Đường tình

Đồng xanh xanh cả mắt ai

Đường đi giữa ruộng chỉ hai đóa mình

Nụ cười e ấp thêm xinh

Sen tươi gót ngọc đường tình nở hoa

Mặt trời làm mối đôi ta

Nắng say duyên mới, đường xa mà gần.

HUY - LỰC

BÁCH KHOA LIII

GIẤC MƠ



NHỮNG ngày buồn tẻ nhất cuộc sống tâm tình thì Thọ bước vào đời tôi.

Tôi với Thọ cùng học một khóa, Thọ bảo thế nhưng từ trước tôi chưa biết anh ta. Cũng có thể nhiều khi biết nhưng đã qua bao nhiêu bến nước, uống bao nhiêu bát rượu, hôn bao nhiêu lần môi thì có gặp cũng quên.

Những khi thời gian rơi vào khoảng tranh sáng tranh tối của không gian, tôi thường ưa ngồi trên đồng dây đối lớn cuộn khoanh đầu bến tàu, hút thuốc lá nhìn ra mặt sông. Trường giang bao la óng ánh hoàng hôn. Tự tâm hồn tôi nao lên một nỗi buồn vô cớ và hoang loạn. Cuộc đời trôi chảy như dòng sông. Trôi mãi trôi mãi. Có những phút tôi mơ ước trở về với cuộc đời tĩnh vật ấm êm và đầy đủ tiện nghi bên bếp lửa gia đình với mẹ, với em, với người yêu, với xã hội nhỏ bao quanh một khu phố một xóm nhà, với vài giải mây trắng lướt đi nhanh trên mảnh trời khung cửa sổ.

Thọ nói với tôi bằng một giọng thú tội và nho nhỏ :

— Trước kia trông thấy cậu mình ghét lạ ! Trông cậu có vẻ lập dị và khó hiểu.

Tôi cười khe khẽ tưởng tượng đến cái đầu trọc lóc của mình.

— Trước kia là bao giờ ?

Thọ lúng túng mãi mới trả lời được :

— Là... là hôm kia, hôm qua, ban này...

Tôi mời Thọ một điếu thuốc nhưng Thọ từ chối.

— Mình cũng đi chung với tội ngoại quốc một dạo khá lâu mà chẳng uống rượu cũng chẳng hút bao giờ.

Dưới mắt Thọ, chắc tôi là hiện thân của bừa bãi. Thọ sống mỗi ngày rất đều đặn. Anh than phiền với tôi những ngày bận rộn sai mất dự tính.

Đôi khi con tàu nhỏ của chúng tôi nhận nhiệm vụ rời căn cứ, chúng tôi thường

kề lề tâm tình trong những giờ lái đêm.

Thọ chẳng còn ai trong này. Từ nhỏ anh sống với một bà cô già, những người cô ở một mình nuôi và cưng chiều đứa cháu như chính con mình mang nặng đẻ đau. Không hiểu sao Thọ ra đi. Thọ cũng không biết có phải đã nghe tiếng gọi của trùng dương hay chỉ một phút bồng bột cần thiết của tuổi trẻ mới lớn. Người cô vẫn ở một mình và bây giờ thì bất tin. Thọ vẫn nuôi ngày về. Cái thứ trở về đang từ. Nghe Thọ kể trong đêm khuya tôi cũng thấy lay cái hi vọng mong manh đứt đứt được chiếc neo định mệnh đã neo chặt cuộc đời vào sông nước.

Chán không còn chuyện gì nói, chúng tôi mơ ước trời cao biển rộng. Hàng dừa ướt ánh trăng bến tường giang lạnh, những chuyến ghé bến rồi ra đi vội vàng chỉ là những trở ngại ngăn tầm mắt vượt ra vùng rộng lớn. Gió nửa khuya trời lên, chúng tôi tưởng gió mang đến hơi thở của biển tím.

Biết bao nhiêu giờ bao nhiêu phút, tôi và Thọ xây dựng ngày mai bằng mộng tưởng để thấy ánh ngày lên thieu chảy những lâu đài mơ ước. Thọ ước ao lập một nông trại. Chúng tôi dự tính những chương trình, những kế hoạch canh tác. Thọ sẽ trông nom máy móc canh nông. Trại sẽ có máy cày, máy bơm nước, máy điện cung cấp ánh sáng, một chiếc xe vận tải trung bình để chở sản phẩm ra tỉnh bán. Tôi tưởng tượng những gian phòng tràn ánh sáng lọc bớt phủ phàng trên những lá cây xanh. Thọ bảo :

— Tôi sẽ đề cậu ngồi không mà viết. Thật tự do.

Hôm sau chúng tôi mua chung một vé

xỏ số. Cả hai đứa cùng nghĩ : chỉ cần một tấm vé để chung đúc tất cả hi vọng mới thấy to lớn !

Tháng nọ, kế tiếp tháng kia, cuộc đời thủy thủ hải đoàn vẫn trôi nặng nề dưới ánh nắng, trong sương đêm, giữa mưa lạnh, nghiêng nát mộng tưởng một đêm.

Chúng tôi vẫn xây dựng cho ngày mai những lâu đài ảo mộng. Có nhiều khi tôi và Thọ tranh luận say sưa về một điểm của chương trình tương lai ! Sau đó tôi lại buồn ủ rũ. Mỗi đêm nằm nghe nước chảy xiết bên lườn tàu, tôi hi vọng sáng mai sẽ có giấy thuyền chuyển tôi về một chiến hạm lớn, mảnh giấy lồi kéo tôi về biển khơi sóng gió lồng lộng. Tôi tưởng mình sắp có một cái gì, sắp nắm chắc một cái gì và thiếp đi vào giấc mộng đầy hải cảng ánh đèn và trùng dương xanh ngắt. Rồi sáng mai, mảnh công điện hi vọng không tới, tôi lại sống ần ần chờ đợi như con trâu già chậm chạp. Mỗi tối, tôi lại xây dựng từ số không.

Thọ bảo tôi nên đi chơi. Chúng tôi mặc quần áo « đi bờ » không hứng thú. Thọ leo đèo theo tôi trong các quán rượu, nhìn tôi uống lặng lẽ.

Được ít lâu, tôi được lệnh thuyền chuyển. Cuộc sống đô thị nuốt hết ý nghĩ. Ít khi tôi nhớ đến Thọ. Những ngày hải đoàn đầy khát vọng biển khơi chỉ còn là hình ảnh lơ mơ thảng hoặc nhớ lại những đêm khuya khó ngủ.

Một hôm lững thững đi ra bến tàu tôi chợt nhớ đến Thọ, đến những mơ ước ngày cũ. Trời tím hoàng hôn. Con tàu nào mới ghé bến, đèn hoa rực rỡ huyền diệu. Gió biển xanh thổi mơn vào

sông. Tôi nhớ đến câu cuối cùng Thọ nói với tôi;

— Đừng quên cái trại của chúng mình nhé! Hay lại vui hải hành để mất hết, mất hết...

Tôi thấy hồ thẹn. Cuộc sống ở đây quả đã làm tôi mất hết. Chắc Thọ vẫn tưởng tôi đang ôm cuộc sống tròn đầy những ngày tháng viễn hành trên trùng dương xanh ngắt.

Thọ ơi! Tôi đã quên mất những ước mơ thủy thủ của chúng ta, phải, những giấc mơ chúng ta, Thọ ạ!

Ồ cái nông trại của chúng mình mới đẹp làm sao! Chúng mình đã đặt cả hi vọng tốt đẹp nhất vào đó. Tôi tưởng tượng đến hình ảnh căn cù của Thọ, kiên nhẫn hàng giờ bên chiếc máy chiến hạm mà tôi cho là chiếc máy cày ngày mai.

Lá thư thứ nhất từ Thọ đến với tôi giữa một buổi mệt nhọc đầy giấy má văn phòng. Thọ báo cho tôi một tin mừng hụt: sai một con số « thì vé số của chúng ta » trúng lô độc đắc!... Tôi vừa vui vừa buồn. Thọ vẫn sống với giấc mơ đã thành vĩnh cửu từ đêm nào trên sông nước, rất chân thành. Thọ đã từ sông rạch trở về biển cả.

Tôi nhớ lại những đêm đầu mùa trăng, hai đứa ngồi dưới gốc dừa nhìn sao mà nói chuyện vu vơ. Thọ bảo chưa có người yêu. Tôi cười và chê Thọ là không may mắn chút nào. Thọ nghiêm nghị mà hi vọng sẽ có trong những năm những tháng phía trước.

—Ồ, những ngôi sao kia đẹp quá! Ánh mắt người yêu có lẽ cũng chỉ đến thế!



Tôi bỗng gục đầu. Cuộc sống bừa bãi. Rượu mạnh, thuốc lá, nhạc bến tàu, đường môi hải cảng, tất cả những thứ đó đã phủ lên cửa mắt tâm hồn tôi rồi. Tôi không còn nhìn được tình yêu thể hiện lên cửa mắt thuần khiết như ánh sao, thuần khiết như tâm hồn Thọ. Tôi tưởng tượng nếu được ra khơi, gió trùng

dương chắc sẽ rửa sạch được tâm hồn mình.

Thọ cũng nghĩ vậy. Chắc hẳn khi thấy tôi được lệnh thuyền chuyền Thọ mừng cho tôi. Thọ có ngờ đâu tôi còn tệ hơn trước. Tôi đã quá tự mãn chỉ nhìn một con tàu cập bến, ghi nhận đôi hình ảnh viễn hành sóng gió qua đợt khói hay bướm cờ giám lộ mừng rời bến.

Những ngôi sao, những ngôi sao! Hãy cho tôi cái nhìn trong mát như tâm hồn

GIẤC MƠ

Thọ đề đón nhận tia sáng khiêm tốn của những ngôi sao.

Giữa cái thế giới của tình quái, Thọ vẫn lướt sóng xây mãi những mộng tưởng trong lành.

Tôi nhớ có lần Thọ hẹn sẽ gửi cho tôi một ít thuốc lá thơm. Đọc thư Thọ tôi cảm động rơm rớm nước mắt. Thọ vẫn biết tôi hút thuốc rất nhiều. Rồi thư Thọ vẫn đến với tôi đều đều để chia xẻ cả những niềm vui nho nhỏ. Tháng nào Thọ cũng mua vé số mà Thọ bảo để dành cho khu trại ngày mai đã dành tất cả hi vọng vào đó.

Lắm khi tôi không hiểu Thọ đã giữ cho giấc mơ trong lành như vậy hay chính những giấc mơ của đời thủy thủ đã giữ gìn Thọ trong cái chuyển di lớn của đời người.

Giấc mơ của tôi không còn đẹp bên gối mộng. Cuộc sống đập những nhịp quá nhanh — Sống hối hả, sống vội vàng. Giữa những hình ảnh cuộc đời nối tiếp nhau hình ảnh Thọ với những giấc mơ là hình tượng tươi mát nhất trong tôi.

Nhiều đêm cà phê khói thuốc đem vào tôi niềm thao thức thể xác cộng với cái thao thức tâm hồn, tôi ngồi thật khuya, thật khuya bên bàn viết. Ngọn đèn đêm, ánh sáng tỏa phủ phàng trên mặt giấy trắng — trắng như màu áo tôi, áo Thọ, áo chúng ta. Tôi muốn rơi vào trạng thái tĩnh vật để nghe sâu động nhỏ giọt vào tâm hồn. Cây bút trên tay mực buồn quánh bút. Tôi nghe mơ hồ vọng đến những tiếng nhạc u hoài, tiếng gọi trùng dương xanh thắm. Trang giấy vẫn trắng nguyên và trải rộng vô cùng.

Tôi muốn viết cho Thọ, gửi đến Thọ những dòng chân thành nhất của cả cuộc đời. Tôi muốn nói với Thọ rằng chúng mình nhỏ bé quá không bao giờ bơi ra nổi ngoài khoảng màu trắng trang giấy.

Trong cái tuyệt vọng phiến muộn ấy, tôi ghen cả với Thọ vì Thọ còn có chiếc phao mơ ước, Thọ còn có những lời thì thầm trùng dương tấu lên lòng đất, Thọ còn có gió khơi biển thẳm rửa sạch tâm hồn. Tôi đã mất hết rồi Thọ à ! Mất ngay cả mơ ước. Giấc ngủ chỉ còn nhọc mệt đầy những ảo tưởng bần thiêu mà tôi không dám gọi là mơ là mộng nữa.

Đôi phút buồn quá, tôi gọi lại đôi hình bóng Thọ rồi thở dài : thế là hết trang đời mơ ước cũ ư !



Lá thư thứ bao nhiêu của Thọ, tôi cũng không biết nữa, đến với tôi từ một miền hải đảo xa xăm.

Tôi ngồi trong tầng nắng vừa rời vào phòng một buổi sáng. Lá thư trải trước mặt mà tôi không đọc. Tâm hồn tôi như tan vào khối ánh sáng ấm dịu đó.

Tôi lại bắt đầu từ số không những giấc mơ. Tôi lại hy vọng một buổi sớm khoác hành lý xuống tàu. Rồi lại tan những lâu đài mộng tưởng. Rồi lại xây từ số không những giấc mơ. Để làm gì ? Tôi cũng chẳng biết !

THÙY-THÙ

Mùa Xuân

CỦA

Cuộc Đời

Tôi vẫn mừng như đứa trẻ thơ
Mộng về như những kẻ giang hồ
Đồng tiền mừng tuổi còn rung cảm
Xuân ủ trong lòng lắm ước mơ



Núi tiếp trời xanh mây trắng bay
Nắng lên sưởi nước sáng vơi đầy
Mùi vàng nở thắm đua cùng bướm
Quyện theo cờ vui ngắt ngáy



Hoa nở vàng tươi như dáng tiên
Đêm Xuân nhiều giấc mộng êm đềm
Mùa này nắng gió nhiều lưu luyến
Cảm thấy như là thương nhớ em



Khoác áo mùa Xuân chảy hội chùa
Mẹ già quên nắng nắng chiều mưa
Mẹ ơi ! Mẹ vá cơ hàn lại
Nắng mới mùa Xuân lên ngả tư

Anh lính chờ Xuân giữa núi rừng
Mơ mùa chiến thắng Bắc Bình Vương
Mùa Xuân lịch sử còn âm hưởng
Bắc tiến mơ về rộn Bốn Phương



Thấp thoáng đầu năm tấm áo nâu
Mùa Xuân đi mãi áo phai màu
Cánh bướm no gió chờ năm mới
Ta sẽ mừng nhau những nhánh đào



Tôi bước đi vào trong lũy tre
Nghe tin Xuân rộn rên quay về
Đồng quê hoa nở mừng Xuân nữ
Ai hát mê hồn trong bước đi



Bướm gọi nhau về ngủ với hoa
Mùa Xuân muôn thuở mãi không già
Bốn phương trời biển cùng mây trắng
Vẫn gọi nhau về vui khúc ca



Tôi bước trong Xuân giữa sông người
Hương Xuân nhắc nhở mộng chung đôi
Mùa Xuân bên chén trà thơm ngắt
Xích lại gần nhau thêm nỗi vui



NHỮNG TRANG NHẬT-KÝ

(tiếp theo B. K. số 52)

Thế là hết, Nguyễn sẽ mãi mãi hiểu nhầm tôi...

Nhưng có một điều lạ : khác với mọi lần, hôm nay nghe anh Tăng kể chuyện Nguyễn tôi đã không khóc lịm đi như nhiều lần. Có lẽ đau khổ đã làm lòng tôi dần lại... Ừ nhỉ, có lẽ lòng tôi chết thật rồi !

Sau một thời gian tôi sống bằng hy vọng, bằng tất cả chờ mong mòn mỏi, bằng ray rứt, vò xé tâm hồn. Đến bây giờ... chao ôi ! Sự thực... tôi vẫn là một kẻ độc hành ; người ta đã bỏ tôi vào sa mạc mất rồi ! Một người tôi tin tưởng, yêu thương nhất cũng đã xa xôi, đã khinh tôi, không hiểu được tôi !

Cuộc đời tôi đã trao trọn vẹn cho Nguyễn rồi ! Anh đi đem cả linh hồn tôi theo. Cuộc sống lại trở về với

trống rỗng buồn tênh... Không còn nữa Nguyễn ơi ! Tôi đã chết... chết thật rồi ! Chết trong hoang lạnh của tình đời !

Nguyễn đã đi... Nguyễn đã đi một lần nữa... Tôi đã hoàn toàn mất Nguyễn...

✱

18-10-

— « Tôi đã hoàn toàn mất Nguyễn » cứ nhắc lại như thế tôi lại như người phát điên lên. Đã hai ngày nay, tôi không còn biết tôi ra sao nữa, tôi không hiểu chính trạng thái tâm hồn tôi nữa : nhiều khi tôi nói và hát như một người điên, đến nỗi cô tôi phải kêu lên :

— Gớm,... chị Phương độ này có chuyện gì vui vẻ mà nói cười hát xướng

luôn miệng thế ? Cõi chừng, anh Thiết
anh ấy vẫn khen chị nhu mì, kín đáo
đấy nhé !...

Nhắc đến Thiết tôi lại thương anh,
khi tôi yêu cầu anh giữ kín những
chuyện tôi đã nói với anh và xin anh
về thưa lại với ba tôi với một giả
thuyết khác. Mất Thiết xa xôi và buồn
mênh mang...

Tôi xem lại vở học trò, trong đó tôi
đã đọc cho các em chép một đoạn sử
như sau :

« Công chúa Huyền - Trân đã đem
nước mắt để rửa sạch hận thù hai
dân tộc dưới bước quy Chiêm có « vó
câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh ».
Nhưng có ai hiểu nỗi cái tâm trạng
người con gái đã hy sinh cả tình, cả
địa vị một nàng công chúa Thăng-Long
(cái địa vị này còn hơn một bà Hoàng
hậu đất Chăm !) để ra đi theo tiếng
gọi của non sông, của một tình thương
bao la như rừng biển. Tiếng khóc của
nàng còn náo nùng hơn cả khúc nhạc
« quá quan » của nàng Chiêu Quân khi
nhục nhã trong bước cống Hồ !

Có thể mà thôi đâu, người đương
thời còn đưa tiễn nàng bằng những
câu :

« *Tiểu thay hạt gạo tám xoan*
Đem vo nước đục lại chan nước cà ! »
và « *Thương thay cây quế giữa rừng*
Đề cho thằng mán thàng mường nó leo ! »

Còn có sự mỉa mai nào đau đớn cho
bằng !

Đối với dân tộc V.N thời ấy, Chế-Mân
chỉ là một tên man di mọi rợ, dù hẳn cũng
« ngênh ngang một cõi biên thù » và đã
từng phen làm bờ cõi Nam bang !

công chúa Huyền-Trân cũng hiểu rõ điều
đó hơn ai hết, nhưng vì danh dự của
anh ; vì máu xương của hai dân tộc nàng
dành cúi đầu phục tùng số mệnh ; mang
tiếng là một người phụ bạc ; hứng chịu
trăm ngàn lời mỉa mai day nghiền !

Có người bảo rằng trong việc này có
một sự tính toán và Trần triều đã đặt
lợi trên tình ! Thật vậy, hai chân Ô,
Lý có nghĩa gì đâu với cái địa vị lá
ngọc cành vàng của một nàng công chúa
Thăng-long !

Nhưng Huyền - Trân không bao giờ
nghĩ tới điều đó. Trong thâm tâm người
con gái ấy chỉ nghĩ đến giống nòi ! Và
chẳng, quan niệm ngày xưa, mà một đôi
khi cả ngày nay, người ta thường nhìn
vấn đề dưới một khía cạnh, qua một
lăng kính tự cao tự đại của dân tộc mà
quên những sự hy sinh cao cả của Huyền-
Trân, một sự hy sinh nhiều kính mến
hơn là mỉa mai oán trách... »

Thật là ngớ ngẩn, thật là điên rồ !
Không hiểu tôi đã giảng như vậy làm gì
đối với một trình độ tương đối còn
thấy kém của các em ở bậc Tiểu học :
chỉ học những điều đại cương mà không
bao giờ đi sâu vào chi tiết. Có lẽ trong
một phút loạn tâm, thiếu suy xét tôi đã
để lộ cái tâm sự loạn cuồng và cứ theo
tình cảm mung lung đọc cho các em chép.
Tôi tự hứa sẽ điều chỉnh lại đoạn sử
trên trong một giờ tới.



Tôi sợ rồi đây tôi lại ốm mất : tôi
chẳng biết nó dói là gì. Nhiều khi tôi
như cái máy, ăn, làm việc, cử động đối
với tôi đều vô nghĩa. Tôi cảm thấy hình
như tôi không còn là tôi nữa : thể xác

như bị tê liệt hoàn toàn, mọi hành động đều do một sự tình cờ hoặc một sự sai khiến bên ngoài — một ảo giác vô lý! Còn tình cảm thì không vui, không buồn, chẳng đau khổ... chẳng làm sao cả!

Có một cái gì lảng lảng nhẹ nhẹ ở trong tôi đang dâng lên... dâng lên mênh mênh mà huyền ảo mơ hồ... Tôi nghĩ rằng dùng danh từ — một cụ thể hữu hình — để diễn tả tâm hồn — một ảo giác vô hình — là một điều vô lý, một hành động ngớ ngẩn đến ngu si!...

Tôi không nghĩ nữa...

Có một cái gì... mơ hồ quá, đang từ trong tôi tỏa ra ngoài « nó » bay trong không gian chơi vơi... lạc lõng. Tôi từ từ khép mắt lại...

Tôi thấy Nguyễn, anh đang đi một mình trong màn sương dày đặc, khi ẩn khi hiện chập chờn... Anh không nói, không cười; đầu anh cúi thấp, tóc anh rối bù. Anh mặc quần áo đen nổi rõ trên màu sương trắng, hai tay anh bỏ trong túi quần..., khi thì anh bé lại như một điểm, tôi đã tưởng anh sẽ biến mất, nhưng rồi anh lại phồng lên, to lớn như một người khổng lồ lấp cả mắt tôi... Nguyễn chột tiến, chột lùi... vờ vờ... anh vẫn không quay mặt về phía tôi, nhưng tôi biết đó là Nguyễn, có một cái gì thiêng liêng báo tôi như vậy.

Tôi vẫn mãi mê nhắm nghiền đôi mắt theo dõi, trong một phút tôi quên rằng Nguyễn — người mà tôi trao trọn linh hồn — đang nhòe nhoè trước mặt tôi. Tôi quên rằng tôi đang yêu Nguyễn...

Bây giờ, tôi thấy có nhiều anh Nguyễn, mỗi anh chạy về một phía... rồi lại đến

gần nhau, nắm tay nhau tung tăng đùa giỡn, « họ » đi trong chơi vơi... chân không chạm đất (mà ở đây làm gì có đất, chỉ có sương mù...) « họ » quay tròn lại với nhau, có người — vài anh Nguyễn — quay mặt về phía tôi, nhưng xa quá tôi không trông rõ mặt. Hình như họ đang hát và cười với nhau nhưng không ra tiếng, như một cuốn phim câm hình nổi mà tôi là khán giả...

Bỗng họ — những anh Nguyễn — ngừng múa hát. Một người chạy riêng ra như trưởng toán, rồi người thứ hai chạy đến nhập vào người trưởng toán... vụt biến thành một, tiếp đến người thứ ba, thứ tư..., và cứ như thế họ chui vào người trưởng toán cho đến lúc chỉ còn một người độc nhất đứng giữa màn sương...

Anh Nguyễn độc nhất ấy lớn nhanh như Phù-Đông Thiên-Vương sau cái vượn vai... anh tiến dần về phía tôi... tôi đang bối rối chưa biết xử trí ra sao thì anh đã đứng trước mặt tôi cười nửa miệng, cái cười sắc và lạnh đến rùng mình...

Tôi chưa kịp nói gì ché Nguyễn đã nghiêm ngay nét mặt nhìn tôi hằn học và lùi dần... lùi dần... những làn sương mỏng cuộn theo trước mặt anh, tôi có cảm tưởng như anh đang ché sương để lùi vào — nhưng chính anh không hề cử động, hình như sương cuộn anh ra xa...

Oán trách vẫn đầy trong mắt Nguyễn, anh lùi xa dần... xa dần... hình anh càng ngày càng bé lại. Tôi cố nhắm thật chặt mắt trông theo, vì tôi cho rằng mắt tôi càng nhắm chặt càng trông rõ Nguyễn hơn. Anh lùi nhanh quá, tôi chưa kịp có phản ứng

gì... Nguyễn càng bé lại và tiến vào thăm thăm... Sương đặc bao quanh người anh, như một bức tượng màu đen ném lên một đám bông dầy trắng nõn...

Tôi không đủ thì giờ suy nghĩ về hành động của Nguyễn nữa. Anh vụt biến mất trong màn sương dầy đặc... Tôi hồi hộp đợi chờ anh hiện ra... nhưng... không bao giờ thấy nữa... Tôi hết hoảng, lúc này tôi mới chợt nhớ ra rằng : Nguyễn là người mà tôi đang yêu thương triu mến... Nguyễn đã biến mất !

Có một cái gì vô hình thoát ra khỏi tôi bay vụt theo Nguyễn. Phản ứng nhanh hơn ý nghĩ, tôi vọt theo Nguyễn và hét lớn :

— Anh Nguyễn ! Anh Nguyễn !... Tôi choàng mở mắt vì nghe chính tiếng mình cũng nhận thấy rùng rợn...

Yến ôm chặt lấy tôi, lắc mạnh.

— Chị Phương ! Gì thế chị ? Chị Phương !...

Tôi quay nhìn Yến, tim vẫn còn đập mạnh, mồ hôi ướt đầm áo quần, Yến lại hỏi :

— Chị mơ gì thế ?

Tôi ngơ ngác :

— À... không... à chị mơ gặp anh Nguyễn, nhưng...

— Chị làm em hết hồn ! Bác sĩ Đại vừa lại xem mạch cho chị đây chị có biết không ?

Tôi ngạc nhiên :

— Ô hay, chị có làm sao đâu mà mời bác sĩ ? !

Yến nhìn tôi lo ngại.

— Bác sĩ bảo chị bị bệnh thần kinh. Mọi em vừa đi khám cho bác.

Tôi ngồi dậy, tự lắng xem mình có bệnh gì không... không tôi vẫn như thường mà... tôi vẫn còn đủ bình tĩnh để nhớ lại giấc mơ vừa qua... nhất định rằng tôi không có bệnh gì cả.

— Bác sĩ bảo chị nên tĩnh dưỡng ít lâu.

— Bậy nào, chị có việc gì đâu mà tĩnh dưỡng. Để thường em tưởng chị sắp đi điên chắc ? Tôi mỉm cười, Yến cũng cười theo và, muốn chứng minh những nhận xét của tôi là đúng, tôi đứng dậy ra ngoài rửa mặt, Yến vẫn chưa hết lo lắng, tôi nói :

— Chủ nhật này chị định rủ chị Tuyết đi non nước chụp ít hình đây, em chị có đi không nào ?...

Yến mừng rỡ.

— Có chứ chị, em rủ chị mãi chị cứ khất lần. Chủ nhật này đi thật chị nhé !

— Ừ...

— Mua một một ít bóng đèn để chụp vài kiểu ở hang mới chị ạ.

— Ừ nhỉ, chụp cá ở hang xuống âm phủ nữa chứ ?

— Vâng, thế thì vui quá ! Yên lặng một lát Yến tiếp, nhưng bây giờ chị có thấy đói không ?

Tôi chợt nhớ rằng từ sáng tôi chưa ăn gì, nhưng không đói.

— Thôi để lát nữa ăn một thềm em ạ ! Bây giờ để chị còn đi soạn bài... à mà thôi, bây giờ chị em mình đi nghe nhạc đi.

— Phải đấy, thế chị thích nghe bản gì em mở ?

— Một bản gì của Chopin cũng được.
Yến nhìn tôi sững sờ. Tôi tiến lại khẽ
tát yêu lên má Yến :

— Em chỉ ngây thơ quá đi thôi...



19-10-

Tôi vẫn còn nhớ Nguyễn, dù tôi biết
chắc rằng Nguyễn đã khinh tôi, oán trách
tôi nhiều lắm ! Nhưng sao tôi không thể
nào quên được anh ?

Nguyễn ơi ! Chắc chẳng bao giờ anh
còn nghĩ đến em nữa nhỉ ? Mà có nghĩ
tới chẳng nữa cũng chỉ còn những khinh
bĩ và, như anh thường nói « tìm cho
mình một kinh nghiệm sống trên bước
đường dựng nghiệp ». Anh khinh em
đến thế kia ư ? Nguyễn ơi, em vẫn còn
yêu anh ; em vẫn còn chờ đợi anh đây.
Sự thực khác hẳn với ý nghĩ của anh
Nguyễn ơi !...

Tôi biết làm sao để nói với anh những
sự thực này ? Nguyễn vừa ở ngoài vào,
mang sẵn những ấn tượng tự ti mặc cảm,
anh lại nhiều tự ái nữa... Còn tôi, chết
thì thôi chứ chẳng bao giờ tôi thêm hạ
mình cầu xin một tình thương, dù xin
Nguyễn đi nữa !

« Chết thì thôi... » tôi đã nghĩ đến
cái chết ư... chẳng có gì là khó khăn.
Thêm vào một chút can đảm, tôi cũng
chẳng hèn hạ gì !... Hiện trạng của đời
tôi tìm một cái chết chẳng khó khăn gì...
Một người mà tôi yêu thương nhất cũng
đã ruồng rẫy phỉ nhổ tôi ! Trời ơi, tôi
biết nói với ai bây giờ !...

... Cô tôi ?... tôi biết chắc rằng chẳng
bao giờ cô tôi hiểu được tôi. Tôi không
dám khinh bà, nhưng cô tôi thuộc lớp

người cũ, dù có văn minh tân tiến đến
đâu cũng không thể tha thứ cho một
người con gái mà cô tôi cho là vượt qua
lễ giáo, mà rồi rút cuộc cũng chẳng đem
cho tôi một kết quả gì ngoài những tủi
cực đau buồn thêm.

... Hay ngỏ với Yến ?... Làm sao tôi
có thể nói cho Yến hiểu được lòng tôi
vì, Yến ơi ! Em còn ngây thơ quá ! Số
tuổi và nếp sống của em chưa cho phép
em suy luận về những phức tạp của tâm
tình. Yến ơi, chị muốn được vô tư như
em : vui buồn cũng chỉ thoảng qua như
một làn hương... Bây giờ, chị có muốn
cũng không được nữa, lòng chị đã trải
qua nhiều giông tố phú phàng rồi ! Yến
ơi, em có thương chị không ? Em có biết
chị đang đau khổ không ? Bây giờ chắc
em đang ngủ ngon và trong giấc ngủ hẳn
có nhiều mộng đẹp lắm nhỉ ? Em có gặp
bà tiên nào không ?...

Ba tôi và thằng Phụng cũng đã giận
tôi vì chuyện Thiết rồi !

Nguyễn ơi, sự thực là vậy mà anh nỡ
nghĩ ngờ em, khinh rẻ em. Có bao giờ
em được gặp anh nữa không ? Rồi anh
sẽ sỉ vả em, mắng nhiếc em thật thậm
tệ, để em được chết trước mặt anh cho
vẹn niềm chung thủy... Anh ơi ! dù sao
chẳng nữa em cũng chẳng bao giờ oán
trách anh, em chẳng bao giờ quên được
hình ảnh anh vì... Nguyễn ơi ! Kỷ niệm
giữa chúng ta còn nhiều quá !

Bây giờ tôi chỉ còn tìm an ủi trong
đám học trò và cuốn nhật ký này, những
giòng chữ nhiều khi quẩn quại trong
đau thương, nhưng cũng có lúc bùng
lên một chút ánh sáng, tỏa ra vạt làn
hương ; nó vượt ve an ủi tôi rất nhiều...

Nếu đây chính là linh hồn tôi thì tôi lại tự an ủi vậy ! Còn biết nhờ ai bây giờ ?... Sao lòng tôi nhiều khi yếu đuối quá !...



20-10-

Tôi không ngờ đêm qua tôi lại khóc, tôi vẫn tự nhủ rằng tôi không hề đau khổ (hay không biết đau khổ nữa) mà tôi vẫn khóc. Tôi càng cố nén nước mắt càng trào ra và, tiếp theo là những tiếng nấc sắt se lòng ! Tôi vẫn không biết rằng mình đã khóc, vì tôi không tin rằng tôi còn nước mắt đến hôm nay.

Đã bao nhiêu lần khóc rồi còn gì ? Từ năm mười mấy tuổi đầu tôi đã từng khóc trước cái chết đau thương của mẹ tôi, rồi tiếp đó là bao nhiêu lần nữa khi hiểu thấm thía cái khổ đau của một đứa con gái sớm mất mẹ. Ba tôi là đàn ông, thương con chẳng bao giờ để lộ ra ngoài, thằng Phụng còn nhỏ tuổi... tôi đã khóc ròng vì cảm thấy đời thiếu thốn nhiều quá, nát tan nhiều quá !

Kịp đến lúc nhón lên, chớm độ yêu đời, tôi đã từng bao phen khóc vì Nguyễn. Tôi nghĩ lại và tự thấy đời như một chuỗi dài nước mắt đau thương !

Những người quanh tôi thường khen tôi kín đáo, ít nói, nhu mì ! nhưng có ai hiểu rằng hoàn cảnh đã tạo cho tôi những đức tính ấy, cái đức tính được tạo nên bằng những mất mát thiệt thòi !

Từ năm mẹ tôi mất đi, tôi không biết vui tươi là gì nữa ! Có ai đã từng mất mẹ mới hiểu nỗi lòng một đứa con cô cút như tôi. Thời gian bắt đầu yêu Nguyễn, một đôi khi tôi đã lãng quên được phần nào những hiu quạnh, đơn

côi vì thiếu mẹ, nhưng cũng chẳng được bao lâu. Mấy năm trời gần Nguyễn, thời gian của hạnh phúc ngắn ngủi quá, tôi lại phải xa anh vì thời cuộc, vì chí hướng của anh.

Tôi buồn mất mẹ vừa tạm khuây lấy đôi phần, lại tiếp đến là những niềm đau chia cách người yêu ! Những ai đã từng yêu, đã từng đau khổ vì tình yêu, đúng nghĩa của nó, đều hiểu rằng trong tình trường nước mắt nhiều hơn nụ cười !

Nếu đức Phật dạy rằng : « nước mắt của chúng sinh trên ba ngàn thế giới này góp lại bằng một đại dương lớn nhất hoàn cầu » thì nước mắt của tôi cũng có thể tạo nổi một giòng sông ! ! !

Cho đến bây giờ...

Nguyễn ơi ! thế xác em anh có thể giết được, em rất sẵn sàng, nhưng sao anh nỡ giết một tấm lòng mà không hề hối hận ? ! Đau khổ nhiều quá rồi Nguyễn ơi ! Sức chịu đựng của con người chỉ có hạn, em đã chịu đựng nhiều quá rồi, em sợ rồi đây sẽ có ngày quá sức mất thôi ! Lúc ấy em sẽ làm sao nhỉ ?...

— Một điều em chắc chắn nhất là em sẽ không bao giờ tự tử cả, vì em cho đó là một sự trốn tránh hèn hạ nhất, Hành động ấy chỉ dành cho những kẻ óc đã đặc, mắt đã mờ, không còn biết cả chính mình là gì nữa ! Cái trò tự sát đối với em nó tầm thường nhỏ mọn quá, không phải em sợ chết, nhưng em muốn cái chết của một người — xứng đáng với danh từ của nó — phải chọn cho xứng đáng để khỏi làm nhục linh hồn (nếu người ta chết còn có linh hồn) và làm hại những người còn sống, bị vấy phải những năm mồ như một đồng rác !

Em nói như vậy hơi quá khích phải không Nguyễn, nhưng chính anh cũng đã từng mỉa mai Nguyễn rửa những kẻ « coi cái chết vì tình như một lý tưởng » cơ mà !

Em cùng viết theo anh thôi chứ thực ra chính em cũng chẳng có ý tưởng gì mới cả, em thì làm sao theo được anh. Vì thế anh mới khinh em, liệt em vào hạng quá thấp hèn trong xã hội, nhìn em bằng đôi mắt tầm thường như thế !



Tôi tự hứa rằng sẽ không bao giờ thêm khóc nữa, tôi đã lớn, đã là cô giáo. Tôi chỉ có thể tha thứ cho tôi đến trận khóc đêm qua là cuối cùng, tôi không thể nhượng bộ tình cảm thêm được nữa. Tôi sẽ tự kiểm soát rất gắt gao những tư tưởng ; phải tiêu diệt những ám ảnh nặng nề, những bi quan quá mức !

Than thở mãi rồi cũng đến thế, tất cả những gì phải xảy ra đã xảy. Khóc lóc mãi cũng chẳng hơn gì mà còn hại đến sức khỏe, mòn mỏi tư tưởng. Người ta vẫn ghét bỏ mình như thường ! Cứ coi như tất cả đã chết là xong, có ai thương mình đâu mà mình phải nhọc lòng thương những cái đã chết ấy. Người ta có coi mình ra gì đâu mà cần. Ngày xưa không có Nguyễn thì đã làm sao chưa ?

Nghĩ lắm càng thêm nát óc, tính toán nhiều rồi cũng đến thế, cứ vui vẻ và hân hái làm việc như thường mình có phải một thể nhân đâu !

Ừ nhỉ, tôi có phải là một phế nhân đâu. Tôi còn nhiệm vụ, tôi còn bổn phận phải làm. Chuyện giữa tôi và Nguyễn chỉ nằm trong phạm vi tình cảm mà thôi !

Tôi phải cấm « nó » không được đi xa hơn...

Thế cũng xong, tất cả mọi việc ở đời này rồi cũng có chữ xong cả, nhưng thật ra chẳng có cái gì xong cả, nhưng mình cứ cho nó là xong. Riêng chuyện giữa tôi và Nguyễn, tôi coi như đã xong hoàn toàn, tính toán mãi rồi !

Nguyễn sẽ chẳng bao giờ hiểu được tôi nữa, cũng như tôi đã từng không hiểu Nguyễn vậy. Có một điều tôi biết chắc là anh vẫn còn yêu tôi, vì nếu không yêu nữa thì chả bao giờ anh giận và tôi cũng thế, tôi vẫn còn tha thiết yêu anh, thế là đủ rồi ! Tôi không mâu thuẫn đâu ! Sao người ta lại cứ quan niệm chữ yêu hẹp hòi thế nhỉ ? Tôi còn nhớ một câu nói rất hay, của một văn sĩ ngoại quốc thì phải : « yêu nhau không phải là nhìn nhau, nhưng là cùng nhau nhìn về một hướng ».



22-10-

Tôi đọc lại tất cả cuốn nhật ký và tìm ra được một điều khá buồn cười... thì ra từ trước đến nay tất cả ý nghĩ của tôi đều dồn cho Nguyễn. Nguyễn đã đi rồi ! Bây giờ tôi không còn nghĩ đến Nguyễn nữa ư ?

— Không, không hẳn là như thế, chúng tôi vẫn còn yêu nhau, nhưng chẳng mong gì được gặp nhau trên thực tế nữa. Bởi vì chúng tôi cách ngăn nhiều quá ! Hơn nữa yêu nhau đâu phải cứ thành chồng vợ. Tôi cho rằng nếu muốn yêu nhau thì đừng bao giờ lấy nhau cả, vì lấy nhau tức là hết tình yêu mà chỉ còn đối với nhau bằng lòng thương và nghĩa vợ chồng.

Tôi rút ra trong cuốn nhật ký của tôi ý tưởng này : « sứ mạng giáo dục của

bọn trẻ còn đòi hỏi nhiều ở khả năng và thiện chí của tôi. Tôi không được quyền chán nản, tôi cần phải có nghị lực để thi hành sứ mạng cao cả ấy.» Ý tưởng này làm cho tôi rất thoải mái.

Thật vậy, mỗi lần tôi đến trường, dù đem theo những buồn nản rã rời học trò tôi vẫn đón tôi bằng tất cả hân hoan niềm nở. Các đồng nghiệp đã vây quanh lấy tôi chuyện trò thân mật. Chung quanh tôi còn bao nhiêu niềm thương mến... làm sao tôi lại buồn nhỉ? Tôi không thể buồn nản khi mọi người quanh tôi đang vui sướng. Tôi cần phải trở về với bọn phàn, với sứ mạng đang đón chờ tôi...

Những ý tưởng này làm tôi nghĩ rằng Nguyễn sẽ mất tôi hoặc tôi sẽ hoàn

toàn mất Nguyễn. Và cũng có lẽ chúng tôi sẽ không còn ngăn cách nữa: Nguyễn đã trở về với tổ quốc, với tự do mang một lý tưởng như tôi. Biết đâu chẳng vì chuyện hiểu nhầm này mà Nguyễn sẽ hăng hái tích cực hơn trong nhiệm vụ mới.

Tôi biết Nguyễn sẽ mãi mãi hiểu lầm tôi trên phương diện tình cảm, nhưng... sung sướng biết bao, khi Nguyễn đang cùng tôi đi trên một con đường, con đường tiến tới ngày mai nhiều nắng đẹp, hoa thơm.

Nhật ký ơ! Hôm nay ta thành thực gửi mi một nụ cười thỏa mãn, nụ cười của một kẻ vừa biết mình vừa sống lại...

PHẠM-LÊ-PHAN

★ Người nóng nảy, nông nổi, hẹp hòi xử việc việc hay hỏng, tiếp người người hay giận và chính mình thường phải thiệt thòi.

CÁO LỖI

Bách-Khoa trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc, vì cần phải đăng trước nhiều bài để khỏi mất thời gian tình, chúng tôi phải tạm để lại các bài sau đây:

Tôi đóng phim bên Anh — Lạc-Vương hay Hùng-Vương
Danh từ y ngữ — Tiếng địa phương.

B. K.

KHÔI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-BƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Từ hôm cô ấy sang chào cụ đồ Phương vào tuần cuối tháng trước, thì không thấy sang bèn này nữa. »

Cụ đồ Phương, người Sơn-đông, năm xưa ngồi bảo học ở Tăng-phủ ở Thái-an; nay cụ cũng lên Bắc-kinh. Cụ đồ bà đã qua cố, mà con cái chẳng có người nào, thành thử ra, cụ đồ ông chỉ tro troi có một thân, một mình, nên cụ phải lên đây, nhờ Tăng-gia đề an dưỡng tuổi già. Cũng vì tình cũ, nghĩa xưa, ông Tăng-Văn-Phác phải cố kiếm cho cụ một công việc biên chép xi xằng, để cụ làm, cho có việc, cho đỡ buồn, chứ, cụ đã già nua, tuổi tác như thế, thì còn làm gì được một cách đặc lực. Theo cái nền nếp của Nho-phong, đầu một ngày cũng là nghĩa, cái tình thầy trò không bao giờ thay đổi; mấy cậu con ông Tăng-Văn-Phác đã thụ giáo cụ đồ, thì chung thân họ, họ là môn sinh cụ; họ phải trọn đời thờ kính cụ. Vả lại, cụ cũng là một lão học cứu, nên ở đâu cũng được ưu đãi.

Man-Ni nói: « Thưa má, có lẽ cô Mộc-Lan bận rộn về việc sửa soạn cho cậu anh cô, sắp xuất dương chăng? »

— Thế bao giờ cậu ấy đi? »

— Thưa má, theo lời cô ấy, thì, đầu vào cuối tháng này, thì phải. »

— Quái nhỉ, sao lại cứ phải đi sang mãi nước ngoài, để học sách nước ngoài!... Má cũng không hiểu làm sao thân mẫu cậu ấy, lại ưng thuận cho cậu ấy đi xa nhà, như vậy? Má, thì má nhất định, không để cho Khâm-A hay Tân-A đi như thế, đâu! »

— Thưa má, có một hôm, Cầm-Nhi đưa lễ vật sang biếu Phương tiên-sinh, con có gọi nó vào phòng con, để hỏi dò nó, nhưng nó nhất định không dám nói... Thế rồi, cái hôm Mộc-Lan sang đây đề chào cụ đồ, tự nhiên, cô ấy nói cho con rõ, cái việc đi này, có dính líu tới việc chị a-hoàn Ngân-Bình... Đầu, có người khuyên Diêu-thái-thái nên ly khai cậu Địch-Nhân ra xa khỏi Ngân-Bình, thì cậu mới có thể cải quá, tự tân được. »

Quế-Cô nói: « Nếu chỉ có mỗi một việc là ly khai cậu xa một chị a-hoàn, thì việc gì phải bắt cậu xuất dương? »

Man-Ni nói : « Nào, ai mà hiểu nổi ? »
Nàng nói như vậy, nhưng nàng còn đương để cả mắt và trí vào bàn cờ, vì quân « pháo » của nàng đương sắp bị quân « tốt đầu » của Tăng-thái-thái « ăn » đến nơi. Tăng-thái-thái đánh cờ rất cao, bà có thể chấp Man-Ni hẳn một con « mã ».

Quế-Cô nói : « Thôi, chịu thua đi thôi, Man-Ni, à ! Quân tốt đầu của thái-thái đã « độ hà », nó sang bên ấy, sẽ vùng vẫy như một quân « xe », Man-Ni sẽ bị « chiếu tướng » đến bây giờ !

Tăng thái-thái nhắc Man-Ni : « Đây ! con, con « pháo » của con sắp nguy nữa rồi, con còn đợi gì mà không chạy nó đi... à con ạ, mà thấy con mấy bữa nay, thần sắc hơi kém đấy, trời lại bắt đầu nóng lắm... có lẽ con nên sang bên Diêu-Phủ thăm Mộc-Lan, và nhân tiện, đề vận động một đôi chút thì hơn, con ạ. »

Quế Cô nói : « Mà, thưa thái thái, tốt nhất là ta nên mời Mộc-Lan với cậu anh sang ăn cơm, để nhân dịp, vừa « tiến hành » cậu ấy, và vừa đề « tiếp phòng » cụ đồ Phương ; lại nhân một công, đôi, việc, đề cho Man-Ni nhà ta đáp lễ Mộc-Lan, vì từ hôm đi du ngoạn về, Man-Ni đã có dịp nào đề « hoàn lịch » cô bạn Kim-Lan đâu... Không những thế, bữa cơm sẽ là một tiệc vui cho tất cả các cô, các cậu... như vậy ta sẽ cử Man-Ni và Khâm, Tân, làm đông đạo chủ... »

Man-Ni rất cao hứng, vì từ bấy nhần nay, nàng chưa hề đóng cái vai đồng-đạo, để tiếp khách bao giờ, nàng vui vẻ nói :

« Vâng, như thế thì vui quá !... Con cũng có cái ý ấy đấy, nhưng con không

dám nói ra... Bữa tiệc này, con xin hoàn toàn phụ đảm... Vả, mỗi tháng con có mười đồng, tiền bỏ túi tiêu vặt, con có tiêu gì đâu, nên con đã đề dành được một món đấy, con xin đem cả, dùng vào việc này. »

Quế-Cô nói : « Man-Ni nghĩ phải đấy... Đem tiền dùng vào việc kết liên lạc và gây cảm tình, thiệt không phải là phí vô ích. Bữa tiệc này, không những mua vui cho tất cả trẻ em, nó lại còn có một ý nghĩa đẹp hơn, là đề cho bọn trẻ em có dịp đề « tiến phụng » cụ đồ Phương và đề tỏ tình sư đệ. »

Tăng phu nhân hỏi : « Thế còn Ái-Liên thì sao ! »

Quế-Cô đáp : « Thưa thái thái, tôi thiết tưởng, nên làm như vậy : ta chia ra làm ba thành, tôi xin cáng đáng phần của Ái-Liên, thái thái giữ phần của Khâm, Tân, Man-Ni đứng phần của mình. »

Man-Ni vội nói : « Không, thưa không... xin cứ như lúc đầu đã ấn định, xin cứ đề tôi đảm phụ tất cả, tôi có dư hai chục đồng, như thế, đủ chán rồi... Vả, trời lạnh lắm, ta cứ làm tiệc ngay ở nhà thì hơn... xin má, má đừng đổi ý kiến nữa, con yêu cầu má, má dành cho con cái thể diện đó, vì con là chị cả, lẽ đương nhiên má đề cho con cái danh dự đó chứ ! »

Tăng-phu-nhân nói : « Ừ, thôi thì đề Man-Ni đảm phụ cũng được... »

Man-Ni hỏi Tăng-phu-nhân :

« Thưa má, thế mời những ai kia ạ ? »

Tăng-phu-nhân đáp : « Cái đó tùy ý con... xem nào, bên Diêu-Gia có hai chị em Mộc-Lan với Địch-Nhân này, nếu con ưng ý, thì mời cả A-Phi ; còn bên nhà

minh, chỉ có con và bảy trẻ nhà ta, đầu tuần lễ sau Khâm, Tân, sẽ được nghỉ, đấy mà. »

Man-Ni lại hỏi : « Thừa má, liệu có nên mời bên Nguru-Gia không ạ ? »

Quế-Cô đáp : « Có lẽ chẳng cần đâu... kờ ra, mời Tổ-Vân cũng được, nhưng, mời thì mời, chứ vị tất Tổ-Vân đã chịu sang. »

Nguyên-Lai, Tổ-Vân sắp sửa đình hôn với Khâm-A, cô ấy ngượng, thẹn, không khi nào chịu đi. Nhân, nửa năm vừa qua, hạnh vận của thân phụ cô là ông Nguru-Tur-Đạo, đã cực kỳ là hanh thông ; ông làm quan đại thần bộ Độ-chi, coi việc thu thuế ; mà nhờ trời ; mưa thuận, gió hòa, mùa màng phong thịnh, sự buôn bán cũng theo đó mà phồn vượng lạ thường, nên năm nay thuế má đã thu được vào rất nhiều, rất óng chuốt, công khổ trở nên dồi dào, tiền của cứ như nước ; bởi vậy, thuộc hạ của ngài, từ dưới tới trên, được quan độ-chi đại thần ngài cho tất cả « chấm mút » ít nhiều, tùy theo địa vị của mỗi người, lẽ cố nhiên, họ đã làm ngơ tất cả, để cho quan đại thần độ chi họ « Nguru » tha hồ mà xả xẻo của công. Quan đại thần, lòng mừng khắp khởi, nên một hôm, ngài bảo với lệnh phu nhân rằng : « Thiên tông nhân nguyện, trời cũng chiều lòng, cho nên thuế má năm nay rất dồi dư dự, thế nào mùa đông tới này, ta cũng phải về từ đường làm lễ tế tổ mới được ; uống nước phải nhờ nguồn, tuy nhà ta được phát đạt, thịnh vượng, một phần là ân điển của đức hoàng thượng, nhưng một phần nữa cũng là nhờ ở sự phù trợ, bảo hộ, của tổ tiên, bà lớn nó phải ghi nhớ lấy việc này, mà nhắc ta. »

Ngoài ra, ông Nguru-tur-Đạo, trong lúc đắc sách, lại muốn đến tiết đoan ngũ này, cử hành hôn lễ của cậu ấm. Đầu cậu đã hỏi lấy một « thiên kim tiểu thư » họ Trần. Ngài muốn nhân lúc « hồng vận » mà làm một lễ cưới cực kỳ trọng sự thể. Thế rồi, nhờ ở sự khôn khéo của bà vợ, Nguru-gia lại cầu thân với Tăng-gia để gả Tổ-Vân cho Khâm-A, hai bên đã trao « canh thiệp » cho nhau, chỉ còn chờ ngày lành, tháng tốt, thì làm lễ cưới nữa thôi.

Man-Ni nói tiếp : « Nhân cái việc vui mừng của chú Khâm-A nó, con liên tưởng tới Mộc-Lan ; có lẽ nhà ta phải mau mau chính thức hỏi Mộc-Lan cho Tân-A đi, kẻo cái người tiên đó sẽ bị người khác họ nhanh chân, họ dành mất thì uổng quá, thừa má. Đã có một lần, con nghe thấy, đầu có quan thái-phó họ Lâm, ở Phúc-châu, muốn cầu hôn Diêu-gia, thì phải... Con thiên nghĩ, nhà ta không nên trì hoãn, cứ để năm nọ, qua năm kia, mà lỡ việc mất. »

Quế-Cô nói : « Man-Ni nói đúng đấy, thừa thái thái. »

Tăng thái-thái nói : « Không, chính tôi, tôi cũng nghĩ như thế đấy, nhưng, tôi cũng không hiểu tại sao, tôi lại chần chừ như vậy ? Quả bấy nay, tôi vẫn coi Mộc-Lan y như là người nhà mình rồi đấy, chứ có phải, không đâu. »

Man-Ni lại nói : « Thừa má, má phải lưu tâm liệu lý ngay trước khi Mộc-Lan đi tông học, thì hơn. »

Quế-Cô, vừa cười, vừa nói đùa Man-Ni : « Ở ở, Man-Ni làm gì mà nóng nảy thế ? Ta cưới Mộc-Lan về cho Tân-A, chứ có phải cho Man-Ni đâu, kia ! »

Man-Ni vội đáp : « Không, thiệt tình, con rất nóng ruột, thưa má !... Mới lại, nếu nhà ta lo hôn sự cho Khâm - A, sao ta lại không lo luôn việc cho cả Tân - A..... Như vậy, ba má sẽ có thêm được một người con đầu thông tuệ và nhu thuận, mà riêng phần con, con sẽ được một người bạn hiền trong khuê phòng..... Lắm lúc, con cứ nghĩ, cái việc hôn nhân này quả là tức trái, thiên duyên !... Vâng, nếu Mộc-Lan không bị thất lạc, thì nhà ta, làm thế nào mà biết được con người ngọc đó..... Con dám tin chắc rằng, khó kiếm được ở đâu ra, một cô nương đủ mọi vẻ như thế, đấy. »

Tăng-phu-nhân nói : « Má không lấy những lời con vừa nói, làm lạ, làm quá đáng, đâu..... Má thấy, bất cứ ai, khi biết Mộc-Lan, mà lại không khâm mộ nó..... Nhưng, để rồi má cũng còn phải hỏi lại Thằng ba xem sao, đã chứ. »

Quế-Cô nói : « Có lẽ thái thái chẳng cần phải hỏi cái chú ba « mũi lệch » nhà ta nữa, vì, nếu cái thân sự đó mà thành tựu, thì chú ấy sẽ là một người có hạnh vận nhất đời rồi, còn gì nữa ! »

Man-Ni nói : « Vâng, chính thế đấy a, Má chẳng cần phải đề tâm ; con xem, cứ mỗi lần nói đụng tới Mộc-Lan là nhà chú ta đã đỏ bừng cả mặt lên, rồi luống cuống, thẹn thùng đến hay..... Thế, mới lại, cái hôm Mộc-Lan sang đây để chào cụ đồ Phương,..... hôm đó, có cả con, lẫn Khâm - A, chúng con đương ngồi hầu chuyện cụ đồ, thì, Tân-A ở đâu chạy xông xộc đến

và cứ nhìn chăm chăm vào mặt Mộc-Lan, làm cho cô ấy thẹn quá ; chú ấy đột ngột hỏi Mộc-Lan rằng : « Lan-Muội à ! có phải em sắp đi sang Anh-Cát-Lợi để du học không ? Việc gì lại đi nghe Phó-tiên-sinh như vậy ! » Mộc - Lan ngạc nhiên hỏi lại : « Thế nào ? Tam - Kha nói cái gì, kia ? » — « Họ bảo Lan-Muội sắp sửa sang Anh - quốc, mà lại . . . » Mộc - Lan chợt hiểu ra, liền đáp : « À, tam kha nghe lầm rồi, đấy là anh Định-Nhân em, kia đấy chứ. » Mộc-Lan đã tự chấn tĩnh được và trả lời như vậy. Tân-A mới phóng tâm, và cậu vừa nhẩy cẳng lên, vừa nói : « Ô, thật à ? Đúng thực là Lan-Muội không đi, phải không ? » Mộc-Lan đáp : « Đúng thế đấy, với lại, em đi ngoại quốc làm gì, mới được chứ ? » — « Thì tôi cũng chỉ muốn hỏi Lan-Muội, có thể thôi !..... Tôi xin thú thật với Lan - Muội, tôi hoảng quá đi mất ! Lan-Muội không nói dối tôi, đấy chứ ? » — Em nói dối Tam-Kha làm gì, mới được chứ, sao anh lại khờ khạo thế ? » Cô ấy cười, rồi nói tiếp : « Ừ mà, nếu ví thử tôi có đi thật chẳng nữa, thì anh tính sao ? » — « Ô, tôi sẽ đi với Lan-Muội, chứ lại. » Mặt chú ba nhà ta cứ đỏ lên rồi trắng nhợt đi, rồi lại đỏ ửng lên. Sau, chú ấy mới quay lại phía con và hỏi con : « Thưa chị, có phải chính chị đã cho em biết, Mộc-Lan đi Anh - quốc lưu học, mà đó là do ý kiến của Phó-tiên-sinh không ạ ? »

(còn tiếp)

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-khoa vừa nhận được :

Thấy cái chết mới tìm ra lẽ sống (Thiếu-Sơn) Một mùa xuân nữa lại về (Phạm-Lê-Phan) Chim Yến thay lông (L.Đ.Giản) E-Áp — Từ Khuyển-Thương về Sông Phố — Trường ca Sông Phố — (thơ Lê-Hùng) Lại ra đi — Nhịp đưa (thơ Diệu-Thanh) Lạc loài — Cách trở — Muốn Phương (thơ Trùng-Dương) Đời Hoa (My-lan-Oanh) Hà tiên, thổ sản đời mới (A.P Lê-Quang).
Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài sẽ đăng :

Thoáng buồn (Phan - Minh - Hồng) Chúng nó (Ô. Ngũ-Yên-Tòng) « Hoài Vọng » và « Mai anh về » (Ô. Võ-Thủy-Lam) Nửa đêm về sáng — Quê Em (Trường-Linh K.B.C. 3168).
Những bài trên đây sẽ đăng lần lần trên B.K. trong những số tới.

— Những bài không đăng :

Hương thơ (Ô. Nguyễn-Mạc-Thu) Tàn Thu — Tiếng lòng (Nguyễn-Thanh-Phương).

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.



Ô. Võ-Thủy-Lam. — Xin cho biết tên thật và địa chỉ để tiện liên lạc.
Ô. Trường-Linh (K.B.C. 3168). — Xin cho biết tên thật để tiện liên lạc. Đã gửi báo biểu tới ông.

Ô. Hoàng-Long. — Về việc ông hỏi đóng sách chúng tôi rất tiếc vì ngoài Bách-khoa ra, các sách khác đưa đóng ít và lỗ khỏ, giá tính đắt và thợ đóng không nhận. Mong ông thông cảm.



GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « Việt - Nam văn học toàn thư » do ông Hoàng-trọng-Miễn biên soạn và gửi tặng. « Việt-Nam văn học toàn thư » gồm tám quyển, quyển thứ nhất nói về « Thần Thoại » dày 300 trang, gồm nhiều văn liệu và phụ bản quý giá. Soạn giả đã công phu trình bày sự tiến triển của tiếng nói và văn học theo lịch sử. Sách trình bày mỹ thuật, chữ sắp theo lối linotype, giá bán 100\$

— « Gió thiêng » tập thơ của Bhiksu Đức-Nhuận do Vạn-Hạnh xuất bản. Là một Phật tử, tác giả đã tìm hứng Thơ trong Đạo Phật mẫu nhiệm. Toàn tập gồm 22 bài thơ, trên giấy trắng tốt, bla do Lữ-Hồ trình bày mỹ thuật, giá bán 40\$

— « Les origines du clergé Viet-namien », tập luận án tiến sĩ của L.M Nguyễn-hữu-Trọng, tiến sĩ Thần học cử nhân văn chương và xã hội học. Sách trình bày lịch sử khai nguyên công giáo tại Việt-Nam, gồm nhiều tài liệu quý giá. Sách dày 292 trang, giá 125\$ (giấy tốt) và 85\$ (loại thường).

— « Văn thơ đại » của Ngô - Khê, do tác giả gửi tặng « Văn thơ đại » đượm màu sắc cổ thi, có nhiều bài bằng chữ Hán, thể Đường Luật. Tác giả tỏ ra già dặn về bút pháp và có một hồn thơ dồi dào phong phú. Toàn tập dày 140 trang giá bán 40\$.



Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn các tác giả và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

B.K.

Đính chánh

Trân trọng xin các bạn sửa giúp các lỗi sau đây :

- Trong Bách-khoa số 46 Bài « Pasternak » của Lưu-Nguyễn Đ.T.T. trang 51, dòng 25, 26, 27 :

« ... Ông trở nên bi thiết để rồi bỏ mình trong một tai nạn giao thông » xin sửa
« ... để rồi bỏ mình trên lề đường, sau khi bước xuống xe điện đi được ba bước,
vì bình cũ phát lên cơn dữ dội... »

★ BÁCH-KHOA SỐ 49

- Trong bài « Huế - Phong » trang 70 dòng 14 : xuất bản ở Nam Việt vào khoảng 1940-1944, xin đọc là : xuất bản ở Nam Việt và trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy ở Bắc Việt vào khoảng 1938-1944.
- Trang 72, cột 1, dòng 3 : « Hồn đi mất » xin đọc là : « ... hồn tôi mất ».
- Trang 72, cột 1, dòng 5 : (Huê-Phong « Bướm già ») xin đọc là :
(Hàn-Mặc-Từ « Những giọt lệ »).
- Trang 72, cột 2, dòng 6 : Cảm hứng rất gần, xin đọc là : cảm hứng cùng rất gần.
- Trang 73, cột 1, dòng 1 và 2 : ... đúng như lời của thi hào Paul Verlaine xin đọc là : đúng như lời thơ của thi hào Paul Valéry.
- Trang 73, cột 1, dòng 16 : ... cho tới cách chữ dùng... xin đọc là : ... cho tới các chữ dùng...
- Trang 73, cột 2, dòng 19 và 20 :
... Nếu Tế-Hanh vẫn chiếm được một địa vị khả quan... xin đọc là :
... Nếu Tế-Hanh đã chiếm được một địa vị quan trọng...

★ BÁCH-KHOA SỐ XUÂN KỶ-HỢI (Số 50 ngày 1-2-59)

- trong bài « Con Heo, theo quan niệm ta trong văn thơ » của Thuần-Phong.
- trang 26, cột 1 sau bài ngụ ngôn, tên tác giả là Thuần-Phong chứ không phải Huê-Phong.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 48 : 4 tập : 420 đ.



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

Adresse Tél.
LOSSEIC

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyễn-Huê et Lê-Lôi — SAIGON

Tél N°
20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions

SIMCA

STUDEBAKER

Motos et Scooters

BIANCHI

RUMI

DEPARTEMENT FROID

Installation

Réparations

Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)

Tracteurs forestiers

Tracteurs agricoles

Bulldozers

Groupes électrogènes

Groupes marins

Moteurs hors-bord

Atelier de réparations

Station Service

Pièces détachées d'origine

Pneumatiques «MICHELIN»

Moteurs marins

Groupes électrogènes

ĐI Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

L'Agente :

Soc. d'Exploitation Industrielle Commerciale



Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

Hãng METRO GOLDWYN MAYER tại Việt-Nam hân hạnh sẽ
lần lượt cống hiến quý vị yêu màn bạc những xuất
phẩm bất hủ sau đây trong tháng ba :

IL ETAIT UN PETIT NAVIRE

Alec Guinness, Jackie Collins

LE TRÉSOR DU PENDU

Robert Taylor, Richard Widmark
Patricia Owens

LE SOLEIL SE LEVE AUSSI

Ava Gardner, Mel Ferrer, Errol Flynn,
Tyrone Power

LE BAL DES MAUDITS

Marlon Brando, Montgomery Clift,
Dean Martin

LE CHAT SUR UN TOIT BRULANT

Elisabeth Taylor, Paul Newman

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

**Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc**

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

MỘT TÁC-PHẨM LỊCH-SỬ QUAN-TRỌNG

MỚI XUẤT-BẢN

Le Clergé national dans la fondation
de l'Eglise au Việt-Nam

LES ORIGINES DU CLERGÉ VIETNAMIEN,

Luận-án tiến sĩ của L. M. NGUYỄN-HỮU-TRỌNG, tiến sĩ Thần-Học cử nhân văn chương, cử nhân xã hội học.

Trình bày cặn kẽ lịch sử khai nguyên Công-giáo tại Việt-Nam và vai trò của giáo sĩ bản quốc trong công cuộc gây dựng Giáo hội Việt-Nam.

Một đóng góp quan trọng cho nền sử-học Việt-Nam.

Xuất bản nhân dịp kỷ-niệm 300 năm thiết lập hai Tòa Giám-mục đầu tiên ở Việt-Nam (1659-1959).

292 trang khổ rộng, 7 phụ bản, bìa mỹ thuật lần đầu tiên in theo phương pháp silk-screen (sérigraphie) ở Việt-Nam.

Giá bán : Loại giấy thật tốt : 125\$ — Loại thường ; 85\$ — (xa thêm cước phí).

Thư từ, ngân phiếu đề tên : Ô. PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM, Ban Sử-học TINH-VIỆT Văn-Đoàn, 232/19 Hiền-Vương Saigon.

Việt-Nam Văn-Học Toàn-Thư

do Hoàng-Trọng-Miễn biên soạn

— Một công trình sưu tầm đầy đủ tài liệu văn chương Việt-Nam từ nguyên thủy đến hiện đại, gồm toàn bộ tám cuốn.

— Quyển thứ nhất nói về **Thần Thoại**, dày ngót 300 trang, gồm nhiều văn kiện quý lạ chưa hề in, nhiều phụ bản về các dấu tích văn hóa thời cổ, biên soạn theo phương pháp tổng hợp của khoa học văn học.

— Trình bày sự tiến triển của tiếng nói và văn học theo giòng lịch sử.

— Ghi chép những sáng tác văn chương truyền khẩu đầu tiên của dân tộc Việt-Nam và các dân tộc thiểu số anh em.

— Ấn loát tối tân theo lối sắp chữ bằng máy linotype hình thức trang nhã, khuôn khổ lớn, bìa bọc mỹ thuật trình bày theo cổ họa. Quốc-Hoa xuất bản giá 100 đồng.

KÍNH GỎI

Các bạn yêu văn thơ

Một số sách có giá trị về văn thơ, xuất bản cách đây hai ba chục năm, ngoài một vài bạn may mắn lắm còn giữ được, hiện nay không còn kiếm đâu ra được nữa. Chúng tôi muốn đánh máy rồi quay ronéo hai bộ chứa nhiều tài liệu cần thiết cho chúng tôi tức bộ **Thi nhân Việt-Nam** của *Hoài-Thanh* và *Hoài-Chân*, và bộ **Văn đàn bảo giám** của *nhà Nam-Kỳ*. Muốn cho phí tổn được nhẹ, chúng tôi định rủ thêm một số bạn yêu văn thơ, nhiều lắm là một trăm bạn. Tòa soạn « **Bách-Khoa** » sẽ lãnh việc đánh máy, in rồi đóng thành sách. (1) Tất nhiên là Tòa soạn không lấy lời. Phí tổn sẽ chia đều cho mỗi bạn. Nếu có được 100 bạn thì bộ « **Thi nhân Việt-Nam** » (dày 400 trang chữ in) sẽ tốn khoảng 150\$. Những bạn nào muốn thì xin ghi tên ở tòa soạn « **Bách-Khoa** ». Đủ số 100 bạn, thì chúng tôi khóa sổ và bắt tay ngay vào việc.

Một số người yêu văn nghệ tại Thủ-đô

(1) Làm thế này, cũng như ta chép lại nhiều bản chia cho bạn bè, để dùng riêng, thì chúng ta chẳng bị ai làm phiền cả.

ĐỒ DỌC

Tiểu thuyết dài của

BÌNH - NGUYỄN - LỘC

do nhà **BẾN-NGHÉ**

233/20 Võ-Tánh, Sài-gòn

xuất bản và phát hành

Sách dày 300 trang chữ nhỏ li ti, ấn loát tuyệt mỹ, bìa đôi; chữ vàng lá nường, in lõm sâu trên nền lụa xám — 65\$ Một Quyền. —

Vì sách không phát hành lan rộng nên nơi nào không thấy bản, xin mời bạn đọc của **Bình - Nguyễn - Lộc** cứ gởi thẳng bưu phiếu về địa chỉ trên. Sách sẽ gởi tận tay bạn, cước phí **Bảo Đảm** do nhà xuất bản chịu.

Bưu phiếu, xin đề: **Cô Tô-Loan-Anh**.

Hiệu thuốc **Âu-Mĩ** :

NHƠN - THANH

537, đường Nguyễn-Trãi — Cholon

Bào chế sư : cô **Lưu-Hữu-Tuyến**

Hiệu **NGUYỄN - VĂN - TẬP**

bán bông, kiềng, cây ăn trái

241, Nguyễn-Trãi — Cholon

Chủ nhơn : bà **Nguyễn-Văn-Đồn**

Hiệu **THIÊN - THAI**

(mạch nha, kẹo gương)

4, Lý-Thường-Kiệt — Qui-nhơn

Chủ nhơn : **Trương-Đức-Có**

Mỗi 1 và 15 mỗi tháng Bạn tìm đọc

Giáo - Dục Phổ - Thông

- Một tập-san Văn-học có nhiều bài khảo-cứu công-phu.
- Một tập-san Văn - nghệ có nhiều sáng tác hấp dẫn và lành mạnh.

Do ông PHẠM-QUANG-LỘC chủ trương

với sự cộng tác của :

- | | |
|-------------------|---------------------------|
| — Bình-Nguyên-Lộc | — Nguyễn-Văn-Thanh |
| — Châu-Hải-Kỳ | — Phan-Minh-Hồng |
| — Duy-Liên | — Thạch-Trung-Giả |
| — Định-Giang | — Triều-Đầu |
| — Giang-Tân | — Tân-Loan-Kiều |
| — Hoài-Khanh | — Trúc-Liên |
| — Hồ-Nam | — Tường-Linh |
| — Kiêm-Đạt | — Thanh-Thương-Hoàng |
| — Khổng-Xuân-Thu | — Uyên-Thao |
| — Kim-Tuấn | — Võ-Liệu |
| — Lê-Thành-Thái | — Võ-Phiến |
| — Nguyễn-Hiến-Lê | — Vũ-Anh-Tuấn |
| — Nguyễn-Ngu-Í | — Vũ-Đằng |
| — Nguyễn-Minh | — Yã-Hạc và Trình-Nguyên. |

— Giá bán mỗi số : 8 \$

— Một năm (24 số) : 180 \$

— Bài vở xin gửi về :

Tòa soạn « Giáo-Dục Phổ-Thông » 8 Ngô-Đức-Kể — Saigon

— Tiền bạc và ngân phiếu, xin để tên : **Ô. Nguyễn-Văn-Thanh.**
8 Ngô-Đức-Kể — Saigon.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



HÀNG
NAM-THANH
và
THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON
Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT



10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez-vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 & 984

et toutes agences de voyages agréées



CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION

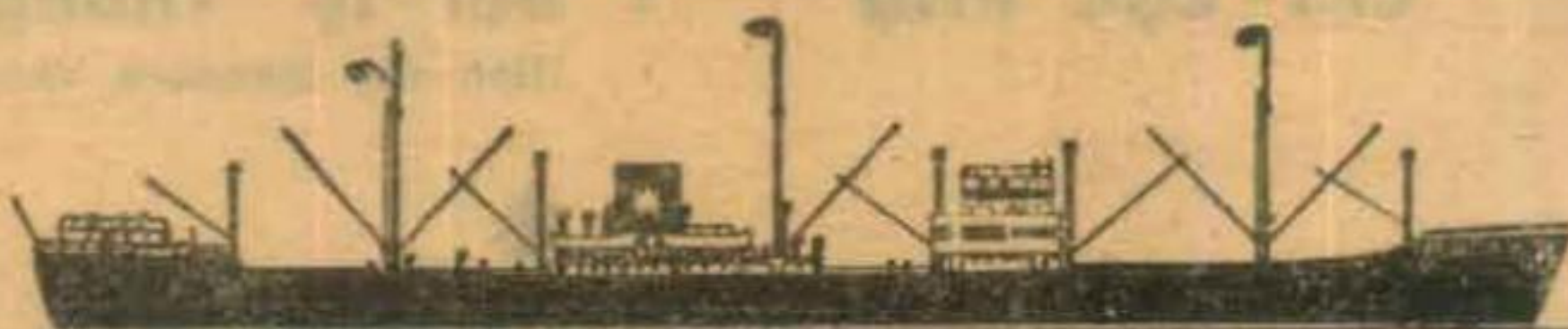


Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RÈ LAI TỐT — BÁN ST VÀ LỀ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

Công-Ty Đường Việt-Nam

Sản-xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- ★ Đường miếng lọc
- ★ Đường cát trắng tinh
- ★ Đường cát trắng ngà
- ★ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II. — CÁC LOẠI RƯỢU:

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI:

- Các tiệm tạp hóa
- Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065
- Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẠC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TAT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

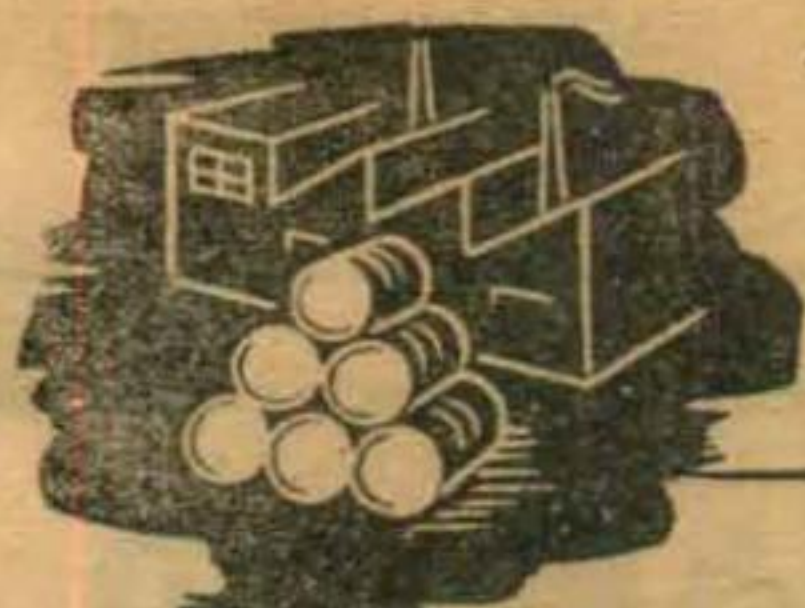
Xuất-cảng — Nhập-cảng



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycerine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



**Khi gặp trường-hợp.
Phải tặng một món quà
đặc-biệt khó quên.**



Parker 61

Cây viết máy tự-động lấy mực

**Bốn lần đặc-sắc hơn những
viết máy thường :**

**Bền-bỉ chịu đựng trước đụng-
chạm :**

Phần mực dự-trữ «nhốt kín» không thể nào
chảy ra khỏi nơi chứa.

Không thể rỉ ra được :

Một nơi chứa riêng kiểm soát lúc mực đến.

Áp-dụng đơn-giản :

Không có bộ-phận vận-dụng, nên khỏi sợ
hao mòn, hư hỏng.

Tự hút lấy mực :

Lấy mực hoàn-toàn đầy đủ, sạch sẽ,
không sợ dơ tay. Mực vào nơi dự-
trữ cây Parker 61, do sức tự-động
lấy mực.



Có kỷ-niệm qui báu nào bằng
một ngày bất-hủ, tặng một vật
đồng nghĩa với thành công :
Cây Parker 61. Sự trang-nhã,
xinh đẹp và cách cử-động khó bì của nó sẽ
làm quý Ngài thỏa-thích, khen ngợi và tỏ
rõ sự khéo lựa chọn đúng sở thích của quý
Ngài.

Đây là một cây viết máy hoàn toàn tân-
kỹ, một phát minh mới nhất trong địa-hạt
viết lách ... cây Parker 61 tự hút lấy mực,
khỏi cần vận-dụng, không có những bộ-
phận rời, nên không thể hao mòn hay hư
hỏng. Tuy nhiên, nó hút mực hoàn toàn
dưới sức hút tự nhiên : Sức tự-động lấy mực.

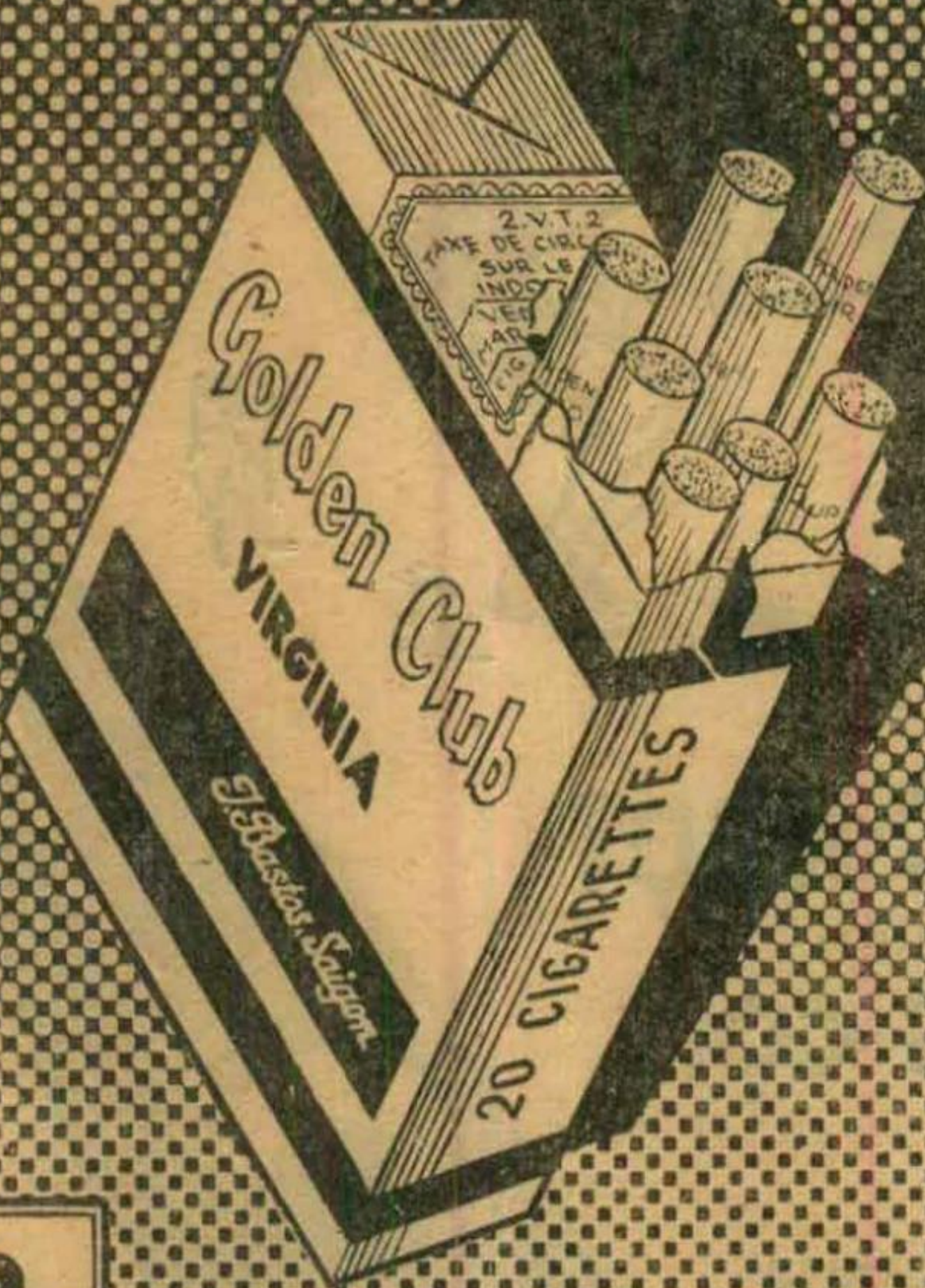
Đề tỏ lòng cầu-chúc hay khen tặng, nên
chọn món quà được ái-mộ nhiều nhất ...
cây viết kỳ lạ Parker 61.

SẢN-PHẨM CỦA



THE PARKER PEN COMPANY

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng



NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

百科雜誌

Nhà sách PHUC-THANH
58, Đại lộ Lê-Lợi Saigon

TÒA SOẠN :
160, Phan-dình-Phùng — Saigon
Giấy nói : 5g. 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-hung-Bạo — SAIGON